

**TRUYỀN THÔNG  
GIÁO HUẤN XÃ HỘI  
CÔNG GIÁO**

**([www.ghxhcg.com](http://www.ghxhcg.com))**

**Số Ra Mắt**



**CÙNG NHAU BỒI ĐÁP  
NỀN VĂN MINH TÌNH THƯƠNG**

*Ban Biên tập:*

**Cao Nguyên**

**Đan Quang Tâm**

**Nguyễn Khang**

**SÀI GÒN 17-7-2011**



## LỜI NGỎ



Thưa Quý độc giả:

*Truyền Thông Giáo Huấn Xã Hội Công Giáo*, Sổ ra mắt, mà quý vị đang cầm trên tay là kết quả từ những hy sinh âm thầm của một số anh chị em giáo dân yêu thích học hỏi và phổ biến giáo huấn xã hội của Hội Thánh. Những bài viết trong Sổ ra mắt này chúng tôi đã phổ biến trên gia trang [www.ghxhcg.com](http://www.ghxhcg.com).

Đây cũng là món quà nhỏ mà chúng tôi gửi đến quý vị nhân dịp Lễ ra mắt *website* này, được tổ chức tại nhà nguyện Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn, sáng Chúa nhật 17-7-2011.

Tuy còn rất khiêm tốn và hạn chế về mặt nội dung và không thể tránh khỏi những sai sót, nhưng lưu phẩm nhỏ này lại chứa đựng tất cả tinh thần và tấm lòng mà chúng tôi muốn chia sẻ với quý độc giả, sau gần ba năm tự ngồi lại với nhau để học hỏi giáo huấn xã hội của Hội Thánh Công Giáo, nhờ sự yêu thương và đồng hành của các tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế.

Thật vậy, sau khi đào sâu giáo huấn này, đa số anh chị em trong nhóm nhận thấy rằng họ đã tiếp cận được một kho tài liệu hết sức quý báu vốn có khả năng giải đáp một cách tường tận cho tất cả các vấn đề xã hội của thời đại hôm nay. Đặc biệt, giáo huấn này soi sáng một cách tỏ tường những vấn đề nhức nhối đang diễn ra trong lòng Giáo hội Việt Nam cũng như các vấn đề của đất nước chúng ta liên quan tới công lý, hòa bình, chính trị, kinh tế, môi trường, nhân quyền, tự do tôn giáo, công bằng xã hội, v.v.

Chính vì vậy, chúng tôi xác tín mạnh mẽ rằng việc nghiên cứu và phổ biến giáo huấn này cho các tín hữu giáo dân đang trở nên hết sức cấp bách và cần thiết, nhất là những giáo dân đang miệt mài dần thân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị và xã hội, vốn rất cần đến một cảm nang chứa đựng các sứ điệp Tin Mừng dẫn lối chỉ đường cho họ.

Tập tài liệu này được xem là một sự khởi đầu hết sức khiêm tốn. Điều quan trọng hơn mà chúng tôi muốn gửi đến quý vị chính là sự chia sẻ và khích lệ tinh thần đào sâu giáo huấn xã hội của Giáo hội. Bởi lẽ hơn bao giờ hết, giáo huấn này chính là một khí cụ để loan báo Tin

Mùng trong thời đại hôm nay, đồng thời việc nghiên cứu và phổ biến giáo huấn này phải được xem là một công việc mục vụ ưu tiên.

Trong tinh thần liên đới và hiệp thông, chúng tôi tha thiết mời gọi quý vị đóng góp cho sứ vụ cao quý này, để mỗi tín hữu giáo dân ý thức hơn nữa về vai trò và bổn phận của mình, như lời mời gọi của Mẹ Hội Thánh:

*“Tình yêu Kitô giáo sẽ đưa chúng ta tới chỗ tó cáo, đề nghị, dấn thân vào những dự án văn hóa và xã hội”,* và qua đó chúng ta cùng nhau góp phần bồi đắp một nền văn minh tình thương và xây dựng một nền văn hóa sự sống, nhằm khiêm tốn phục vụ cho sự phát triển toàn diện con người và xã hội Việt Nam, hôm nay và mai sau.

***Ban Biên tập***





## GIỚI THIỆU MỘT TRANG WEB MỚI

Một ngày cuối năm 2008, tôi có dịp từ Hà Nội trở lại Sài Gòn. Giáo xứ Thái Hà chúng tôi vừa trải qua một thời gian hết sức sôi động và căng thẳng. Báo đài đã kích chúng tôi cả tháng trời và qui kết cho chúng tôi nhiều tội vạ. Nhưng đáng khác, cũng có rất nhiều anh chị em bày tỏ lòng thương mến. Nhất là rất nhiều anh chị em quen cũng như lạ, đã hiệp thông cầu nguyện nâng đỡ chúng tôi. Chúng tôi rất cảm động và biết ơn những tình cảm quý báu đó vô cùng.

Tôi được gặp lại nhiều bạn cũ phương Nam. Chúng tôi có dịp trao đổi với nhau. Thái Hà không có chủ ý mà lại trở nên một điểm nóng thời sự trong Giáo Hội. Thái Hà làm lộ rõ nhiều khát vọng, nhiều trăn trở, nhiều bình luận. Từ kinh nghiệm đó, chúng tôi tự hỏi không biết có thể làm gì căn cơ hơn chẳng, để có một chút đóng góp cho cộng đồng vào thời điểm phức tạp này. Những suy nghĩ của chúng tôi cô đọng lại thành một dự tính: chúng tôi sẽ cùng nhau học hỏi, nghiên cứu về đường lối của Giáo Hội trong lãnh vực xã hội, dựa trên tài liệu *“Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo Hội công giáo”* do **Hội Đồng Tòa Thánh về công lý và hòa bình** soạn thảo, và **Hội Đồng Giám Mục Việt Nam** giao cho **Ủy Ban Bác Ái Xã hội** biên dịch.

Đây là một tài liệu dày 450 trang khổ 14,5 x 22cm với rất nhiều chú thích để qui chiếu. Tôi cũng hơi lo tài liệu này có khô khan quá chăng. Nhưng các bạn đã hăng hái nhập cuộc, vì ai cũng mong muốn tìm cho mình một định hướng và muốn chia sẻ những tâm nguyện của mình với mọi người thiện chí, nhất là những người nghèo khổ thua thiệt, những nạn nhân của bất công, bất nhân. Tôi phải nói rằng các bạn không hẳn là những người non nớt, mỗi người đều đã từng lăn lộn trong lãnh vực chuyên môn của mình, người trong ngành y tế, người trong ngành giáo dục, tư pháp, công tác hay tham vấn xã hội, v.v... cho nên ở những câu chữ mà người không có kinh nghiệm tưởng như chỉ là lý thuyết trừu tượng, thì các bạn như gặp lại những kinh nghiệm xương máu của mình. Hẳn là vì thế nên các bạn đi vào những bản văn dày cộm đó một cách thích thú.

Một hôm các bạn chất vấn tôi: “Tại sao Giáo Hội có những tầm nhìn quý báu đó mà các Cha không chịu giảng ở nhà thờ?” Tuy bị “chiếu tướng”, nhưng tôi cảm thấy rất phấn khởi. Các bạn hỏi như thế có nghĩa là điều Giáo Hội xưa nay áp ủ đã tìm ra chốn đồng thanh đồng khí ngay trong lòng các tín hữu của mình. Có nghĩa là hạt giống gieo đã nảy mầm.

Từ khi có sinh hoạt học hỏi này, mỗi lần về Sài Gòn, tôi lại tìm đến thăm viếng nhóm. Tôi vui mừng nhận ra sự hăng say, kiên trì, tình nghĩa anh chị em trong nội bộ nhóm. Hơn nữa, từ một nhóm ban đầu, nay đã thành bốn nhóm; có những khuôn mặt còn rất trẻ đã tiếp bước đàn anh, đàn chị.

Tôi vẫn nghĩ rằng học thuyết xã hội của Giáo Hội phản ánh cả một quá trình tâm linh của những người đã sống đức tin của mình giữa những hoàn cảnh cam go, phức tạp và đa dạng của lịch sử loài người hơn hai thế kỷ vừa qua. Nếu chúng ta có dịp đi sâu vào những tình huống, tâm tư, nỗ lực của những người đã góp phần hun đúc nên kho báu học thuyết ấy, sẽ thấy nó còn hay hơn bất kỳ cuốn tiểu thuyết lịch sử nào, bởi vì ở đây là kinh nghiệm sống thực, có sự đổi mới, sự ly kì, có nỗi đau của con người, có mặt sáng mặt tối của nhân thế, có những phấn khởi của khám phá và tiến bước, có chất vàng ròng của cõi tâm, của nhân ái, của tin, cậy, mến.

Lịch sử ấy ngày nay vẫn tiếp tục, nó giải thích những tình huống bi đát hay hào hùng mà thế giới và đất nước, và Giáo Hội chúng ta đã, đang, sẽ đi qua. Nó lay tỉnh phần ý thức ở nơi ta, nó là một tiếng gọi, một ánh sáng soi đường. Nếu ta để ánh sáng ấy tắt đi, ta sẽ lỗi đạo với Chúa và Hội Thánh, ta sẽ không chu toàn được nhiệm vụ của ta với cuộc sống hôm nay.

Nay các bạn nghĩ rằng đã đến lúc chia sẻ với nhiều người hơn nữa những điều quý báu các bạn đã phát hiện. Tôi thành thực cầu chúc các bạn một chặng đường mới phong phú và đầy sức sống. Một bên có ánh sáng của Hội Thánh, một bên có kinh nghiệm sống, có sự ngụp lặn của các bạn trong cuộc đời, chúng ta có quyền hy vọng rằng mạng mới này sẽ là bạn tâm giao của những ai nặng lòng với Hội Thánh và với con người.

*Lm. Mát-Thêu Vũ Khởi Phụng, CSsR.*

# MỘT THOÁNG SUY TƯ VỀ GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO



*Học thuyết xã hội Công giáo không phải là một học thuyết tĩnh, bất di bất dịch, nhưng là một ứng dụng năng động các giáo huấn của Đức Kitô vào trong các thực tại và hoàn cảnh đang đổi thay của các xã hội và các nền văn hóa của con người. Dĩ nhiên, các nguyên tắc cơ bản thì không thay đổi, bởi vì các nguyên tắc đó đã cắm rễ sâu vào bản tính con người. Nhưng khi áp dụng các nguyên tắc, cần phải biết thích nghi với các hoàn cảnh lịch sử mới vào từng thời kỳ và tại các không gian khác nhau.*

*Lm. Thomas Williams.*

**TÓM TẮT CHƯƠNG NHẬP ĐỀ QUYỂN  
TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA  
GIÁO HỘI CÔNG GIÁO:**

**MỘT NỀN NHÂN BẢN  
TOÀN DIỆN VÀ LIÊN ĐỐI**

*Lời người dịch: Quyển Tóm Lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo (“Quyển Tóm Lược”) quả là một kỳ thư, cảm nang, “cảo thơm lần giở trước đèn” cho mọi Kitô hữu. Sách gồm Nhập đề, 12 Chương và phần Kết luận, tổng cộng 583 số, dày 696 trang (bản dịch tiếng Việt do Cha Nguyễn Ngọc Sơn cùng Nhóm Dịch Thuật thực hiện) hoặc 525 trang (bản tiếng Anh). Quả là một tác phẩm khá đồ sộ. Mỏ vàng minh triết và khôn ngoan này của Giáo hội đã được hình thành qua việc rút lấy từ Giáo huấn Xã hội Công giáo, các tư tưởng Thánh Kinh, thần học và triết học rồi đem sắp xếp, trình bày theo các đề mục. Tuy nhiên, để giúp nghiên cứu, học hỏi quyển Tóm Lược có hiệu quả hơn, cần có một bản tóm lược của tóm lược. Giáo sư Joe Holland, chủ tịch Phong trào Pax Romana Hoa Kỳ, cùng với một nhóm đồng nghiệp và đồng sự, đã phân công nhau thực hiện việc tóm lược này, hiện nay mới chỉ đưa ra bản tóm tắt phần Nhập đề quyển Tóm lược, do chính giáo sư biên soạn, mà chúng tôi hôm nay hân hạnh dịch để gửi đến các bạn.*

**Vào Buổi Bình Minh Ngàn Năm Thứ Ba (từ số 1 đến số 6)**

Quyển Tóm Lược bắt đầu bằng cách bảo ta rằng, vào buổi bình minh của Ngàn Năm Thứ Ba, Giáo Hội, “một đoàn dân lữ hành, dưới sự hướng dẫn của Đức Kitô, vị “Mục Tử nhân lành”, Đấng chính là “đường, là sự thật và là sự sống” ngõ lời với “mọi dân tộc và mọi quốc gia” để loan báo ơn cứu độ toàn diện. On cứu độ toàn diện này cần được thâm nhập vào thế giới này qua các thực tại kinh tế và lao động, công nghệ và truyền thông, xã hội và chính trị, cộng đồng quốc tế và các mối quan hệ giữa các nền văn hoá và giữa các dân tộc.

Giáo huấn về ơn cứu độ toàn diện này bao gồm “các đòi hỏi của công lý và hoà bình” là trung tâm của “luật yêu thương mới”. Giáo



huấn được được xây dựng trên “phẩm giá siêu việt” của con người khi họ “đến gặp người khác qua một mạng lưới các quan hệ”. Như vậy, giáo huấn xã hội của Giáo Hội có một sự thống nhất sâu xa đậm rễ sâu trong tình yêu của Thiên Chúa đối với nhân loại. Được Thiên Chúa yêu thương, mọi người được kêu gọi trở nên nhân bản đích thực bằng cách tìm hiểu “phẩm giá siêu việt của mình” và bằng cách hành động cho “công lý và hòa bình” thông qua “luật yêu thương mới” cho những người anh em của chúng ta “trong một mạng lưới các quan hệ” ở mọi cấp độ cho “tới tận cùng trái đất”.

Chúng ta có biết bao “anh chị em nghèo đói đang cần giúp đỡ”, bao gồm những người đang chịu cảnh áp bức bất công, thất nghiệp, thiếu thốn sự chăm sóc y tế, đói khát, không nhà không cửa, những người giàu có nhưng tuyệt vọng vì không tìm được ý nghĩa cuộc đời, những người nghiện ma túy, những người già bị bỏ rơi, những người bị gạt ra bên lề xã hội vì bị kỳ thị, những người gánh chịu hậu quả của cuộc khủng hoảng môi sinh, chiến tranh và những sự vi phạm nhân quyền. Các nhu cầu đó đòi hỏi “sự tổ cáo, các đề nghị và sự dấn thân vào những dự án văn hoá và xã hội” với một “trách nhiệm được gọi hứng bởi một nền nhân bản toàn diện và liên đới”.

### **Ý nghĩa của Tài liệu này (7-12)**

Quyển Tóm Lược bảo ta rằng học thuyết xã hội của Giáo Hội cung hiến cho chúng ta: “những nguyên tắc để suy tư”, “những tiêu chuẩn để phán đoán” và “những chỉ dẫn để hành động”.

Là “xuất phát điểm để thúc đẩy một nền nhân bản toàn diện và liên đới”, học thuyết này là “một ưu tiên mục vụ đích thực”, “một phần trong sứ mạng loan báo Phúc Âm của Giáo Hội” và thiết yếu cho “công cuộc tân Phúc Âm hoá”. Quyển Tóm Lược trình bày “một cái nhìn đầy đủ và có hệ thống” về “những yếu tố căn bản” trong Huấn Quyền của Giáo Hội về các lĩnh vực xã hội, “các hội đồng giám mục tùy theo tình hình địa phương mà đưa ra những áp dụng thích hợp”. Trong khi “giáo huấn này” được rút ra từ “các văn kiện thuộc nhiều thẩm quyền khác nhau”, cần phải xem đó như “một tổng thể thống nhất” có đặc điểm là “càng ngày càng liên hệ chặt chẽ với nhau hơn”, cần có “một cách tiếp cận có hệ thống” đối với các thực tế trong thời đại của chúng ta, cần có sự “cập nhật liên tục” để có thể

giải thích “các dấu chỉ mới của thời đại”, “những đôi sách mới” và “các đoàn sùng khác nhau” nhằm phục vụ “công cuộc Phúc Âm hoá thực tại xã hội”. Quyển Tóm Lược “nhắm trước tiên đến các giám mục, là người sẽ quyết định những phương pháp thích hợp nhất để giải thích tài liệu một cách đúng đắn”, và cho các linh mục, các nam nữ tu sĩ, các tín hữu giáo dân, các cộng đồng Kitô hữu cũng như “các anh em thuộc các Giáo hội và các Cộng đồng Giáo hội khác”, cho “các tín đồ của các tôn giáo khác” và cho “tất cả những người thiện chí”. Quyển Tóm Lược cũng hoan nghênh cuộc đối thoại mới giữa “các tôn giáo và các nền văn hóa” trong công cuộc “thúc đẩy thăng tiến công lý, tình huynh đệ, hoà bình và sự phát triển con người”.

### **Đề Phục Vụ Sự Thật Toàn Vẹn về Con Người (13-17)**

Để phục vụ "con người trong thời đại chúng ta", Quyển Tóm Lược đã "rút ra từ Hiến chế Mục vụ Vui Mừng và Hy Vọng (Công Đồng Vatican II) và phản ánh "một mục tiêu duy nhất" của Giáo Hội là "xúc tiến công việc của Đức Kitô dưới sự hướng dẫn thân tình của Chúa Thánh Thần... để làm chứng cho sự thật, để cứu độ chứ không phải để lên án, và để phục vụ chứ không phải để được phục vụ". Về mặt này, Giáo Hội đóng góp vào "vấn đề vị trí của con người trong thiên nhiên và trong xã hội con người", vì "các nền văn minh và văn hoá" bắt nguồn từ những truyền thống cổ xưa đã có hàng ngàn năm. Đây là những vấn nạn căn bản luôn xuất hiện trong cuộc đời con người, làm ta nhớ lại lời nhắn nhủ “Hãy tự biết mình”, được khắc trên "công đền Delphi" cổ. Những câu hỏi này xoáy vào chính bản chất của "đời sống con người, xã hội và lịch sử". Những vấn nạn ấy "chủ yếu mang tính tôn giáo", vì chúng tra hỏi "nguyên nhân của sự vật". Những vấn đề đó ngày nay càng có ý nghĩa lớn hơn vì “những thách đố lớn lao đang đối đầu với các thế hệ hiện đại”.

Thách đố đầu tiên là “chính sự thật về hữu thể được gọi là con người”. Thách đố thứ hai là làm sao “hiểu được và xử lý sự đa nguyên và sự khác biệt ở mọi cấp độ”. Thách đố thứ ba là “toàn cầu hoá”, vì chúng ta đang chứng kiến “sự khai trương một kỷ nguyên mới” của “vận mệnh con người”.

“Các môn đệ của Đức Giêsu Kitô” cảm thấy mình cũng đang bị cuốn hút vào những vấn nạn ấy; họ cũng cuu mang những vấn nạn ấy

trong tâm hồn và cũng muốn cùng với mọi người dần thân “tìm kiếm sự thật và ý nghĩa của cuộc đời để sống cuộc đời ấy như những cá nhân và như một xã hội”. Về những vấn đề này, “Thiên Chúa đã nói với con người suốt dòng lịch sử”. Trong Đức Giêsu, Con Thiên Chúa làm người, “Thiên Chúa đã bước vào lịch sử để đối thoại với con người và để mạc khải cho con người kế hoạch cứu độ, công bằng và tình huynh đệ.

### **Trong Dấu Hiệu của Liên Đới, Tôn Trọng và Yêu Thương (18-19)**

"Giáo Hội lữ hành qua các nẻo đường lịch sử cùng với toàn thể nhân loại". "Công đồng Vatican II" đã minh chứng "sự liên đới, tôn trọng và ưu ái của mình đối với toàn thể nhân loại bằng cách tham gia đối thoại với nhân loại về những vấn đề lớn của thời đại chúng ta". Giáo Hội thực hiện cuộc đối thoại bằng ánh sáng Phúc Âm và "dưới sự thôi thúc của Thánh Thần" để "Giáo Hội phục vụ nhân loại". Giáo Hội đề nghị với mọi người một nền nhân bản phản ánh "kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa". Kế hoạch này nhằm kêu gọi "một nền nhân bản toàn diện và liên đới có thể tạo ra một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị mới, đặt nền tảng trên phẩm giá và tự do của mỗi con người trong hoà bình, công lý và liên đới".

*JOE HOLLAND, Giáo sư Triết và Tôn giáo, Đại học Thánh Thomas ở Florida; Chủ tịch Pax Romana (Phong Trào Trí Thức Công giáo) Hoa Kỳ.*

***Đan Quang Tâm** chuyển ngữ*

# BỘ CỤC QUYỂN TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO



Sau khi *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo* ra đời, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã ủy thác cho Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình biên soạn quyển "giáo lý xã hội" của Giáo hội, sau này được biết đến dưới tên gọi: *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo* (quyển Tóm lược), dưới sự chỉ đạo của Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình. Công việc bắt đầu vào năm 1999 và Đức hồng y của chúng ta đã có những đóng góp cá nhân rất quan trọng trong công trình này.

Quyển Tóm lược trình bày bức tranh toàn cảnh về những hướng dẫn cơ bản trong giáo huấn xã hội Công giáo và có một cấu trúc rất đơn giản. Sau phần nhập đề là 3 phần chính, rồi đến kết luận.

**Nhập đề:** Một nền nhân bản toàn diện và liên đới.

**Phần I** tập trung vào chiều kích thần học, gồm các chương:

Chương 1: Kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa đối với nhân loại.

Chương 2: Sứ mạng của Giáo hội và học thuyết xã hội.

Chương 3: Con người và nhân quyền.

Chương 4: Các nguyên tắc của học thuyết xã hội Công giáo.

**Phần II** trình bày 7 chủ đề cổ điển của học thuyết, gồm các chương:

Chương 5: Gia đình.

Chương 6: Lao động của con người.

Chương 7: Đời sống kinh tế.

Chương 8: Cộng đồng chính trị.

Chương 9: Cộng đồng quốc tế.

Chương 10: Bảo vệ môi trường.

Chương 11: Cổ vũ hòa bình.

**Phần III** tập trung vào vấn đề chăm sóc mục vụ, gồm 1 chương.

Chương 12: Học thuyết xã hội và hoạt động của Giáo hội.

**Kết luận:** Vì một nền văn minh tình yêu.

Phần kết luận giải thích mục đích nhắm đến của văn kiện, chương trình và ý nghĩa sâu xa của văn kiện.

Quyển Tóm lược có thể gọi là "Công cụ xây dựng nền văn minh tình yêu" và cũng có thể xem là "Bản tuyên ngôn về một nền nhân bản mới". Ta có thể tìm thấy trong đó các chuẩn mực của một xã hội mới thấm nhuần Phúc âm và tinh thần Kitô giáo. Một công cụ hữu hiệu để xây đắp tình người, xây nền văn minh của yêu thương thay cho hận thù, liên đới thể vào chỗ chia rẽ, tị hiềm. Một tuyên ngôn mở ra những hy vọng, đem lại hy vọng cho những ai có tâm hồn thanh thoát và thiện chí, muốn dần thân và chân thành đem đức tin nhập thể vào các tiến trình lịch sử.

*Đan Quang Tâm.*



# NỀN MÓNG HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI

*Lời người dịch: Dưới đây là bài thuyết trình do Linh mục Thomas Williams, giáo sư môn Học thuyết Xã hội Công giáo, trình bày tại một hội nghị thân học tại Roma ngày 29 tháng 9 năm 2003, trước cử tọa gồm hầu hết là các linh mục.*

Mục tiêu của giáo huấn xã hội của Giáo hội không những cung cấp tri thức hoặc nâng cao nhận thức, mà còn rất thực tế và có tính cá nhân. Giáo huấn xã hội phải làm thay đổi cuộc sống của ta và giúp ta đảm nhận trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến công ích, đặc biệt đối với những người túng thiếu nhất.

Tôi sẽ trình bày vấn đề về học thuyết xã hội của Giáo hội trong bốn phần: định nghĩa; bản chất; nền móng học thuyết xã hội của Giáo hội; và một số đề nghị mang tính thực tiễn.

## **1. Thế nào là Học thuyết Xã hội của Giáo hội?**

Mặc dù rất có thể ta đã có một ý niệm tổng quát về học thuyết xã hội của Giáo hội, nhưng theo lệ thường, ta nên bắt đầu bằng cách nêu ra những gì không phải là học thuyết xã hội của Giáo hội để loại bỏ những thiên kiến, ngộ nhận và ý niệm sai lầm.

Giáo hội nói rõ giáo huấn xã hội của mình không phải là một "con đường thứ ba", một con đường nào đó giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Giáo huấn đó hoàn toàn không phải là một cương lĩnh kinh tế hoặc chính trị, và cũng chẳng phải là một "hệ thống". Mặc dù phê phán cả chủ nghĩa xã hội lẫn chủ nghĩa tư bản, nhưng học thuyết xã hội của Giáo hội không đưa ra một hệ thống khác để thay thế. Học thuyết xã hội của Giáo hội không phải là một đề xuất kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề thực tế, nhưng đúng ra, đó là một học thuyết về luân lý, xuất phát từ cái nhìn Kitô giáo về con người, về ơn gọi yêu thương và lời mời gọi hãy hướng đến sự sống vĩnh cửu của con người. Tự bản thân, học thuyết xã hội của Giáo hội thuộc một loại riêng.

Học thuyết xã hội của Giáo hội không phải là chủ nghĩa không tưởng, theo nghĩa một dự án xã hội bất khả thi. Học thuyết xã hội của Giáo hội cũng không có ý định mô tả một thiên đàng hạ giới trong đó nhân loại có thể đạt đến sự hoàn thiện.

Mặc dù vậy, học thuyết xã hội Công giáo nghiêm túc xem xét các thực tại và cấu trúc hiện hữu, và thách đố nhân loại hãy tìm kiếm các giải pháp cho các tình huống xã hội, chính trị và kinh tế xứng hợp với phẩm giá con người, do đó tạo ra một sự căng thẳng lành mạnh giữa các thực tại trần thế và lý tưởng Phúc Âm.

Học thuyết xã hội Công giáo không phải là một học thuyết tĩnh, bất di bất dịch, nhưng là một ứng dụng năng động các giáo huấn của Đức Kitô vào trong các thực tại và hoàn cảnh đang đổi thay của các xã hội và các nền văn hóa của con người. Dĩ nhiên, các nguyên tắc cơ bản thì không thay đổi, bởi vì các nguyên tắc đó đã cắm rễ sâu vào trong bản tính con người. Nhưng khi áp dụng các nguyên tắc, cần phải biết thích nghi với các hoàn cảnh lịch sử mới vào từng thời kỳ và tại các không gian khác nhau.

Học thuyết xã hội của Giáo hội thuộc về bộ môn thần học, nhất là thần học luân lý.

Theo ngôn ngữ chuyên môn, đó là sự soạn thảo chính xác các kết quả của việc tư duy, xem xét cẩn thận các thực tại phức tạp của cuộc sống con người trong xã hội và trong bối cảnh quốc tế, dưới ánh sáng đức tin và truyền thông sống động của Giáo hội.

Học thuyết xã hội là một tập hợp các nguyên tắc, tiêu chí và những hướng dẫn hành động, với mục đích giải thích các thực tại xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị, thẩm định sự phù hợp hoặc tính đa dạng của những thực tại đó so với các giáo huấn Phúc Âm về con người, về ơn gọi trần thế và ơn gọi siêu việt của con người.

## **2. Nội dung Học thuyết Xã hội Công giáo**

Nội dung học thuyết xã hội được trình bày ở ba cấp độ:

◆ Các nguyên tắc và các giá trị cơ bản: Học thuyết xã hội rút ra được các nguyên tắc cơ bản của mình từ khoa thần học và triết học, với sự giúp đỡ của các khoa học nhân văn và xã hội đóng vai trò bổ

sung cho thần học. Các nguyên tắc này bao gồm phẩm giá con người, công ích, liên đới, tham gia, quyền tư hữu, và quyền chung hưởng của cải. Các giá trị cơ bản bao gồm chân lý, tự do, công lý, bác ái và hòa bình.

◆ Các tiêu chí phán đoán: cho các hệ thống, định chế, tổ chức kinh tế, có sử dụng các dữ liệu thực nghiệm. Ví dụ: đánh giá của Giáo hội về chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa tự do, thần học giải phóng, chủ nghĩa chủng tộc, toàn cầu hóa, đồng lương xứng đáng, v.v.

◆ Các hướng dẫn hành động: các ý kiến, nhận định về các sự kiện lịch sử. Đây không phải chỉ là một diễn dịch mang tính lôgic và tất yếu, xuất phát từ các nguyên tắc, mà còn là kết quả các kinh nghiệm mục vụ của Giáo hội và một cái nhìn Kitô giáo về thực tại; một sự ưu tiên chọn lựa người nghèo, vấn đề đối thoại, và tôn trọng thẩm quyền chính đáng của các thực tại chính trị, kinh tế và xã hội. Ví dụ: các đề xuất tha nợ quốc tế, cải cách nông nghiệp, thành lập các hợp tác xã, v.v. (xem "Gaudium et Spes", số 67-70).

### **3. Các nền móng của Học thuyết Xã hội Công giáo**

Nền móng đầu tiên của học thuyết xã hội Công giáo là điều răn yêu thương của Đức Giêsu: mến Chúa trên hết mọi sự và yêu người như bản thân. Đây là nền móng cho toàn bộ nền luân lý Kitô giáo, và cũng là của học thuyết xã hội của Giáo hội, vì học thuyết này là một bộ phận của khoa luân lý Kitô giáo. Đức Giêsu nói rằng điều răn kép mến Chúa yêu người không những là điều răn thứ nhất và quan trọng nhất, nhưng còn là một bản tóm kết hoặc tóm lược toàn bộ luật lệ của Thiên Chúa và sứ điệp của các ngôn sứ.

Học thuyết xã hội của Giáo hội, do đó, trả lời cho câu hỏi: Làm thế nào để mến Chúa yêu người trong hoàn cảnh chính trị, kinh tế và xã hội cụ thể của tôi? Lòng mến Chúa yêu người của chúng ta không chỉ gói gọn trong nghĩa vụ tham dự Thánh lễ hàng tuần và bỏ một ít tiền dâng cúng vào lúc quỳ gối trong Thánh lễ và thế là xong. Lòng mến Chúa yêu người phải thấm nhuần toàn bộ cuộc sống của ta và có sức biến đổi các hành động và môi trường chung quanh của chúng ta theo tinh thần Phúc Âm.



Đây là một nguyên tắc rất quan trọng để khắc phục xu hướng xem kinh tế hoặc chính trị như là một cái gì hoàn toàn tách biệt khỏi các vấn đề luân lý, trong khi, thực ra, chính trong môi trường kinh tế và chính trị mà người Kitô hữu với đức tin của mình có thể tác động đến các vấn đề trần thế.

Điều răn yêu thương tiêu biểu cho toàn bộ nền móng của học thuyết xã hội của Giáo hội. Đi vào cụ thể, có thể tóm lược và phân các nền móng đó thành bốn nguyên tắc cơ bản của học thuyết xã hội của Giáo hội, có thể ví như bốn cột trụ nâng toàn bộ tòa nhà học thuyết xã hội. Các nguyên tắc đó bao gồm: phẩm giá con người, công ích, hỗ trợ và liên đới.

### **Phẩm giá con người**

Nguyên tắc cổ điển đầu tiên là nguyên tắc phẩm giá con người, làm nền cho các quyền con người. Đề suy nghĩ đúng đắn về xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa, trước tiên ta phải hiểu đúng con người là ai và tài sản thực sự của con người là gì. Mỗi người, được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh của Thiên Chúa, có một phẩm giá bất khả xâm phạm và do đó phải luôn luôn được đối xử như cùng đích chứ không phải như một phương tiện.

Khi Đức Giêsu sử dụng hình ảnh Người Mực tử Nhân từ để nói về con chiên lạc, Người dạy ta Thiên Chúa nghĩ gì về giá trị của mỗi con người. Người mực tử bỏ 99 con chiên nơi hoang địa để đi tìm con chiên lạc. Thiên Chúa không nghĩ về con người theo kiểu hàng loạt, hoặc theo phần trăm, nhưng là như các cá nhân. Đối với Người, mỗi một người đều quý giá, không thể thay thế.

Trong Thông điệp *Centesimus Annus* (Bách Chu Niên), Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhấn mạnh tính trung tâm của nguyên tắc này: "Cần phải nhớ rằng sợi chỉ chính chạy dài xuyên suốt, và theo một nghĩa nào đó, nguyên tắc chủ đạo... của học thuyết xã hội của Giáo hội là một cái nhìn đúng đắn về con người và về giá trị độc đáo của con người, vì "con người... là sinh vật duy nhất trên trái đất được Thiên Chúa muốn chỉ vì họ". Thiên Chúa đã in chính hình ảnh và họa ảnh của Người trên con người (xem Stk 1,26), đã ban cho con người một phẩm giá vô song (xem *Centesimus Annus*, số 11).

Do đó Giáo hội không suy nghĩ, trước hết theo các quốc gia, đảng phái chính trị, các bộ lạc hoặc dân tộc, nhưng theo nhân vị. Giáo hội, cũng như Đức Kitô, bảo vệ phẩm giá của mỗi cá nhân. Giáo hội hiểu tầm quan trọng của nhà nước và xã hội về phương diện phục vụ nhân dân và gia đình, chứ không phải chiều hướng ngược lại. Nhà nước nói riêng có nhiệm vụ bảo vệ các quyền của con người, các quyền không do nhà nước mà do Đấng Tạo Hóa ban tặng.

### **Công ích**

Nguyên tắc cổ điển thứ hai của học thuyết xã hội của Giáo hội là nguyên tắc công ích. Công Đồng Vatican II định nghĩa công ích là "toàn bộ những điều kiện của đời sống xã hội cho phép những tập thể hay những phân tử riêng rẽ có thể đạt tới sự hoàn hảo riêng một cách đầy đủ và dễ dàng hơn" (Hiến chế *Gaudium et Spes*, 26; xem GS, 74; và Giáo lý Giáo hội Công giáo, 1906).

Được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa là sự hiệp thông Ba Ngôi Vị, con người đạt đến sự hoàn hảo của mình không phải trong sự cô lập với tha nhân, nhưng là trong các cộng đồng và thông qua việc dâng hiến bản thân mà làm cho việc hiệp thông trở nên có thể thực hiện được. Tính ích kỷ xúi giục ta tìm kiếm lợi ích cho bản thân và gây phương hại cho tha nhân được khắc phục nhờ sự dấn thân cho công ích.

"Công ích" không phải chỉ là lợi ích của tôi hoặc của bạn, cũng không phải là tổng số lợi ích của các cá nhân, mà là tạo dựng ra một chủ thể mới — chúng ta — trong đó mỗi người khám phá ra lợi ích của mình trong sự hiệp thông với những người khác. Do đó công ích không thuộc về một chủ thể trừu tượng như nhà nước, nhưng thuộc về những người với tư cách cá nhân được mời gọi đến sự hiệp thông.

Con người tự bản chất (và không chỉ vì hoàn cảnh) mang tính xã hội, tính tương quan và liên cá nhân. Công ích của chúng ta cũng cần cho việc thành toàn bản thân chúng ta, nghĩa là cho lợi ích cá nhân của tôi. Mỗi người trưởng thành và đạt đến sự thành toàn trong xã hội hoặc qua xã hội. Do đó, công ích khác biệt với nhưng không đối nghịch với lợi ích riêng của mỗi cá nhân. Thông thường, lợi ích của bạn và lợi ích của tôi gặp nhau nơi công ích.

Công ích chống lại chủ nghĩa vị lợi, chủ nghĩa này chủ trương hạnh phúc lớn nhất (phúc lạc) cho con số nhiều người nhất, chủ trương này tất yếu sẽ dẫn đến hệ quả phía thiểu số sẽ bị lép vế, thua thiệt trước phe đa số. Do đó, tính ưu việt và bất khả xâm phạm của nhân vị sẽ loại bỏ khả năng điều thiện hảo của những người này lại phải ở dưới điều thiện hảo của những người khác, qua đó làm cho điều thiện hảo của những người này trở nên phương tiện cho hạnh phúc của những người khác.

### **Bổ trợ**

Nguyên tắc cổ điển thứ ba của học thuyết xã hội là nguyên tắc bổ trợ. Lần đầu tiên nguyên tắc này được gọi bằng danh xưng đó bởi Đức Giáo Hoàng Piô XI trong Thông điệp Quadragesimo Anno (Tứ Thập Niên) năm 1931 của ngài. Nguyên tắc này dạy ta rằng các quyết định của xã hội phải đưa ra ở mức thấp nhất có thể, nghĩa là ở mức gần nhất đối với những ai chịu ảnh hưởng của quyết định. Nguyên tắc này được hình thành khi thế giới bị đe dọa bởi các hệ thống toàn trị với các chủ thuyết của chúng áp đặt sự lệ thuộc của cá nhân vào tập thể. Nguyên tắc này mời gọi ta tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề xã hội trong khu vực tư nhân trước khi yêu cầu nhà nước can thiệp.

Đức Giáo Hoàng Lêô XIII "nhấn mạnh các giới hạn cần thiết đối với việc can thiệp của nhà nước và nhấn mạnh bản chất công cụ của nhà nước, vì cá nhân, gia đình và xã hội đã có trước nhà nước, và vì nhà nước tồn tại là để bảo vệ các quyền của họ chứ không phải để áp bức họ" (Centesimus Annus, 11).

### **Liên đới**

Nguyên tắc nền tảng thứ tư của học thuyết xã hội của Giáo hội, mới chỉ được thiết đặt mới đây bởi Đức Gioan Phaolô II trong Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis (Quan tâm đến các vấn đề xã hội) của ngài (1987). Nguyên tắc này được gọi là nguyên tắc liên đới. Đứng trước tình trạng toàn cầu hóa, tình trạng con người và các dân tộc ngày càng lệ thuộc vào nhau, ta phải nhớ rằng gia đình nhân loại là một. Nguyên tắc liên đới kêu gọi ta hãy có sự nhạy bén cao hơn đối với tha nhân, nhất là những người đau khổ.

Nhưng Đức Thánh Cha nói thêm rằng liên đới không phải chỉ là một tình cảm, mà là một "nhân đức" thực sự khiến ta đảm nhận trách nhiệm đối với nhau. Đức Thánh Cha viết rằng liên đới "không phải là một tình cảm thương xót mơ hồ hoặc sự xúc động hời hợt trước những khổ đau biết bao nhiêu người gần xa phải chịu. Trái lại, đó là một quyết tâm mạnh mẽ và bền bỉ dần thân cho công ích, nghĩa là cho lợi ích của mọi người và mỗi cá nhân vì tất cả chúng ta đều thực sự có trách nhiệm đối với mọi người" (SRS, 38).

#### **4. Lời khuyên thực tiễn**

Cuối cùng tôi muốn đưa ra năm đề xuất thực tiễn về việc áp dụng giáo huấn xã hội Công giáo, nhất là đối với các linh mục chúng ta:

1. Hãy đọc và nắm vững những kiến thức hữu ích, chính xác về giáo huấn xã hội của Giáo hội để có thể diễn giải một cách vững chắc và rõ ràng, và bảo đảm được điều ta giảng dạy nhân danh Giáo hội chính là điều Giáo hội dạy, chứ không phải ý kiến cá nhân của chúng ta.

2. Khiêm tốn, để không nhảy ngay từ các nguyên tắc tổng quát sang các phán đoán cụ thể nhất định, đặc biệt là kiểu cách diễn tả chắc nịch và tuyệt đối. Ta không được đi quá các giới hạn của kiến thức và năng lực cụ thể của mình.

3. Có thái độ thực tế trong việc đánh giá tình trạng con người, thừa nhận có tội lỗi nhưng ta cũng phải để dành chỗ cho ân sủng của Thiên Chúa hành động. Trong việc dần thân phát triển con người, đừng bao giờ đánh mất cái nhìn rằng ơn gọi của con người, trên hết mọi sự, là nên thánh và hưởng kiến Thiên Chúa đời đời.

4. Tránh cái cảm dỗ sử dụng học thuyết xã hội của Giáo hội làm vũ khí phê phán "người khác" (các doanh nhân, chính trị gia, công ty đa quốc gia, v.v.). Thay vào đó ta nên tập trung trước tiên vào đời sống của ta và các trách nhiệm cá nhân, xã hội, kinh tế và chính trị của chúng ta.

5. Biết cách cộng tác chặt chẽ với giáo dân, đào tạo giáo dân và phái giáo dân đi làm sứ giả Phúc âm giữa lòng đời. Họ là những

chuyên viên thực sự trong lĩnh vực chuyên môn của mình và có ơn gọi cụ thể biến đổi các thực tại trần thế theo Phúc Âm.

“Vì ơn gọi của mình, giáo dân có bổn phận tìm kiếm nước Thiên Chúa bằng cách tham gia công việc trần thế và xếp đặt chúng theo kế hoạch của Thiên Chúa... họ có nhiệm vụ đặc biệt là xếp đặt và soi sáng những thực tại trần gian này” (Hiến Chế Tín Lý Ánh Sáng Muôn Dân, 31).

“Sáng kiến của các Kitô hữu giáo dân là đặc biệt cần thiết khi phải khám phá hoặc phát minh các phương tiện để thẩm nhuần các thực tại xã hội, chính trị và kinh tế bằng các đòi hỏi của đạo lý và đời sống Kitô giáo. Sáng kiến này là một yếu tố bình thường của đời sống Giáo hội” (Giáo lý Giáo hội Công giáo, 899).

*Lm. Thomas Williams*  
*Đan Quang Tâm chuyển ngữ*

## **GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO LÀ GÌ?**

Giáo huấn Xã hội Công giáo (GHXHCG) hay Học thuyết Xã hội Công giáo là gì?

Cha Bill Ryan s.j. định nghĩa GHXHCG như sau:

“Một tập hợp các nguyên tắc để suy tư nhằm đánh giá cơ cấu xã hội và cung cấp các tiêu chuẩn để phán đoán đúng đắn và hướng dẫn đề ra đối sách và hành động“.

Còn quyển Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo viết:

“Người Kitô hữu biết rằng họ có thể tìm thấy trong học thuyết xã hội của Giáo Hội những nguyên tắc để suy tư, những tiêu chuẩn để phán đoán và những chỉ dẫn để hành động. Đó là bước đầu để đẩy mạnh nền nhân bản toàn diện và liên đới. Bởi thế, việc phổ biến cho mọi người biết học thuyết này đúng là một công tác mục vụ ưu tiên, nhờ đó mọi người sẽ được học thuyết này soi sáng, hầu có thể giải

thích các thực trạng hiện nay và tìm ra những hướng hành động thích hợp: “Giảng dạy và phổ biến học thuyết xã hội là một phần trong sứ mạng loan báo Tin Mừng của Giáo Hội” (số 7)”.

GHXHCG là suy tư của Giáo hội về sứ mạng của mình trong thế giới ngày hôm nay, giúp ta suy nghĩ về mối tương quan của ta với thế giới chung quanh ta và các vấn đề ta gặp phải. Thực vậy, GHXHCG quả là một kho tàng vĩ đại thuộc truyền thống Công giáo.

Hầu hết mọi người đều đồng ý rằng GHXHCG bắt đầu với Thông điệp *Rerum Novarum* – “Tân Sứ” năm 1891 và đã liên tục được cập nhật cho đến ngày nay với Thông điệp *Caritas in Veritate* – “Bác ái trong Chân lý” năm 2009. Rút ra từ Cựu và Tân ước, từ truyền thống của mình và từ kiến thức về xã hội và kinh tế qua bao đời khắp thế giới, Giáo hội đã hình thành nên một tập hợp các nguyên tắc qua đó có thể phán đoán hoạt động kinh tế và xã hội.

Nói tóm lại, GHXHCG

- ◆ Là giáo huấn có thẩm quyền của Giáo hội về những vấn đề xã hội, chính trị và kinh tế;
- ◆ Được Phúc Âm thông báo những giá trị Phúc Âm và kinh nghiệm sống của các Kitô hữu;
- ◆ Phân tích kinh nghiệm đó từ các bối cảnh lịch sử, chính trị và xã hội;
- ◆ Cung cấp các nguyên tắc để suy tư, tiêu chuẩn để phán đoán và những hướng dẫn hành động;
- ◆ Như thế giúp ta trong công cuộc tranh đấu nhằm sống đức tin của ta trong công lý và hòa bình.

***Đan Quang Tâm.***

## NGUYÊN TẮC NHÂN PHẨM

GHXHCG tin rằng con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa (Stk 1,26-27). Con người có một giá trị nội tại, độc đáo. Con người có một phẩm giá siêu việt. Thiên Chúa hiện diện trong mọi người, không phân biệt chủng tộc, phái tính, nguồn gốc, văn hóa, tôn giáo, địa vị xã hội hoặc hình dạng bên ngoài.

GHXHCG khẳng định rằng tất cả mọi người phải nhìn thấy nơi mỗi người hình ảnh phản chiếu của Thiên Chúa và một tấm gương soi qua đó ta nhìn thấy bản thân mình. GHXHCG dạy ta phải tôn trọng phẩm giá nói trên như một tặng phẩm của Thiên Chúa.

Đây là nguyên tắc quan trọng nhất, cơ bản nhất, làm nền tảng cho các nguyên tắc khác.

Mẹ Têrêxa nói: “Đối với tôi, điều hạnh phúc nhất là có thể giúp cho người ta chết một cái chết xứng đáng với phẩm giá con người”.

Hiến chế *Gaudium et Spes* (Vui mừng và Hy vọng) nói rất rõ về phẩm giá con người trong các đoạn sau đây:

“[...] con người càng ngày càng ý thức hơn về phẩm giá cao trọng vốn có của mình, bởi vì con người vượt trên mọi loài và vì những quyền lợi cũng như bổn phận của con người là phổ quát và bất khả xâm phạm. Vậy cần phải cho con người được tất cả những gì thiết yếu mà con người phải có để thực sự sống đời sống con người, như của ăn, áo quần, chỗ ở, quyền tự do chọn lựa bậc sống và quyền lập gia đình, quyền được giáo dục, quyền làm việc, quyền bảo tồn danh thơm tiếng tốt, quyền được kính trọng, quyền thông tin xứng hợp, quyền hành động theo tiêu chuẩn chính thức của lương tâm mình, quyền bảo vệ đời sống tư và quyền tự do chính đáng cả trong phạm vi tôn giáo nữa” (26).

“Để đi tới những kết luận thực hành và cần thiết hơn, Công Đồng nhấn mạnh về sự tôn trọng con người. Vậy mỗi người đều phải coi người đồng loại không trừ một ai như “cái tôi thứ hai”, cho nên trước hết phải quan tâm đến sự sống của họ và quan tâm đến những

phương tiện cần thiết giúp họ sống một đời sống xứng đáng, chứ đừng bắt chước người giàu có kia đã không săn sóc gì tới người nghèo Lazarô” (27).

Trong Thông điệp *Caritas in Veritate* (Bác ái trong Sự thật), Đức Giáo hoàng Biển Đức nhắc ta rằng: “Chỉ qua gặp gỡ Thiên Chúa, ta mới có thể thấy nơi người khác một cái gì đó không phải chỉ là một tạo vật khác, nhận ra hình ảnh Thiên Chúa nơi người khác, nhờ đó thực sự tiến đến chỗ khám phá ra họ và trưởng thành trong một tình yêu “trở nên sự quan tâm và chăm sóc cho người khác” (11).

Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền.

Một văn kiện pháp lý cực kỳ quan trọng đối với tất cả chúng ta liên quan đến việc công nhận và đề cao phẩm giá của con người, đó là Bản Tuyên ngôn Toàn Thế giới về Nhân quyền.

Điều 1: Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền. Mọi người đều được phú bẩm về lý trí và lương tâm và vì thế phải đối xử với nhau trên tinh thần bác ái.

Điều 2: Mọi người đều được hưởng tất cả những quyền và tự do được công bố trong Bản Tuyên Ngôn này và không có một sự phân biệt nào, như chủng tộc, màu da, phái tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay tất cả quan điểm khác, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội, tài sản, nơi sinh, hay tất cả những hoàn cảnh khác. Hơn nữa, cũng không được có sự phân biệt nào đối với con người sống trên một quốc gia hay trên một lãnh thổ, căn cứ trên cơ chế chính trị, nền tảng luật pháp hay quy chế quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ đó. Cho dù quốc gia hay lãnh thổ này độc lập hay dưới sự bảo hộ, không được tự trị hay ở trong tình trạng bị hạn chế về chủ quyền.

Điều 3: Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân”

Trong Thông điệp *Pacem in Terris* (Hòa bình trên trái đất) năm 1963, Chân phước Giáo hoàng Gioan XXIII khẳng định:

“Mục đích chính yếu của Liên Hiệp Quốc là bảo tồn và củng cố nền hòa bình giữa các dân tộc, là cổ võ và khuếch trương giữa họ với



nhau, những mối giao hảo xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng tôn trọng lẫn nhau và cộng tác một cách sâu rộng trong mọi ngành hoạt động của con người (142).

Một trong những công việc trọng đại nhất đã thực hiện được do Liên Hiệp Quốc là bản Tuyên Ngôn thế giới Nhân quyền, được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc công nhận ngày 10-12-1948. Trong lời tựa, bản Tuyên ngôn đã nói lên mục tiêu chung là phải cổ động cho hết mọi dân tộc, hết mọi quốc gia phải thừa nhận và tôn trọng thực sự, tất cả những quyền lợi và tự do kể trong bản Tuyên ngôn (143).

Chúng tôi coi bản Tuyên ngôn đó như một bước tiến đến sự thành lập một tổ chức pháp lý chính trị trong cộng đồng thế giới. Bản Tuyên ngôn đó trình trọng công nhận mọi người không trừ ai, đều có nhân phẩm; bản đó tuyên bố rằng: một cá nhân có quyền tự do đi tìm chân lý, tuân giữ những nguyên tắc luân lý, thi hành những nghĩa vụ của đức công bình, và sống cuộc sống xứng với phẩm giá con người” (144).

Đến đây ta hãy tự hỏi: Liệu ta có thực sự nhìn thấy nơi bản thân mình và những người khác phẩm giá siêu việt là quà tặng của Thiên Chúa không? Điều này, một khi xác tín, sẽ đổi mới, thay đổi các quan hệ của ta đối với gia đình, giáo xứ, nơi làm việc, và cộng đồng trong đó ta đang sống.

***Dan Quang Tâm.***

## BÍ MẬT GIỮ KÍN CỦA GIÁO HỘI

*Sách Tóm lược HTXHCG than thở giáo huấn xã hội của Giáo hội “**chẳng được giảng dạy mà cũng không được hiểu biết thấu đáo**” (528). Sách khẳng định rằng giáo huấn xã hội của Giáo hội phải là nền tảng của một công trình đào tạo thường xuyên và cao độ, nhất là việc đào tạo các tín hữu giáo dân (531). Sách cũng bảo rằng các linh mục và chủng sinh “**phải trau dồi một kiến thức toàn diện về giáo huấn của Giáo Hội**” và phải có “**sự chú ý sâu sắc đối với những vấn đề xã hội trong thời đại của mình**” (533).*

Giáo hội là Mẹ và là Thầy. Là Mẹ hiền của tôi. Là Thầy dạy tôi. Mẹ hiền để lại gia tài cho con. Thầy dạy soạn thảo cẩm nang cho trò. Thế nhưng thực tế cho thấy gia tài của Mẹ, cẩm nang của Thầy là cả một kho báu bí mật được giấu kín. Kho báu bí mật được giấu kín ấy chính là Học thuyết xã hội Công giáo, còn được gọi là Giáo huấn xã hội Công giáo.

Hành trình làm người, ôi, giống như bóng câu qua cửa sổ. “Bao nhiêu năm làm kiếp con người/Chợt một chiều tóc trắng như vôi” (Trịnh Công Sơn). Thuở thiếu thời, rồi qua tuổi trung niên, chẳng nghe ai nhắc đến, nay bước vào lão niên, tôi mới khám phá ra kho báu ấy. Một chút ngậm ngùi, nhưng pha lẫn lạc quan theo kiểu nhìn vào phần có nước trong chai, theo tinh thần “Better late than never” của phương Tây và “Sáng nghe nói đến đạo, chiều chết cũng vui” của phương Đông, “gần đất” nhưng chẳng “xa trời”.

### **Sách Tóm lược HTXHCG viết:**

*“Cần phải quy chiếu vào học thuyết xã hội của Giáo Hội để đào tạo người Kitô hữu toàn diện. Huấn Quyền thường xuyên nhấn mạnh học thuyết này là nguồn cảm hứng cho sứ mạng tông đồ và hoạt động xã hội vì xác tín rằng học thuyết sẽ hình thành một nguồn lực phi thường cho việc đào tạo; “điều này cách riêng rất đúng đối với người tín hữu giáo dân là những người có trách nhiệm trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và chính trị. Trước hết, họ cần phải có một sự hiểu biết chính xác hơn... về học thuyết xã hội của Giáo Hội”*

(Tông huấn *Người Kitô hữu giáo dân*, 60) Di sản học thuyết này chẳng được giảng dạy mà cũng không được hiểu biết thấu đáo, điều này vì thế phần nào là nguyên do khiến cho học thuyết không được chuyển đổi thích hợp thành hành vi ứng xử cụ thể” (528).

Thật đúng là vô tri bất mộ. Có biết thì mới hâm mộ. Có đặc biệt hâm mộ, ngày đêm suy nghĩ, bàn bạc trong nhóm thì mới xảy ra quá trình “nội tâm hóa” nhờ đó “các hành vi xã hội của con người có được chiều sâu và được hiện thực nhiều hơn, có thể làm cho các thái độ đối với công lý và liên đới dần dần trở thành những thái độ phổ quát, mà dân Giao Ước được mời gọi thi hành đối với hết mọi người trong mọi quốc gia và dân tộc (25).

Nguồn lực này lẽ ra đã có thể giúp các Kitô hữu giáo dân trở thành men giữa lòng xã hội, đem sự sống mới và nguồn cảm hứng vào trong thế giới công ăn việc làm, đời sống công cộng và kinh tế. Kinh nghiệm và thực tế cho thấy “di sản học thuyết này không được giảng dạy cũng như chẳng được hiểu biết thấu đáo, điều này vì thế phần nào là nguyên do khiến cho học thuyết không được chuyển đổi thích hợp để trở thành hành vi ứng xử cụ thể”.

Trước tình thế “mười người đi học [học thuyết xã hội] chín người thôi”, sách Tóm lược đề ra phương lược:

“Giá trị đào tạo của học thuyết xã hội của Giáo Hội cần được quan tâm hơn trong lĩnh vực huấn giáo. Huấn giáo là việc giảng dạy một cách có hệ thống toàn bộ học thuyết Kitô giáo, nhằm dẫn dắt các tín hữu sống trọn vẹn Tin Mừng. Mục đích cuối cùng của huấn giáo là “đưa con người không chỉ tiếp xúc mà còn hiệp thông, sống thân mật với Đức Giêsu Kitô”. Theo đường hướng này, người ta có thể nhận ra tác động của Chúa Thánh Thần, là Đấng ban tặng đời sống mới trong Đức Kitô. Nhìn theo ánh sáng này, trong việc giáo dục đức tin, khoa huấn giáo không thể không “làm sáng tỏ các thực tại một cách thỏa đáng, chẳng hạn như hoạt động của con người hướng tới sự giải phóng trọn vẹn bản thân, việc tìm kiếm một xã hội liên đới và huynh đệ hơn, công cuộc tranh đấu cho công lý và xây dựng hoà bình. Muốn thực hiện điều đó, phải trình bày Giáo huấn xã hội trong tính thống nhất của nó: lịch sử, nội dung và phương pháp của nó. Hãy tiếp xúc trực tiếp với bản văn các thông điệp xã hội, được đọc

trong bối cảnh Giáo Hội, làm cho giáo huấn xã hội này được nhiều người đón nhận và áp dụng, nhờ sự đóng góp của nhiều lĩnh vực hiểu biết và chuyên môn hiện diện trong cộng đồng” (529).

Mục đích của việc trình bày học thuyết xã hội phong phú của Giáo hội là nhằm thôi thúc mọi người bắt tay hành động nhằm thực hiện “việc nhân bản hóa các thực tại trần gian” (530).

Như Augustinô, bằng một điệu cảm tâm linh, tôi nghe như có tiếng bảo với tôi: “Hãy cầm lấy mà đọc”. Ấy là nói về phương diện tự học cá nhân, còn để phổ biến HTXHCG, để cho các thực tại trần gian thấm nhuần tinh thần nhân bản Kitô giáo, giáo dục phải là giải pháp căn cơ và việc giảng dạy phải được thực hiện trên diện rộng.

Sách Tóm lược nói các cơ sở giáo dục Công giáo sẽ đảm nhận sứ vụ đào tạo:

*“Các cơ sở giáo dục Công giáo có khả năng và phải thực hiện nhiệm vụ đào tạo quý báu, công hiến cách riêng cho việc hội nhập văn hoá của sứ điệp Kitô giáo, nghĩa là cho cuộc gặp gỡ hữu hiệu giữa Tin Mừng và các ngành kiến thức khác nhau. Học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo là một phương tiện cần thiết cho một nền giáo dục Kitô giáo hữu hiệu hướng tới tình yêu, công lý và hoà bình, cũng như hướng tới sự trưởng thành có ý thức về các bổn phận luân lý và xã hội trong những lĩnh vực văn hoá và chuyên môn khác nhau” (532).*

Các linh mục và chủng sinh cũng cần được đào tạo về học thuyết xã hội của Giáo hội:

*“Việc vận dụng học thuyết xã hội của Giáo hội để đào tạo các linh mục và các ứng viên chức linh mục cũng không kém phần quan trọng. Các ứng viên này là những người, trong bối cảnh chuẩn bị cho thừa tác vụ, cần phải trau dồi một kiến thức toàn diện về giáo huấn của Giáo Hội và về mối quan tâm của Giáo Hội trong lĩnh vực xã hội cũng như sự chú ý sâu sắc đối với những vấn đề xã hội trong thời đại của mình. Bộ Giáo dục Công giáo đã phát hành tập tài liệu Hướng dẫn Học tập và Giảng dạy Học thuyết Xã hội của Giáo Hội trong việc Đào tạo Linh mục, tài liệu này đưa ra những chỉ dẫn và*

khuyến nghị đặc biệt về một kế hoạch đúng đắn và phù hợp để học hỏi giáo huấn này” (533).

Thế là cái thằng tôi như trẻ lại, miệng như muốn ca: “Em đến trường học bao điều lạ”. Điều lạ tuyệt diệu nhất, đó là cùng nhau, ta hãy xây dựng một nền văn minh tình thương.

*Đan Quang Tâm.*

## **CHÂN PHÚC GIOAN PHAOLÔ II BÌNH LUẬN THÔNG ĐIỆP RERUM NOVARUM**

*Giáo huấn xã hội của Giáo hội là một bộ phận không thể thiếu được trong sứ điệp Kitô giáo. Không thể có bất kỳ giải pháp nào cho “vấn đề xã hội” mà ở ngoài Phúc âm.*

### **Tóm lược về Thông điệp Rerum Novarum**

Thông điệp Rerum Novarum (Tân sự) do Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII ban hành ngày 15 tháng 5 năm 1891, đề cập đến tình trạng của giai cấp công nhân. Ngài đưa ra câu trả lời của Giáo hội Công giáo cho cuộc xung đột xã hội đã phát sinh theo sau cuộc công nghiệp hóa và đã dẫn đến sự trỗi dậy của chủ nghĩa xã hội. Đức Giáo hoàng nói rằng trong khi nhà nước đề cao công bằng xã hội bằng cách bảo vệ các quyền lợi của công dân, Giáo hội phải lên tiếng về những vấn đề xã hội để giảng dạy các nguyên tắc xã hội đúng đắn và bảo đảm sự hài hòa giữa các giai cấp. Ngài nhắc lại một giáo huấn vốn đã có từ lâu trong Giáo hội về tầm quan trọng của các quyền tư hữu, nhưng nhìn nhận rằng hoạt động tự do của các lực lượng thị trường phải chịu sự kiềm chế của những xem xét, ràng buộc về luân lý.

Lý do chính thúc đẩy Đức Lê-ô XIII viết thông điệp là ngài tin rằng thời đại của ngài đã trao những người công nhân nghèo vào tay những ông chủ tham lam và phi nhân. Ngài thấy các công nhân rơi vào tình trạng túng thiếu và vô phương tự mình cứu mình, không được nhà nước bảo vệ đủ trước những những bất công và bạo lực.

Trong thông điệp, ngài khẳng định người nghèo phải có một tư cách đặc biệt cần phải được xem xét trong các vấn đề xã hội: nguyên tắc của đạo Công giáo ngày nay chúng ta gọi là “ưu tiên chọn lựa người nghèo” và khái niệm Thiên Chúa đứng về phía người nghèo đã được diễn tả trong văn kiện này.

### **Đức Gioan Phaolô II bình luận Thông điệp Rerum Novarum**

Đúng 100 năm sau, Chân phúc Gioan Phaolô II đã bổ sung Thông điệp Rerum Novarum bằng cách viết Thông điệp Centesimus Annus (Bách chu niên). Trong chương I của thông điệp này (các số 4-11), ngài đã nhận định, bình luận về Thông điệp Rerum Novarum. Dưới đây, chúng tôi xin được đăng lại phần nội dung của chương đó, bằng cách dựa theo bản dịch tóm lược của Joseph Donders trong quyển *John Paul II: The Encyclicals in Everyday Language*, rồi chuyển sang Việt ngữ.

#### **Các “Sự Mới” cách đây một trăm năm**

4. Vào cuối thế kỷ trước, Giáo hội đang đối mặt với một thế giới mới. Một loại hình mới về quyền sở hữu và một hình thức lao động mới đã xuất hiện. Sức lao động của con người được mua bán theo luật cung cầu, khiến cho các công nhân tiếp tục bị đe dọa bởi nạn thất nghiệp, mà – nếu không có bảo hiểm xã hội – họ có nguy cơ chết đói. Xã hội chia thành hai giai cấp, cách biệt nhau một trời một vực. Khi người ta bắt đầu ý thức được tình trạng bất công này và một cuộc cách mạng đang đe dọa, Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII viết thông điệp này trình bày “tình trạng của công nhân”.

5. Xã hội bị xâu xé bởi cuộc xung đột giữa tư bản và giới lao động, đây là “vấn đề công nhân”. Hai bên đối mặt nhau như những “con sói” một mắt, một còn. Bởi vì đức giáo hoàng mong muốn hòa bình, nên ngài lên án cuộc đấu tranh giai cấp; nhưng ý thức rằng hòa bình được xây dựng trên công lý, ngài đề ra một số điều kiện. Không phải tất cả mọi người đều chấp nhận Giáo hội có quyền và có nhiệm vụ thực hiện điều này. Nhiều người cho rằng Giáo hội nên tự hạn chế ở chỗ chỉ rao giảng ơn cứu độ từ trời cao. Thông điệp của đức giáo hoàng đưa Giáo hội vào giữa đời sống công cộng. Giáo huấn xã hội của Giáo hội là một bộ phận không thể thiếu được trong sứ điệp Kitô

giáo. Không thể có bất kỳ giải pháp nào cho “vấn đề xã hội” mà ở ngoài Phúc âm.

6. Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII viết về phẩm giá lao động và về các quyền và phẩm giá của công nhân, họ “làm việc quần quật để có được những gì cần thiết cho các mục đích sống khác nhau, và trên hết là vì phải tự bảo tồn”. Năng lượng họ sử dụng đang khi làm việc là một phần của con người họ và thuộc về họ. Lao động là ơn gọi của con người thông qua đó chúng ta tự thể hiện bản thân. Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII nhấn mạnh "quyền tư hữu". Mọi người có quyền đối với những gì cần thiết cho bản thân và gia đình của mình.

7. Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII nhấn mạnh quyền lập hội và công đoàn – một quyền không nhà nước nào có thể lấy đi mà không phản bội "chính nguyên tắc tự tồn tại của mình". Ngài đề cập đến quyền có số giờ làm việc được giới hạn và quyền nghỉ ngơi, không phân biệt nam nữ và trẻ em. "Bất những người lao động nam nữ làm việc quá sức đến nỗi làm cho đầu óc của họ mù mẫm và bào mòn thân thể của họ thật là bất công và phi nhân".

8. Ngài viết về quyền có đồng lương chính đáng: "Lương công nhân phải đủ để nuôi bản thân và vợ con của mình". Ngài tuyên bố quyền này cốt yếu đến nỗi không thể bỏ mặc cho các bên tự do giao kết. Nhiệm vụ của nhà cầm quyền là chăm lo phúc lợi của công nhân. "Mọi cá nhân đều có quyền tìm kiếm những gì giúp mình có thể sống. Và người nghèo chỉ có thể kiếm được điều đó nhờ đồng lương do lao động của mình". "Nếu người lao động phải chấp nhận các điều kiện rất khắc nghiệt, thì người đó là nạn nhân của bạo quyền và bất công".

9. Đức Lê-ô XIII khẳng định, mọi người đều có quyền chu toàn các bổn phận tôn giáo của mình, đồng thời ngài nhấn mạnh quyền và nhu cầu được nghỉ ngơi ngày chủ nhật. Chúng ta có thể tự hỏi liệu các xã hội công nghiệp hóa có bảo đảm quyền cơ bản được nghỉ ngơi ngày chủ nhật không.

10. Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII phê bình "chủ nghĩa xã hội" và "chủ nghĩa tự do". Đối với "chủ nghĩa xã hội" ngài khẳng định quyền tư hữu. Đối với chủ nghĩa tự do, ngài bảo rằng nhà nước không được ưu đãi người giàu trong khi bỏ rơi người nghèo. Chính người nghèo

có quyền được quan tâm đặc biệt. Giai cấp những người giàu có thể tự lo liệu lấy; người nghèo tự bản thân họ lại không có nguồn lực nào để tự lo cho mình. Họ chủ yếu nương tựa vào sự trợ giúp của nhà nước. Điều này ngày nay vẫn còn nguyên giá trị, nếu ta xem xét tình trạng nghèo khổ trên thế giới. Điều quan trọng là không được cậy dựa vào bất kỳ ý thức hệ hoặc lý thuyết chính trị nào, mà dựa vào nguyên tắc liên đới, có giá trị trong trật tự quốc gia và trật tự quốc tế. Đức Lê-ô XIII sử dụng thuật ngữ "tình bạn" để chỉ về liên đới. Đức Piô XI thì gọi là "bác ái xã hội"; Đức Phaolô VI, mở rộng khái niệm đó, đề cập đến một "nền văn minh tình thương".

11. Diễn tả lập trường "ưu tiên chọn lựa người nghèo" của Đức Giêsu và của Giáo hội, Đức Giáo hoàng Lê-ô XIII yêu cầu nhà nước làm một điều gì đó đối với tình trạng của người nghèo, dầu ngài không mong nhà nước giải quyết mọi vấn đề xã hội. Ngài đòi phải có những hạn chế đối với sự can thiệp của nhà nước. Cá nhân, gia đình và xã hội phải được nhà nước bảo vệ chứ không phải đàn áp.

Điểm chính yếu trong thông điệp của Đức Lê-ô XIII và trong học thuyết xã hội của Giáo hội là một cái nhìn đúng đắn về con người. Con người được Thiên Chúa mong muốn; họ là hình ảnh của Thiên Chúa. Phẩm giá của họ không đến từ công việc họ làm, nhưng đến từ nhân vị của họ".

Nhân dịp kỷ niệm bách chu niên Thông điệp *Rerum Novarum*, Chân phúc Gioan Phaolô II không chỉ bình luận Thông điệp mà còn đưa ra những bổ sung, cập nhật, phân tích hoàn cảnh mới đúng một trăm năm sau ngày Thông điệp xã hội đầu tiên của Giáo hội.

Năm nay, kỷ niệm 20 năm ngày Đức Tân Chân phúc ban hành Thông điệp *Centesimus Annus*, chúng ta sẽ cùng nhau tiếp tục đào sâu, học tập Thông điệp này, bạn nhé!

*Đan Quang Tâm.*



# CHUYÊN ĐỀ



*“Cần phải quy chiếu vào học thuyết xã hội của Giáo Hội để đào tạo người Kitô hữu toàn diện. Huấn Quyền thường xuyên nhấn mạnh học thuyết này là nguồn cảm hứng cho sứ mạng tông đồ và hoạt động xã hội vì xác tín rằng học thuyết sẽ hình thành một nguồn lực phi thường cho việc đào tạo; “điều này cách riêng rất đúng đối với người tín hữu giáo dân là những người có trách nhiệm trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và chính trị. Trước hết, họ cần phải có một sự hiểu biết chính xác hơn... về học thuyết xã hội của Giáo Hội” (Tông huấn Người Kitô hữu giáo dân, 60) Di sản học thuyết này chẳng được giảng dạy mà cũng không được hiểu biết thấu đáo, điều này vì thế phần nào là nguyên do khiến cho học thuyết không được chuyển đổi thích hợp thành hành vi ứng xử cụ thể”.*

## CARITAS IN VERITATE ĐỨC GIÁO HOÀNG NÓI VỀ KINH DOANH

Kể từ khởi thủy thời Aristote và Platon, nghiên cứu kinh tế vẫn luôn là một ngành của triết lý, thuộc địa của chính trị học và đạo đức học. Nhưng tất cả đã thay đổi vào cuối thế kỷ 19 khi các nhà kinh tế cố gắng biến môn lúc đó gọi là kinh tế chính trị trở thành khoa học thuần túy có tên là kinh tế học. Gọi là khoa học "thuần túy" vì nó dựa theo mô hình môn vật lý, trong đó thị trường vận hành theo các luật nghiêm khắc giống hệt như sự dịch chuyển các ngôi sao và không có chỗ cho những cân nhắc luân lý. Được giải thoát khỏi cái "vòng kim cô" luân lý, các nhà khoa học kinh tế những tưởng có thể vạch được tiến trình kinh tế với sự chính xác như các nhà thiên văn có thể vẽ được quỹ đạo của các hành tinh. Chỉ có sự quan sát và toán học là đáng kể thôi. W.S. Jevons nói cách đây hơn 100 năm: nếu nhà kinh tế có thể thu thập được đủ số liệu thống kê, thì kinh tế sẽ "chính xác như nhiều môn khoa học vật lý khác".

Ngày nay ta có quá nhiều cỗ máy điện toán mà Jevons có nằm mơ cũng không thấy. Ấy vậy mà bất chấp những nguồn dữ liệu ngôn ngôn liên tục nạp vào các máy điện toán, khoa học kinh tế vẫn chẳng đón lõng, đón đầu được cuộc khủng hoảng đã và đang diễn ra làm rung chuyển địa cầu. 90% các nhà kinh tế không đoán trước được diễn tiến cuộc khủng hoảng. Ngay cả các nhà kinh tế lừng lẫy cũng cho rằng "tất cả đều tốt đẹp", "bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng" ngay vào lúc sự cố sắp đổ ụp xuống. Cứ vậy mà khủng hoảng xảy ra theo mô thức này và lặp đi lặp lại. Dường như người ta chỉ nắm được mỗi quy luật này: khủng hoảng càng lớn thì các nguyên nhân của nó lại càng tù mù, hũ nút, tối mò.

Phải chăng như thế có nghĩa là "khoa học" của các nhà kinh tế chưa hoàn bị, họ còn thiếu nguyên tắc cơ bản nào đó tối cần thiết để nghiên cứu kinh tế?

Giáo Hội Công giáo đã luôn luôn nghĩ như thế. Ngay từ năm 1891, thời điểm mạnh mẽ của sự thống trị của "khoa học" kinh tế, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII trong Thông điệp Tân Sự đã khẳng định rằng

kinh tế phải dựa trên công bằng. Hơn nữa, ngài nhấn mạnh dấu hiệu của sự công bằng này là ở đồng lương chính đáng. Các kinh tế gia bờ ngõ: tiền lương chẳng qua chỉ là một thứ hàng hóa, như lúa mì hay quặng sắt, mà lòng người thì hám lợi, cung trên “chợ người” cao mà cầu thì thấp, tội gì mà không ép giá sát sàn sạt tất tần tật. Tuy nhiên, các vị giáo hoàng kế nhiệm cũng đều lập lại và mở rộng giáo huấn của Đức Lêô. Các vị cho rằng kinh tế học nghiên cứu các quan hệ cá nhân và các quan hệ của các tổ chức cần thiết cho việc cung cấp phẩm vật vật chất cho xã hội. Vì có liên quan đến các quan hệ con người, cho nên kinh tế học phải là một khoa học nhân văn, mang tính độc lập như toàn bộ các khoa học nhân văn, về các chuẩn mực của hành vi con người, các chuẩn mực mà ta gọi là các đức tính và luân lý. Nhân đức tự nhiên lớn nhất là công bằng, và trong lĩnh vực chính trị và kinh tế, điều này có nghĩa là công bằng cá nhân và công bằng xã hội.

Nay đến Đức Bênêđictô XVI với Thông điệp Bác ái trong Chân lý, vượt trội lên trên toàn bộ các thông điệp xã hội trước đó bằng cách khẳng định rằng một nền kinh tế đúng đắn không những phải dựa trên nhân đức tự nhiên công bằng mà còn đặt cơ sở trên nhân đức siêu nhiên bác ái! Tất nhiên công bằng là một bộ phận của bác ái: bạn không thể bảo rằng bạn yêu ai mà lại đối xử bất công với người đó. Nhưng không có thông điệp nào trước đó lại khẳng định tính hàng đầu của tình yêu cần được cân nhắc trong thực tiễn của đời sống kinh tế và xã hội. Không những thế, Đức Bênêđictô còn đi xa hơn: ngài khẳng định nguyên tắc nhưng không “tình cho không biếu không” trong kinh doanh, nhấn mạnh ý tưởng quà tặng cho không biếu không. Đến đây thì nhiều nhà quan sát kết luận rằng Đức Giáo hoàng đang lao quá sâu vào chủ nghĩa không tưởng, có lẽ thích hợp hơn trong thế giới thiên thần, nhưng sẽ chỉ có thảm bại trong thế giới loài người sa ngã. Doanh nhân có thể đưa cả hai tay lên và nói: "Điều hành doanh nghiệp cái gì này thì nhà cháu đến bó tay chào thua" và bỏ qua. Nhưng Đức Giáo hoàng cứ nặng nề, sẽ là một sai lầm nếu bỏ qua, sai lầm không những trên bình diện trừu tượng hoặc thiêng liêng mà còn cả trên bình diện thực tiễn nữa.

Điều Đức Bênêđictô mang đến là câu hỏi lớn: Tình yêu phải làm gì trong hoàn cảnh này?

Phạm vi Thông điệp khá rộng. Đức Giáo Hoàng đề cập đến các vấn đề toàn cầu hóa, đầu cơ tài chính, gia công sản xuất bên ngoài (outsourcing), tình trạng bất bình đẳng, di dân, công nghệ, luật bản quyền, môi sinh, vân vân và vân vân. Có lẽ ngài đang làm sống lại các tư tưởng của Đức Phaolô VI, vị Giáo Hoàng vào thời điểm kết thúc Công đồng Vatican II. Chính Đức Phaolô viết hai thông điệp gây nhiều tranh cãi: Phát triển Các Dân Tộc và Sự Sống Con Người.

Đức Bênêđictô đã hợp nhất, kết nối tư tưởng của hai Thông điệp lại thành một và áp dụng vào hoàn cảnh hiện nay. Ngài tin rằng những ai không mở ra cho sự sống thì trong thực tế cũng không cởi mở với người anh em. Ngài xem phát triển như một sự thực thi tình liên đới với những người anh em của chúng ta, cho dù những người này có ở xa đến đâu chăng nữa. Suốt Thông điệp, ngài nhấn mạnh rằng quan tâm về luân lý cũng là quan tâm kinh tế. Chẳng hạn, khi bàn luận các mức bất bình đẳng cao độ, ở giữa các nước lẫn ở trong nội bộ các nước, Đức Bênêđictô viết:

"Kinh tế học bảo ta rằng những bất ổn về cấu trúc làm phát sinh những thái độ phản sản xuất gây lãng phí các nguồn nhân lực, vì công nhân có khuynh hướng thụ động chiều theo các cơ chế máy móc hơn phát huy tính sáng tạo. Cả về điểm này nữa, có sự đồng thuận giữa khoa kinh tế học và việc đánh giá luân lý. Giá trị nhân bản bao giờ cũng là một giá trị kinh tế, và những lệch lạc về mặt kinh tế bao giờ cũng kéo theo những trả giá về nhân bản". (32)

Như vậy, ngài đề cao đạo đức xã hội như một nguyên tắc thực tiễn của nền kinh tế lành mạnh. Ở đây ta hãy tập chú vào nguyên tắc nhưng không. Liệu nguyên tắc này có thể là một bộ phận của khoa kinh tế học được không? Các doanh nghiệp, cuối cùng ra, được điều hành nhằm vào mục đích lợi nhuận, như thế thì điều này chẳng hóa ra dường như trái với ý tưởng quà tặng.

Đức Giáo Hoàng hiểu rõ nhu cầu lợi nhuận, thuật ngữ ngài dùng 14 lần, nhưng ngài hiểu lợi nhuận như một phương tiện cho một cứu cánh, chứ không phải tự bản thân lợi nhuận là cứu cánh (21, 32, 38, 40, 41, 46, 47, 66, 71). Làm ra lợi nhuận đối với một doanh nhân có

nghĩa là người đó đã phân bổ đúng các nguồn lực của công ty. Bằng không, chẳng có cách nào bảo rằng doanh nhân đó đang đi đúng đường. Há người ta chẳng hay nói giám đốc là người làm ra lợi nhuận đó sao? Tuy nhiên, "một khi lợi nhuận trở thành mục đích duy nhất, nếu được tạo bởi phương tiện bất chính và không lấy công ích làm cứu cánh tối hậu, thì có nguy cơ là lợi nhuận sẽ hủy hoại cảnh giàu có và tạo nên cảnh nghèo khó" (21).

Thực vậy, hầu như mọi doanh nhân đều hiểu điều đó bằng trực giác. Bụng thì bảo dạ rằng "tôi kinh doanh là để làm ra lợi nhuận" nhưng họ cũng biết họ trở thành doanh nhân còn vì cả tá lý do khác: để thể hiện tài năng, giúp đỡ gia đình, ngay cả gia đình của những đồng nghiệp, đóng góp cho cộng đồng, để thành đạt với đời, thân tự lập thân, mình làm chủ mình. Đức Bênêđictô ghi nhận:

"Đang gia tăng một niềm xác tín là ban quản trị doanh nghiệp không thể chỉ quan tâm đến những lợi ích của chủ sở hữu, mà còn phải lãnh trách nhiệm đối với tất cả các người có lợi ích liên quan khác, là những người đóng góp vào đời sống doanh nghiệp: công nhân, khách hàng, các nhà cung cấp các yếu tố sản xuất khác nhau, cộng đồng có liên quan... nhiều quản trị viên nhìn xa trông rộng ngày nay đang càng ngày càng ý thức về những liên hệ sâu xa giữa doanh nghiệp của họ với lãnh thổ hay những lãnh thổ hoạt động của mình" (40).

Những tình cảm này đối với đối với nhiều chủ doanh nghiệp hoàn toàn không có gì đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, đối với nhiều viên chức thư lại của công ty thì những lời này nghe lạ tai vì họ được đào tạo để tin rằng họ chỉ có nghĩa vụ duy nhất đối với các cổ đông của mình mà thôi, ngoài ra chẳng có nghĩa vụ với ai hết. Ta có thói quen đánh đồng các doanh nghiệp trong khi có ít nhất hai loại hình doanh nghiệp: các đại công ty điều hành theo phong cách thư lại bởi và cho các viên chức thư lại và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đa phần do chủ doanh nghiệp điều hành. Nhóm doanh nghiệp thứ hai dễ có nhiều thời gian hơn để trông thấy các nghĩa vụ của mình đối với công nhân, nhà cung cấp, các người gần bên.

Nay, với bối cảnh đó, ta thấy dễ hiểu hơn điều mà Đức Bênêđictô muốn nói về sự nhưng không. Công nhân và chủ doanh nghiệp đều cung cấp dịch vụ cho cộng đồng và thực hiện điều này trong sự liên đới với tất cả các nhóm lợi ích khác. Trên bình diện thuần túy giao hoán theo kiểu “ông mất chân giò bà thò chai rượu”, điều này dĩ nhiên chịu sự điều chỉnh của các quy định trong hợp đồng, luật cung cầu. Tuy nhiên, "trong cả các quan hệ thương mại, nguyên tắc nhưng không và lô-gích quà tặng như sự thể hiện tình huynh đệ có thể và phải tìm thấy chỗ đứng của mình ngay trong hoạt động kinh tế bình thường. Đây là một đòi hỏi của con người vào lúc này, nhưng cũng là đòi hỏi cho lô-gích kinh tế nữa. Đây cũng là đòi hỏi của bác ái và sự thật" (36). "Lô-gích quà tặng" không phủ nhận lô-gích trao đổi hoặc lô-gích bốn phần hoặc luật lệ, nhưng nâng cả hai lên. Lô-gích quà tặng giúp ta nhìn công việc của mình trong một ánh sáng mới, và như vậy được sáng soi, để đóng góp các tài năng của chúng ta cho sự thịnh vượng chung hoặc công ích.

Con đường sáng nhìn xem hoạt động doanh nghiệp cho phép Đức Giáo hoàng đề cập đến các hình thức mới của doanh nghiệp:

"Cùng với doanh nghiệp tư tìm kiếm lợi nhuận và những loại hình khác nhau của doanh nghiệp công, cần phải có chỗ cho những chủ thể thương mại đặt nền tảng trên những nguyên tắc hỗ tương và theo đuổi những mục đích xã hội được thành lập và phát triển. Chính từ sự gặp gỡ hỗ tương này nơi thị trường mà ta có thể mong đợi những hình thức pha trộn của hành vi thương mại và vì thế chú trọng đến các phương thể văn minh hóa kinh tế. Trong trường hợp này, bác ái trong chân lý đòi hỏi rằng cần phải cung cấp hình thức và cấu trúc cho các loại sáng kiến kinh tế không khước từ lợi nhuận nhưng nhắm đến một mục tiêu cao hơn lô-gích trao đổi những giá trị tương đương và lô-gích lợi nhuận là một mục tiêu." (38)

Một lần nữa, ta tự hỏi phải chăng Đức Bênêđictô đang tưởng tượng ra những hình thức mới của doanh nghiệp. Thật ra, các doanh nghiệp đó không mới. Chúng tồn tại, đã tồn tại, và nói chung, khá thành công. Trong số đó Công ty Hợp tác xã Mondragón của Tây Ban Nha và kinh tế hợp tác xã Emilia-Romagna tại Ý là hai thành công nổi bật nhất.

Công ty Hợp tác xã Mondragón, một tổ hợp hợp tác xã công nhân đã thành lập được 50 năm và có trên 100.000 công nhân với doanh số trên 20 tỷ USD. Nhưng Mondragón không chỉ là một doanh nghiệp; Mondragón còn điều hành các trường học, các viện nghiên cứu, một trường đại học, các viện đào tạo, một hệ thống an sinh xã hội, và một liên hiệp tín dụng, tất cả đều tự tài trợ, tự cấp vốn. Doanh nghiệp khổng lồ này không cần đến nguồn đầu tư bên ngoài mà chỉ cần sự cam kết và cống hiến của các công nhân và cộng đồng của doanh nghiệp.

Tại vùng Emilia-Romagna (tại Ý chung quanh Bologna) các hợp tác xã công nhân đóng góp 40% GDP. Người lao động được hưởng lương cao khoảng hai lần lương trung bình ở Ý và mức sống của họ thuộc loại cao nhất Châu Âu. Ngoài ra, họ còn đi tiên phong với một quy trình mới sản xuất công nghiệp bao gồm làm việc theo mạng (networking) giữa các hãng nhỏ hợp tác về các dự án lớn, nhờ đặc điểm này họ có thể duy trì các công ty quy mô nhỏ và vừa, chẳng những vậy mà còn có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế với những công ty lớn.

Trên đây chỉ là hai trong số hàng ngàn ví dụ có thể kể ra. Câu trả lời dứt khoát cho những ai bảo rằng "cái này không được đâu" là hãy chứng tỏ rằng hệ thống đó đang hoạt động và đã hoạt động từ lâu, 50 năm rồi "vẫn chạy tốt". Hiển nhiên, các hãng này chỉ là lệ ngoại, chứ không phải lệ thường. Tuy nhiên, chẳng có lý do gì để cho rằng các doanh nghiệp "lệ ngoại" đó lại không thể trở nên "lệ thường" được. Rahm Emmanuel có một câu rất nổi tiếng: "Đừng bao giờ lãng phí một cuộc khủng hoảng". Thật đáng xấu hổ nếu ta để phí cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay, nếu như ta không sử dụng nó như một cơ hội để tư duy, suy nghĩ về ý nghĩa và vai trò của doanh nghiệp.

Qua Thông điệp, Đức Bênêđictô cung cấp cho ta các công cụ trí thức và tâm linh để suy tư về cuộc khủng hoảng này, và về những gì ta phải làm. Caritas in Veritate, "bác ái trong chân lý", có thể và phải là sự tập trung những suy tư loại này cho mọi tín hữu Công giáo. Tình yêu, caritas, chưa đủ để thành lập một doanh nghiệp; còn phải cần đến một số lớn kiến thức kỹ thuật nữa. Nhưng kiến thức đó sẽ dễ lạc đường nếu không được sáng soi bởi một tầm nhìn "yêu người như

thể thương thân”. Phải có một cuộc đối thoại giữa cả kiến thức và tình yêu. Hoặc, nói theo Đức Bê-nê-đi-cô:

"Bác ái không phải là điều phụ thuộc được thêm vào sau, như một phụ lục cho công trình đã được hoàn thành ở từng ngành khác nhau: bác ái đã hiện diện với các ngành đó ngay từ đầu cuộc đối thoại. Các đòi hỏi của tình yêu không nghịch lại với những đòi hỏi của lý trí. Trí thức con người thiếu sót và những kết luận của khoa học tự chúng không thể vạch ra con đường tiến đến sự phát triển toàn bộ con người. Luôn luôn có nhu cầu đẩy mạnh lên: đây là điều bác ái trong chân lý đòi hỏi [76]. Tuy nhiên, việc vượt hơn đây không có nghĩa là không cần đến các kết luận của lý trí, không có nghĩa là nghịch lại với những kết quả của nó. Trí thức và tình yêu không ở trong những gian phòng tách biệt: tình yêu phong phú nhờ trí thức và trí thức tràn đầy tình yêu" (30).

"Tình yêu phong phú nhờ trí thức và trí thức tràn đầy tình yêu". Xin được kết thúc bài này bằng một lời vàng ngọc nữa của Đức Bê-nê-đi-cô: văn minh hóa kinh tế. Đây chẳng phải là một giá trị phải sống trong thời đại ngày nay sao?

Nguồn tài liệu tham khảo:

<http://distributism.blogspot.com/2009/08/benedict-on-business-whats-love-got-to.html>

*Đan Quang Tâm* chuyển ngữ



## PHÚC ÂM MỚI CHO PHỐ WALL\*



“Phúc âm mới cho Wall Street” là nhan đề bài của nhà báo Charles Lewis trên tờ National Post số ra ngày 27.06.2009, viết về Thông điệp xã hội mà Đức Giáo hoàng Bênêđictô đã ký buổi sáng ngày 29.06.2009 nhưng sẽ được phổ biến vào tuần sau trùng với lúc khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh các Nước G8. (bài viết có biên tập lại đôi chút về thời gian cho phù hợp với thời điểm đăng tại web này).

Trong Thông điệp Bác Ái trong Sự Thật, ngài đã nêu ra những nhược điểm của chủ nghĩa tư bản, thị trường thế giới rối loạn, tình trạng công nhân bị bóc lột và sự phân cách giàu nghèo. Đức Giáo hoàng Bênêđictô đã lên tiếng nhận định về các căn bệnh của nền kinh tế.

Cha Thomas Reese, một học giả Mỹ Dòng Tên và chuyên gia về Vatican, viết: “Lắm người bảo thủ sẽ bị sốc và thất vọng vì Thông điệp sẽ phản ánh thái độ hoài nghi đối với chủ nghĩa tư bản không cương dựa trên lòng tham”.

“Khác với Tổng thống Obama muốn cải tổ một hệ thống mà ông tin là đã ngoài tầm kiểm soát, Đức Giáo hoàng Bênêđictô muốn tư duy lại (rethink) cả hệ thống”.

Bình luận hồi đầu năm về sự sụp đổ kinh tế toàn cầu, Đức Giáo hoàng Bênêđictô nói Giáo hội phải "tố cáo những sai lầm cơ bản đã bộc lộ qua sự sụp đổ các ngân hàng Mỹ. Lòng tham của con người là một hình thức tôn thờ ngẫu tượng chống lại Thiên Chúa chân thật, và là sự giả mạo hình ảnh Thiên Chúa bằng Mamon, một vị thần khác”.

Thái độ hoài nghi của Đức Giáo hoàng đối với chủ nghĩa tư bản không làm ngạc nhiên những ai nắm rõ giáo huấn của Giáo hội.

Đức Giáo hoàng Bênêđictô rất quan tâm đến chủ nghĩa thế tục đang đặt những giá trị Kitô giáo ra ngoài những giá trị đang thịnh hành trong xã hội, Cha Thomas Rausch, một linh mục Dòng Tên và

giáo sư thần học tại Đại học Loyola Marymount ở Los Angeles phát biểu. Theo cha, thông điệp này là phương thế Đức Giáo hoàng đem “các giá trị Phúc âm và các giá trị Kitô giáo vào xã hội chúng ta đang sống”.

Cha Rausch nói: “Ta đang ở trong một xã hội tuyệt vọng. Có được một giáo huấn rõ ràng về việc các quyết định kinh tế ảnh hưởng như thế nào đối với người ta có lẽ là một đối trọng hay trước sự nhấn mạnh điển hình của Hoa Kỳ ‘Hãy để thị trường được tự do. Thị trường sẽ tự giải quyết các vấn đề của nó’”.

Chester Gillis, giáo sư thần học tại Đại học Georgetown, nói điều Đức Giáo hoàng Bênêđictô đang làm chỉ là theo truyền thống giáo huấn của Giáo hội về sự công bằng trong kinh tế, nhất là đối với những người dễ bị tổn hại nhất.

Cuối thế kỷ 19, Đức Giáo hoàng Lêô XIII, trong thông điệp của mình, đã làm chấn động các nhà công nghiệp khi lên tiếng kêu gọi công nhân phải có quyền lập nghiệp đoàn, quyền nhận lương có thể sống – “Lương công nhân phải đủ để nâng đỡ bản thân và vợ con” – và đưa ra khái niệm căn cơ là giới hạn số giờ làm việc của công nhân.

Thông điệp viết: “Thật bất công và vô nhân... khi bắt những người cả nam lẫn nữ lao động thái quá đến nỗi làm cho họ mù mẫm tâm trí, thân xác kiệt quệ”.

Vào đầu những năm 1960, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII nêu trong một thông điệp rằng các cá nhân có quyền được hưởng toàn bộ các phúc lợi xã hội, bao gồm “quyền được chăm sóc khi yếu đau; bị thương tật trong lao động; góa bụa; già yếu; thất nghiệp do bị cưỡng bách; hoặc bất kỳ khi nào người đó bị mất phương tiện sinh sống không do lỗi của mình”.

Giáo sư Gillis nói: “Người ta sẽ hỏi: ‘Tại sao Giáo hội lại nói thế? Họ là ai? Họ đâu có phải là nhà kinh tế, nhà ngân hàng’”.

“Điều đó đúng. Tuy nhiên, có một đạo lý về kẻ được và người mất ần dưới nền kinh tế. Chắc chắn cứ sự thường thì Phúc âm đứng về phía người nghèo và những người thua thiệt, kém thế”.

Các thông điệp được xem là các “thư chung” được gửi đến các giám mục và tổng giám mục để làm rõ các vấn đề thần học và các đường lối, chính sách khác của Giáo hội. Các thông điệp được dùng để “lên án một hình thức sai lầm phổ biến nào đó, nêu rõ những nguy cơ đe dọa đức tin hoặc luân lý, khuyên các tín hữu hãy kiên vững, hoặc đề ra các biện pháp nhằm chữa trị các sự ác thấy trước hoặc đã có rồi”.

Trong các thông điệp đề cập đến các vấn đề luân lý, như việc sử dụng biện pháp kiểm soát sinh đẻ hoặc các công nghệ sinh sản, thì sứ điệp chuyển đến người Công giáo khá rõ rệt: đây là những điều Giáo hội nói rằng bạn không nên làm và đây là lý do tại sao.

Nhưng các thông điệp xã hội thì có phạm vi rộng hơn nhiều và đôi tượng nhắm đến hơi mơ hồ.

Cha Rausch nói: “Đây là chức năng giáo huấn”.

"Một phần trong vai trò của Đức Giáo hoàng là có khả năng hướng dẫn Giáo hội Công giáo và giúp Giáo hội đọc ra những dấu hiệu của thời đại”.

Giáo sư Gillis nói: "Ngài đang ngỏ lời với toàn thể thế giới, kể cả những người không Công giáo. Ngài đang là tiếng nói cho những người không có tiếng nói”.

***Dan Quang Tâm*** chuyển ngữ.

*\*Phố Wall (tiếng Anh: Wall Street là một tuyến phố ở hạ Manhattan, Thành phố New York, bang New York, Hoa Kỳ. Tuyến phố này chạy từ Broadway đến South Street bên sông East, qua trung tâm lịch sử Financial District. Wall Street là nơi đóng trụ sở của Sở giao dịch chứng khoán New York; qua thời gian, thuật ngữ Wall Street đã trở thành tên của khu phố xung quanh nó.[1] Wall Street cũng là cách nói tắt để đề cập đến các tầm quan trọng tài chính có ảnh hưởng của ngành tài chính Mỹ, tập trung ở khu vực Thành phố New York. (Theo Wikipedia).*

## KINH TẾ ĐOÀN SÙNG

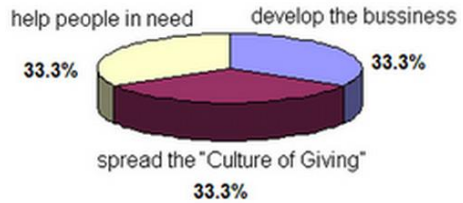
Não trạng đoàn sùng chỉ dành cho các “đấng bậc” ngày nay đã thay đổi và nay ta có thể nói đến đoàn sùng của người tín hữu Giáo Dân, kể cả trong lĩnh vực kinh tế. Đức Bênêđictô XVI thậm chí còn đề cao “nền kinh tế hiệp thông” trong Thông điệp *Caritas in Veritate* của ngài.

Đoàn sùng là ơn của Thần Khí để xây dựng công ích

Có lẽ chúng ta đã quá quen với câu nói trên và có lẽ chúng ta cũng khá quen với những cụm từ như “đặc sùng của đấng sáng lập Dòng”, “đoàn sùng của các Dòng Tu”... Dường như Đức Chúa Thánh Thần chỉ dành riêng những ơn đó cho các “đấng bậc”. Não trạng đó ngày nay đã thay đổi và người ta nay có thể nói đến đoàn sùng của người tín hữu Giáo Dân và Đức Bênêđictô XVI thậm chí còn đề cao “nền kinh tế hiệp thông” trong Thông điệp *Caritas in Veritate* của ngài.

Hiện diện thường xuyên và năng động của Thánh Thần trong mọi thành phần Dân Chúa.

Công Đồng Vaticanô II, như một Lễ Hiện Xuống mới, đã nói về một dấu chỉ mới trong Giáo Hội: sự thức tỉnh của người Giáo Dân hướng về một giai đoạn mới là đồng trách nhiệm và ý thức cộng đoàn. Công Đồng không những công nhận và tán thưởng mà còn mời gọi toàn thể Giáo Hội tiếp tục đi theo định hướng đó. Trong thế kỷ trước, đã xuất hiện một Chiara Lubich lãnh đạo một phong trào Giáo Dân rộng khắp, đi tiên phong trong lĩnh vực đại kết, hiệp thông và liên đới.



Việc phân phối lợi nhuận theo mô hình kinh tế đoàn sùng (economy of communion) như sau: 33.3% giúp đỡ những người có nhu cầu; 33.3% phát triển doanh nghiệp; 33.3% phổ biến "văn hóa tặng"

Trong quyển “Thánh Thần, Hơi Thở Sống Động Giáo Hội”, Hồng Y L.J. Suenens viết:

“Đối với đoàn sủng, Công Đồng luôn có thái độ đón nhận và cởi mở. Trong một đoạn văn rất quân bình, Công Đồng dù rất cẩn trọng đã nhìn nhận tầm quan trọng luôn luôn hiện thực của đoàn sủng. Chúng tôi mạo muội thêm rằng: hiện thực hơn bao giờ hết”.

Sau đây là hai đoạn văn căn bản của Công Đồng:

### **1. Hiến Chế Lumen Gentium, đoạn 12:**

“Hơn nữa, cũng chính Thánh Thần ấy, không chỉ thánh hóa và hướng dẫn Dân Thiên Chúa bằng các Bí Tích, các thừa tác vụ và trang bị họ bằng các nhân đức, nhưng Ngài còn ban phát ân sủng đặc biệt cho mọi cấp bậc các tín hữu “phân chia ân huệ cho mỗi người theo ý Ngài” (1Cr 12, 1), khiến người lãnh nhận ân sủng ấy có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ khác nhau mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo Hội như lời chép rằng: “Thánh Thần hiện diện trong mỗi người hầu mang lại lợi ích” (1Cr 12, 7).

Phải lãnh nhận những đoàn sủng này, từ các ơn chói lọi nhất đến các ơn thường mà nhiều người lãnh được, với lòng tri ân và yên ủi vì các ơn đó mang ích lợi và phù hợp với nhu cầu của Giáo Hội. Nhưng không nên liêu lĩnh kêu nài những ơn đặc biệt và cũng đừng vì đó mà tự đắc mong rằng việc tông đồ sinh kết quả. Những vị thủ lãnh trong Giáo Hội có thẩm quyền phán quyết về tính cách chân chính và sự sử dụng hợp lý các ơn lạ ấy; các ngài có nhiệm vụ đặc biệt phải khảo sát tất cả không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để trắc nghiệm và giữ lại những điều thiện hảo” (xem 1Tx 5, 12 và 19-21).

### **2. Giáo huấn ấy cũng được đưa ra trong Sắc lệnh Tông Đồ Giáo Dân, chương 3:**

“Để thể hiện việc tông đồ này, Thánh Thần thánh hóa Dân Chúa qua tác vụ và các Bí Tích. Ngài cũng ban cho các tín hữu những ơn đặc biệt (xem 1Cr 12, 7), “Phân phát những ơn đó cho mọi người tùy ý Ngài” (1Cr 12, 11) để “mỗi người tùy theo ơn đã nhận mà giúp đỡ nhau” và chính họ trở nên như những người quản lý trung tín giữ mọi

thứ ơn của Thiên Chúa (1 Pr 4, 10) hầu xây dựng toàn thân trong đức ái (x. Ep 4, 16).

Do sự đón nhận những đoàn sủng này đầu là những đoàn sủng thông thường, mỗi tín hữu có quyền lợi và bổn phận sử dụng những ơn đó trong Giáo Hội cũng như giữa trần gian để mưu ích cho mọi người và xây dựng Giáo Hội trong tự do của Thánh Thần, Đấng “muốn đâu thì thổi đến đó” (Ga 3, 8) và đồng thời sử dụng trong sự hiệp thông với anh em trong Đức Kitô, nhất là với các vị chủ chăn của mình. Chính các ngài có nhiệm vụ xét đoán về bản tính đích thực và việc sử dụng thích hợp những đoàn sủng đó, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để thử nghiệm mọi việc và điều nào tốt thì giữ lấy” (x. 1Tx 5, 12; 19, 21)”.

Công Đồng nhắc nhở Dân Chúa lưu tâm tới các đoàn sủng và kêu mời họ ý thức hơn về sự hiện diện thường xuyên và chủ động của Thánh Thần trong Giáo Hội. Công Đồng cũng thực hiện điều này nơi những văn kiện khác – có tới 252 chỗ bàn về Thánh Thần trong các tài liệu Công Đồng – nhưng đặc biệt hơn là trong những đoạn nói về cải cách Phụng Vụ được Công Đồng khởi xướng. Đáng chú ý là trong các công thức đổi mới của việc cử hành Phụng Vụ và Bí Tích, Giáo Hội đã đặt vai trò thánh hóa của Thánh Thần lên hàng đầu”.

### **Mọi Kitô hữu đều có ơn đoàn sủng**

Như đã nói ở trên về người Giáo Dân “đồng trách nhiệm”, Công Đồng Vaticanô II đã thay đổi cách về Giáo Hội theo thể chế pháp lý sang cách nhìn về Giáo Hội là Dân Thiên Chúa: Giáo Hội là Dân mới của Thiên Chúa, được quy tụ do niềm tin vào Chúa Phục Sinh, và được ghi dấu nhờ Bí Tích Thánh Tẩy nhân danh Chúa Giêsu Kitô. Tất cả những người đã chịu Thánh Tẩy đều là Dân Thiên Chúa, và có trách nhiệm thi hành sứ vụ của Giáo Hội. Mọi tác vụ và đoàn sủng đều là ơn Thiên Chúa ban qua cộng đoàn và mọi Kitô hữu đều chia sẻ chiều kích tác vụ đó.

Như vậy, mọi Kitô hữu Giáo Dân cũng được ơn đoàn sủng để xây dựng cộng đoàn và phục vụ công ích. Mà Kitô hữu Giáo Dân lại sống giữa đời và hoạt động trong môi trường kinh tế và xã hội. Vấn đề kinh tế, như mọi người đều cảm thấy, là hết sức quan trọng và trong thực tế, có lẽ khoảng 80% các quyết định mà người ta làm đều

liên quan đến lý do kinh tế, kể cả vấn đề thuộc lĩnh vực tình cảm là việc dựng vợ gả chồng, lập gia đình. Như ta đã biết, Thông điệp Caritas in Veritate của Đức Thánh Cha đã phải chậm phát hành hai năm vì ngài muốn đề cập đến các vấn đề kinh tế tài chính và đưa ra giải pháp cho cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Một điều hết sức bất ngờ, ngài đưa ra mô hình doanh nghiệp “kinh tế hiệp thông” như một dạng hỗn hợp giữa các công ty theo đuổi mục đích lợi nhuận và các tổ chức phi lợi nhuận.

### **Thông điệp Caritas in Veritate và kinh tế hiệp thông**

Nơi đoạn 46 của thông điệp, Đức Thánh cha viết:

“Khi ta xem xét các vấn đề có liên quan trong quan hệ giữa kinh doanh và đạo đức, cũng như diễn biến đang xảy ra trong các phương thức sản xuất, dường như sự phân biệt có giá trị truyền thống giữa các công ty dựa trên lợi nhuận và các tổ chức phi lợi nhuận không còn có thể phù hợp với thực tế, hoặc có thể đưa ra hướng dẫn thực tiễn cho tương lai. Trong những thập niên gần đây một khu vực trung gian rộng lớn đã xuất hiện giữa hai loại doanh nghiệp. Khu vực trung gian đó gồm các công ty truyền thống, tuy nhiên, lại tham gia các hợp đồng tài trợ xã hội nhằm ủng hộ các nước kém phát triển, các cơ sở từ thiện có liên quan đến các công ty cá nhân, các nhóm công ty hướng đến phúc lợi xã hội, và thế giới đa dạng của nền kinh tế gọi “kinh tế dân sự” và “kinh tế hiệp thông”. Đây không chỉ là vấn đề “khu vực thứ ba”, mà là một thực tại mới, rộng lớn và phức tạp, bao gồm các lãnh vực tư nhân và công cộng, một lãnh vực không loại trừ lợi nhuận, nhưng trái lại xem lợi nhuận như một phương tiện để đạt đến các cứu cánh nhân loại và xã hội. Dù các công ty đó có phân chia cổ tức hay không, dù cấu trúc pháp lý của chúng có đáp ứng hình thức này hoặc hình thức kia của các loại hình được thiết lập, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là chúng sẵn sàng xem lợi nhuận như một phương tiện để đạt đến một thị trường và xã hội nhân bản hơn. Hy vọng rằng những loại doanh nghiệp mới này sẽ thành công trong việc tìm ra một cấu trúc pháp lý và tài chính thích hợp tại mọi nước. Không phương hại đến tầm quan trọng và các lợi ích kinh tế và xã hội của các hình thức kinh doanh truyền thống, chúng hướng hệ thống đến một sự đảm nhận rõ ràng hơn và hoàn bị hơn các nhiệm vụ

về phần các chủ thể kinh tế. Và không phải chỉ có thế. Chính tính đa nguyên của các loại hình định chế của doanh nghiệp làm phát sinh một thị trường không những văn minh hơn nhưng cũng cạnh tranh hơn”.

Thật đúng là Thần Khí “muốn thổi ở đâu thì thổi”, và không có nơi nào có thể được ngăn cản tác động của Người. Đến đây ta có thể nói đến vấn đề đoàn sủng trong lĩnh vực kinh tế.

### **Kinh Tế Đoàn Sủng**

Đến đây, cách tốt nhất là ta hãy nghe diễn giải của một giáo sư am hiểu vấn đề. Giáo sư, tiến sĩ Kinh tế Luigino Bruni, điều phối viên Ủy ban Quốc tế Kinh tế Hiệp thông thuộc Phong trào Focolare với câu nói nổi tiếng của ông "Không gì có giá trị cho bằng một hành vi cho đi hoàn toàn nhưng không".

Giáo sư Bruni giải thích như sau về Kinh Tế Đoàn Sủng:

#### **Đặc tính thứ nhất:**

Kinh nghiệm xuất hiện như kết quả của các đoàn sủng cho thấy cuộc sống vượt trên lý thuyết. Do đó, các kinh nghiệm này là phổ biến, luôn luôn xuất phát từ thực tế, không bao giờ là kết quả của các chuyên gia hoặc nhà chuyên môn tham gia hội thảo bàn tròn đề ra. Đây không phải trường hợp thực hiện dự án, mà do chú ý lắng nghe cuộc sống, từ đó phát sinh các diệu cảm và trực giác, luôn luôn phong phú hơn các ý tưởng thuần túy. Do đó, khi đối diện với một sự khác biệt giữa điều đang được sống và điều đáng ra phải sống theo lý thuyết tốt (ngay cả thuộc loại tốt nhất) thì sự khác biệt đó không bao giờ có thể giải quyết được chỉ bằng cách thay đổi phương thức làm, bởi vì kinh nghiệm sống về và sống trong, bản thân nó thể hiện các yếu tố của các chân lý tất yếu, rồi tự mạc khải như cốt yếu cho thành công và tính xác thực của chính dự án.

Chiều kích thứ nhất rất hiển nhiên trong kinh tế hiệp thông. Đối diện với cảnh nghèo khó và phân phối bất công, Chiara không kêu lên: “Ta hãy bắt đầu một trung tâm nghiên cứu để nghiên cứu một nền kinh tế mới”. Thay vào đó, Chiara đề nghị hãy hành động ngay lập tức, dựa trên vài trực giác (chủ yếu là việc chia sẻ lợi nhuận thành ‘ba phần đều nhau’, thêm các khu công nghiệp vào các thành phố



nhỏ của Phong Trào, và “ta tuy nghèo mà đông”). Chị phó mặc cho cuộc sống bảo cho biết cần làm gì từng bước một vào từng lúc. Có nhiều dự án "xóa đói giảm nghèo" do các đoàn thể hoặc Nhà Nước tiến hành, chẳng hạn. Trong nền kinh tế mang tính đoàn sủng như nền kinh tế hiệp thông, sự sống đến trước, còn các suy tư lý thuyết luôn luôn đi theo sự sống, bởi vì cuộc đời dày đặc chân lý hơn bất kỳ lý thuyết nào.

### **Khía cạnh thứ hai của kinh tế đoàn sủng:**

Các kinh nghiệm này xuất hiện như một sự đáp trả của đời sống cho các vấn đề của những con người cụ thể. Năm 1991 Chiara bay đến thành phố Sao Paulo nước Brasil, và bị ấn tượng bởi ý nghĩ có nhiều người trong Phong trào Focolare, các thành viên gia đình chị, đang ở trong những ngôi nhà ổ chuột đó. Kinh tế hiệp thông đã đến cho họ, không phải đã đến từ một ý tưởng trừu tượng mà xuất phát từ chính thực tế. Luôn luôn là một cái gì đó đầy tràn sức sống, sống động, chứ không phải một dự án nhân đạo xây dựng một thế giới tốt hơn. Rồi, một khi ra đời, nếu đó là những dự án đoàn sủng đích thực, thì những dự án đó rồi ra sẽ cho ta thấy tính phổ biến của chúng, nhưng gần như một tác động không có chủ ý, không phải là một phần của gọi hứng ban đầu.

### **Đặc tính thứ ba:**

Các kinh nghiệm đoàn sủng này đặt ra vấn đề cần có một quan niệm mới về của cải và nghèo khó. Ở đây Thánh Phanxicô là một mẫu gương cho ta. Sau khi trở lại, Phanxicô quay về nhà, không đi Spoleto nữa, và ngay lập tức Phanxicô từ bỏ ngay đi số tiền bạc đã thu được từ công việc kinh doanh của mình, vì hiểu rằng của cải thực chính là những người khác: việc chọn Đức Nghèo Khó đã trở nên sự giàu sang mới của mình.

Nói chung, mỗi khi đoàn sủng đến trong lịch sử kinh tế, nó đều nêu vấn đề về “của cải”. Đoàn sủng nói rằng hàng hóa thực, “hàng hóa tốt”, không phải là những thứ con người ta thường hay hiểu: tiền bạc, quyền hành, thành công. Hàng hóa đã trở thành sự nghèo khó, sự thấp bé nhất, sự hiệp thông, nên cho đi thì có phúc hơn là nhận. Một đoàn sủng, nhất là một đoàn sủng lớn, biến đổi cái nhìn thông thường về sự vật theo trật tự ngược lại.

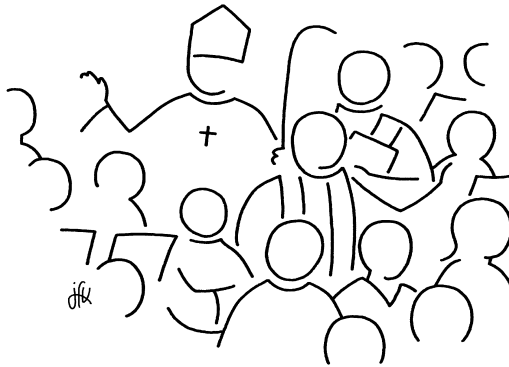
## **Đặc tính thứ tư tóm tắt các đặc tính trên:**

Các kinh nghiệm đoàn sủng là ơn có được “những con mắt khác” khiến ta nhìn thấy những vẻ đẹp trong các vấn đề ta gặp phải. Khi một đoàn sủng hoạt động, những ai thuộc về đoàn sủng sẽ thấy một cái gì khác trước, đó là ơn có được một cái nhìn mới. Chẳng hạn, khi Mẹ Teresa Calcutta nói về người nghèo, mẹ thích lặp lại câu: “Đừng gọi họ là vấn đề, hãy gọi họ là tặng ân”.

## **Câu hỏi thay cho lời kết**

Phải chăng đã đến lúc người Kitô hữu chúng ta, đặc biệt là các doanh nhân Công Giáo, cần quan tâm tìm hiểu và cùng nhau xây dựng, áp dụng vào hoàn cảnh của chúng ta một nền Kinh Tế Đoàn Sủng để đáp lời kêu gọi của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI? Đó cũng là mong ước của Đức Hồng Y G.B. Phạm Minh Mẫn nữa, vì có lần trong một thư chung hàng tháng “Lời Chủ Chăn”, Đức Hồng Y khuyến khích mọi người hãy nghiên cứu và triển khai áp dụng nền kinh tế hiệp thông. Thế nhưng nhiều năm trôi qua, lời kêu gọi ấy vẫn như “tiếng kêu trong hoang địa”. Mặc dù Đức Tổng Gioan Baotixita đã quy tụ được cả một đội ngũ doanh nhân Công giáo chung quanh ngài, nhưng dường như vẫn chẳng có doanh nhân hay doanh nghiệp nào đứng ra nhận “đơn đặt hàng” của ngài để “gia công”.

***Đan Quang Tâm.***



## DOANH NHÂN VÀ LỜI CHÚA

*Nói đến doanh nhân là nói đến sự quan tâm đến tiền bạc, làm thế nào để kiếm tiền. Kiếm tiền là một nhân tố quan trọng đã ăn sâu vào trong từng mạch máu của doanh nhân. Tuy nhiên, không chỉ chuyên tâm lo đầu tư, làm ăn thương mại, doanh nhân còn có tinh thần sáng tạo, cực kỳ nhạy bén trước thông tin và các cơ hội thị trường. Điểm mạnh của doanh nhân là họ năng động, dám bỏ vốn để đầu tư, kinh doanh, và rất giỏi nối kết con người với các yếu tố sản xuất để thực hiện dự án, không quá hãi sợ rủi ro – cho dù đôi khi rủi ro không nhỏ – mà dám chấp nhận, qua đó tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động.*

*Đó là tinh thần doanh nghiệp mà mọi doanh nhân đứng nghĩa đều phải có. Thế còn doanh nhân Công giáo thì sao, liệu với tư cách tín hữu Đức Kitô, họ có thêm vào chút “men”, “muối” nào cho đời không? Lời Chúa và học thuyết xã hội Công giáo có thể soi sáng được gì cho các doanh nhân này trong hoạt động kinh tế của họ?*

Giáo hội Công giáo có truyền thống quan tâm chăm sóc những người bất hạnh, cơ nhỡ, tật bại. Chính nhờ biết yêu thương, chăm sóc người nghèo mà Giáo hội đã thành công trong công cuộc rao giảng Tin Mừng ngay từ những thế kỷ đầu tiên. Nhờ thực hành Điều Răn Mới (Ga 13, 34) nên tỷ lệ những người Công giáo sống sót trong các trận dịch ngày xưa bao giờ cũng cao hơn so với những cộng đồng khác trong xã hội.

Giáo hội với truyền thống chăm sóc người nghèo đã hình thành nguyên tắc “ưu tiên lựa chọn người nghèo” (GLGHCG 2443-2449, TLHTXHC 182). Từ thời xa xưa, Thánh Augustinô với tư cách “người ăn xin cho những kẻ ăn xin” (Serm. 66,8), thường hay lập đi lập lại vào cuối bài giảng của mình: “hãy cho người nghèo” (Serm. 61,13), “hãy nghĩ đến người nghèo” (Serm. 25,8; Serm. 122,6), “hãy cho người nghèo những gì bạn đã thu tích được” (Serm. 66,5).

Tuy nhiên, ưu tiên lựa chọn người nghèo không có nghĩa là Giáo hội chống lại việc kinh doanh, bài xích doanh nhân và đả phá tiền bạc. Công tâm xem xét, phải nhận rằng nhờ tiền bạc, tài sản mà ta có

thêm khả năng đóng góp vào công ích và phục vụ các thiện ích của con người. Tài sản là phương tiện để đạt đến mục đích. Mục đích cao quý thiếu tiền bạc xem ra cũng khó đạt đến.

Như vậy, cái gì đáng trách? Cái đáng trách ở đây là lòng ham muốn tiền bạc. Lời Chúa rất rõ ràng về điều này. “*Cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc*” (1 Tm 6,10).

### **Doanh nhân và tinh thần doanh nghiệp**

Nói đến tiền bạc là nói đến doanh nhân. Ngược lại, nói đến doanh nhân là nói đến tiền bạc, sự quan tâm đến tiền bạc, làm thế nào để kiếm tiền. Kiếm tiền là một nhân tố quan trọng đã ăn sâu vào trong từng mạch máu của doanh nhân. Tuy nhiên, không chỉ chuyên tâm lo đầu tư, làm ăn thương mại, doanh nhân còn có tinh thần sáng tạo, cực kỳ nhạy bén trước thông tin và các cơ hội thị trường. Điểm mạnh của doanh nhân là họ năng động, dám bỏ vốn để đầu tư, kinh doanh, và rất giỏi nối kết con người với các yếu tố sản xuất để thực hiện dự án, không quá hãi sợ rủi ro – cho dù đôi khi rủi ro không nhỏ – mà dám chấp nhận, qua đó tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động.

Đó là tinh thần doanh nghiệp mà mọi doanh nhân đúng nghĩa đều phải có. Thế còn doanh nhân Công giáo thì sao, liệu với tư cách tín hữu Đức Kitô, họ có thêm vào chút “men”, “muối” nào cho đời không? Lời Chúa và học thuyết xã hội Công giáo có thể soi sáng được gì cho các doanh nhân này trong hoạt động kinh tế của họ?

### **Doanh nhân Công giáo và Lời Chúa**

Được Lời Chúa soi sáng, doanh nhân Công giáo cần đem vào môi trường kinh doanh một cái gì rất Kitô hữu, như Điều Răn Mới và tinh thần vì công ích.

Về các vấn đề xã hội, Lời Chúa – lời cứu độ – có một định hướng rõ ràng: bạn hãy quan tâm chăm sóc những con người thấp cổ bé miệng, số phận hẩm hiu như các bà góa và cô nhi, như ta có thể tìm thấy trong Thư Thánh Giacôbê. Do đó, ta không trông mong tìm thấy trong Sách Thánh những lời khuyên tư vấn về việc đầu tư, mua chứng khoán như ta dễ dàng có thể tìm thấy trong cuốn *The Intelligent Investor* (Nhà Đầu Tư Thông Minh) của Benjamin Graham, nhà tư vấn đầu tư hàng đầu thế giới của thế kỷ 20, từng là

thầy của tỷ phú Warren Buffett. Thế thì ta tìm thấy gì ở đây? Văn chương Khôn ngoan của Cựu Ước cho ta những tia sáng nhỏ về hoạt động của doanh nhân: “*Còn về những chuyện sau đây, con đừng xấu hổ... vì thu lợi ít hay nhiều, vì lợi lộc do nghề buôn bán*” (Kn 42,1.5).

Phân tích câu văn, ta thấy ngoài việc khẳng định chuyện mua bán đôi chác và thu lợi nhuận từ việc kinh doanh đó, có một vấn đề: các thể hệ doanh nhân đều gặp phải thái độ nghi ngờ của thiên hạ đối với việc họ kiếm bộn bạc từ hoạt động kinh doanh. Cha ông ta ngày xưa thì xếp doanh nhân vào hạng chót trong bậc thang những ngành nghề chính trong xã hội theo thứ tự sự kính trọng giảm dần: sĩ, nông, công, thương.

Sách Thánh có nói gì thêm để cắt đi sự thẹn thùng đó không?

Thưa có, Tân Ước có nói một cách ẩn dụ về doanh nhân. Dù ngôn những yếm bạc (x. Mt 25,14–30) khuyến khích sự cần mẫn khai thác, sử dụng các tài năng, các “yếm bạc” Thiên Chúa ban cho ta. Đừng quá thủ thế co vòi, né thất bại, sợ trả giá nếu muốn sống cuộc đời đắc lực, trở sinh hoa trái. Chắc chắn dụ ngôn này có hương vị cánh chung, nhưng đừng quên Chúa chúng ta khi kể lại dụ ngôn đã sử dụng một đơn vị đo lường về tài sản là yếm bạc và bảo ta đừng khư khư giữ lấy mà hãy đem ra “xài” để sinh lãi. Không những thế, Người còn thuật liền một mạch hai dụ ngôn song song: Dụ ngôn kho báu và ngọc quý (Mt 13,44-46)

*“Nước Trời giống như chuyện kho báu chôn giấu trong ruộng. Có người kia gặp được thì liền chôn giấu lại, rồi vui mừng đi bán tất cả những gì mình có mà mua thửa ruộng ấy.*

*Nước Trời lại cũng giống như chuyện một thương gia đi tìm ngọc đẹp. Tìm được một viên ngọc quý, ông ta ra đi, bán tất cả những gì mình có mà mua viên ngọc ấy”.*

Các dụ ngôn này rõ ràng nói về sự sống đời đời đang được Thiên Chúa “rao bán” – giá mua cực kỳ hời cho dù bạn có phải bán tổng bán tháo mọi sự mình có ở trần gian này để “mua” lấy “Nước Trời”. Các nhà chuyên môn bảo ta rằng các dụ ngôn đó sử dụng nguyên tắc “thăng hóa” (the principle of sublation), nghĩa là ở đây dụ ngôn đưa ra một cái gì đó mới mẻ, hoàn toàn khác (sự sống đời đời), nhưng

không có ý can thiệp hay dẹp bỏ công việc của các doanh gia và thương nhân. Trái lại, dụ ngôn cần đến và giữ lại các công việc cũng như các hoạt động của doanh nhân và “nâng cấp”, đưa đến một sự thăng hoa, một sự thực hiện toàn vẹn, hoàn bị hơn. Xem ra Sách Thánh có vẻ mặc nhiên tán đồng hoạt động của doanh nhân.

### **Caritas in veritate: nguyên tắc nhưng không và lô-gích quà tặng phải có chỗ đứng trong hoạt động kinh tế bình thường**

Đức Giáo hoàng Bênêdictô XVI dường như muốn các doanh nhân đi thêm “một dặm nữa” trên chốn thương trường như chiến trường. Trong Thông điệp *Caritas in Veritate* (Bác ái trong Chân lý), được biên soạn trong những năm khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, ngài khẳng định một nền kinh tế đúng đắn, lành mạnh không những phải dựa trên nhân đức tự nhiên công bằng mà còn phải đặt cơ sở trên nhân đức siêu nhiên bác ái. Nếu Đức Lêô XIII trong Thông điệp *Rerum Novarum* (Tân Sự) khẳng định kinh tế phải dựa trên công bằng, mà dấu hiệu của công bằng là đồng lương chính đáng, sống được, thì Đức Bênêdictô XVI bảo rằng hãy đưa vào đó không những các nguyên tắc công ích, công bằng, đạo đức mà cả “nguyên tắc tặng cho nhưng không” và “lô-gích quà tặng”:

“Hoạt động kinh tế không thể giải quyết được mọi vấn đề xã hội thông qua việc chỉ áp dụng lô-gích thương mại. Lô-gích thương mại cần phải hướng đến việc theo đuổi công ích [...] Thị trường không phải, và không được trở thành, nơi cho kẻ mạnh đàn áp người yếu.

Học thuyết xã hội của Hội Thánh chủ trương rằng các quan hệ xã hội đích thực nhân bản về tình bạn, liên đới và tương hỗ cũng có thể phát huy trong hoạt động kinh tế, chứ không phải chỉ ở bên ngoài hoặc “theo sau” hoạt động đó. Lãnh vực kinh tế không trung lập về mặt luân lý, tự bản chất không phải là phi nhân và chống lại xã hội. Kinh tế là một bộ phận của hoạt động con người và vì kinh tế mang tính nhân bản, nên phải được cơ cấu hóa và quản trị một cách có đạo đức.

Thách thức lớn đặt ra trước chúng ta, xuất phát từ những vấn nạn về phát triển trong kỷ nguyên toàn cầu này và càng trở thành khẩn trương hơn bởi cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính, đó là trên bình diện tư duy cũng như ứng xử, ta phải chứng minh rằng chẳng những

các nguyên tắc truyền thống về đạo đức xã hội như tính minh bạch, tính trung thực và tinh thần trách nhiệm không thể bỏ qua hoặc lơ là, mà còn trong cả các quan hệ thương mại, nguyên tắc tặng cho nhưng không và lô-gích quà tặng như sự thể hiện tinh huynh đệ có thể và phải tìm thấy chỗ đứng của mình ngay trong hoạt động kinh tế bình thường. Đây là một đòi hỏi của con người vào lúc này, nhưng cũng là đòi hỏi của lô-gích kinh tế nữa. Đây cũng là đòi hỏi của bác ái và sự thật (36).

Học thuyết xã hội của Hội Thánh luôn luôn chủ trương rằng công bằng phải được áp dụng đối với mọi giai đoạn của hoạt động kinh tế [...]. Các quy tắc công bằng phải được tôn trọng ngay từ đầu, trong khi tiến trình kinh tế diễn ra, chứ không phải chỉ sau đó hoặc ngẫu nhiên. Cũng cần phải tạo ra mặt bằng trong thị trường cho hoạt động kinh tế được thực hiện bởi những chủ thể muốn tự do hành động theo các nguyên tắc khác với những nguyên tắc thuần túy vì lợi nhuận, mà không từ bỏ việc sản xuất ra giá trị kinh tế. Nhiều chủ thể kinh tế xuất phát từ các sáng kiến của các tu sĩ và giáo dân cho thấy rằng đây là điều có thể thực hiện cụ thể được.

Trong kỷ nguyên toàn cầu, nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi những mô hình cạnh tranh gắn liền với các nền văn hóa rất khác nhau. Những hình thức khác nhau của doanh nghiệp kinh tế xuất hiện những kiểu mẫu cạnh tranh này tìm thấy điểm gặp gỡ chính yếu của mình nơi công bằng giao hoán. Sinh hoạt kinh tế rõ ràng đòi hỏi các hợp đồng, để điều chỉnh các quan hệ trao đổi giữa những hàng hóa có giá trị tương đương. Thế nhưng, sinh hoạt kinh tế cũng cần đến những luật lệ công bằng và các hình thức tái phân phối bởi chính trị, và hơn thế nữa, nó cần các hoạt động mang đầy tinh thần tặng cho (37).

### **“Cho thì có phúc hơn là nhận”**

Tuy nhiên, mãi mê kiếm tiền như nhân vật Scrooge trong truyện “A Christmas Carol” của Charles Dicken, ngụp lặn trong đồng bạc như bác Scrooge trong truyện tranh Vịt Donald vì mục đích muốn chiếm hữu, để “có” nhiều hơn, thì lại là điều chẳng nên, rất nguy hiểm là đàng khác, vì người ta dễ đi lạc mục tiêu, “được lời lãi cả thế gian” mà đánh mất “sự sống đời đời”. Có lẽ “tiền thân” của cả hai gã

Scrooge này là cái lão bá hộ khờ trong Luca 12,16-21. Trong một môi trường như thế, có cách nào để tránh cái cám dỗ thường xuyên, trường kỳ đó không?

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II trong Sứ điệp Mùa Chay 2003 viết:

“Lòng ham muốn chiếm hữu quá mức ngăn cản con người mở lòng ra cho Đấng Tạo Hoá và cho anh chị em của mình. Những lời của Thánh Phaolô gọi cho Timôthê vẫn giữ nguyên giá trị đối với mọi thời đại: "Cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc, vì buông theo lòng ham muốn đó, nhiều người đã lạc xa đức tin và chuốc lấy bao nỗi đớn đau xâu xé" (1 Tm 6,10)!

Bóc lột người khác, đứng dung trước đau khổ của anh chị em mình, và vi phạm các luật cơ bản về luân lý chỉ là một vài hậu quả của lòng hám lợi”.

Vị Tân Chân Phước đưa ra phương dược: “Cho thì có phúc hơn là nhận”. Cụ thể, ngài đề nghị:

“Mùa Chay ban cho ta các vũ khí thiết thực và hữu hiệu là ăn chay và rộng tay làm phúc như một phương tiện để ta chiến đấu chống lại một sự gắn bó với tiền bạc thái quá”.

Đây là lời cảnh tỉnh, lời khuyên đối với tất cả mọi người, chẳng cứ gì chỉ dành cho giới doanh nhân.

Xét cho cùng, là người giỏi kinh doanh, doanh nhân Công giáo phải biết lòng sục, săn tìm, mua sắm cho bằng được “kho báu chôn giấu trong ruộng” và “viên ngọc quý”, mà Lời Chúa và học thuyết xã hội Công giáo chính là tấm bản đồ, là bức mật thư cần đọc.

***Đan Quang Tâm.***



## BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*Nhân loại ngày nay càng ý thức rõ hơn về tầm quan trọng của môi trường. Về vấn đề này, quyển Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo dành hẳn một chương (số 451-487) để bàn luận. Dưới đây là phẩm tóm lược Chương 10 - Bảo vệ Môi trường trong tác phẩm nói trên.*



### **I. Cái nhìn Ki-tô giáo về môi trường**

Quyển Tóm lược HTXHCG dành hẳn chương 10 để bàn về môi trường.

Điều này nói lên Giáo hội đánh giá cao vấn đề bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm và nhấn mạnh tầm quan trọng của các vấn đề môi trường.

### **Ki-tô giáo nhìn nhận sự hiện diện của Thiên Chúa trong thiên nhiên**

Ta nên nhìn về tương lai một cách hy vọng, dựa vào lời hứa và giao ước mà Chúa liên tục lặp lại. Trong Cựu ước ta thấy người Israel sống niềm tin trong một môi trường được xem là quà tặng của Thiên Chúa. Tuy nhiên, thiên nhiên, công trình sáng tạo của Thiên Chúa, không phải là một kẻ thù nguy hiểm. Ngài đặt con người vào chóp đỉnh công trình sáng tạo và giao cho con người chịu trách nhiệm về toàn thể thụ tạo, chăm sóc, quản lý thụ tạo.

Trong Tân ước, Đức Giêsu đến khai mở một thế giới mới, trong đó mọi sự đều phục tùng Người. Người tái tạo, đem lại sự hài hòa cho những quan hệ, trật tự đã bị tội phá vỡ.

## **II . Con người và vũ trụ**

### **Con người làm chủ trái đất và vũ trụ**

Kinh Thánh soi sáng cho người Kitô hữu biết phải sử dụng trái đất như thế nào. Công đồng Vatican II khẳng định con người “có lý khi nhận định rằng nhờ trí khôn của mình, con người vượt lên trên vũ trụ vật chất, vì được chia sẻ ánh sáng của trí khôn Thiên Chúa”.

Ngày nay, “nhất là với sự giúp đỡ của khoa học và công nghệ, con người đã mở rộng quyền làm chủ của mình gần như trên toàn thể thiên nhiên và còn tiếp tục đi xa hơn nữa”.

Con người, “được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, đã nhận được mệnh lệnh chinh phục trái đất và mọi sự chứa đựng trong đó, đồng thời cai trị thế giới trong công lý và thánh thiện; nhờ thi hành mệnh lệnh ấy, con người và toàn thể sự vật được liên kết với Đấng mà mọi người nhìn nhận là Chúa Tể và Tạo Hoá muôn loài. Như thế, khi đặt mọi sự vào tay con người là danh Chúa được tôn vinh trên khắp trái đất. [Công đồng dạy rằng] qua bao thế kỷ, con người đã lao động để cải thiện hoàn cảnh sống của mình nhờ những nỗ lực rất lớn của cá nhân lẫn tập thể. Đối với những tín hữu, điểm sau đây đã rõ ràng: tự bản thân nó, hoạt động cải thiện này của con người phù hợp với ý muốn của Thiên Chúa”.

### **Tài nguyên trái đất thuộc về mọi người**

Con người đã lên đến mặt trăng. Con người đã xây dựng biết bao công trình tráng lệ. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng tài nguyên của trái đất là của tất cả mọi người. Thái độ của ta đối với các tài nguyên này, đó là "uống nước nhớ nguồn", ta phải xử sự như mình đã được Đấng tạo hóa trao cho kỳ công sáng tạo của Người cho ta quản lý. Không được có thái độ ích kỷ, vơ vét tài nguyên về cho mình, mà không nghĩ đến những người khác và các thế hệ mai sau.

Khi sử dụng tài nguyên thiên nhiên, phải nhắm đến lợi ích của mọi người.

**Khoa học và công nghệ phải phục vụ mục đích của Thiên Chúa**

Những thành quả của khoa học và công nghệ tự chúng là tích cực. Công nghệ có thể là một công cụ vô giá dùng để giải quyết các vấn đề nghèo đói và bệnh tật.

Một điểm tham chiếu quan trọng cho mọi ứng dụng khoa học và công nghệ là phải tôn trọng con người và tôn trọng các sinh vật khác.

Vì thế, con người không bao giờ được quên rằng “khả năng biến đổi, và theo một nghĩa nào đó, khả năng sáng tạo thế giới thông qua lao động của mình... luôn luôn dựa trên một quà tặng đã có trước và có ngay từ đầu mà Thiên Chúa ban cho chúng ta là những gì đang hiện hữu”. Con người không được “sử dụng trái đất một cách tùy tiện, bắt nó tùng phục ý muốn của mình một cách vô hạn, như thể nó không có những yêu cầu riêng và không có một mục tiêu mà Thiên Chúa đã ban cho từ trước, một mục tiêu mà con người quả thật có thể triển khai nhưng không được phép phản bội”. Khi hành động như thế, “con người thay vì thi hành vai trò của người cộng tác với Chúa trong công trình sáng tạo, sẽ tự đặt mình thay thế Chúa và rút cuộc làm cho thiên nhiên phải phản lại, vì con người đã hành hạ hơn là cai quản thiên nhiên”.

Nếu con người can thiệp vào thiên nhiên mà không lạm dụng hay phá hoại thiên nhiên, thì có thể nói “con người đã can thiệp không phải để làm thay đổi cho bằng tạo điều kiện cho thiên nhiên phát triển theo sự sống riêng của mình, sự phát triển của thụ tạo mà Thiên Chúa đã nhắm tới. Khi làm việc trong lĩnh vực hết sức tế nhị này, nhà nghiên cứu phải bám sát kế hoạch của Thiên Chúa. Ngài muốn con người phải là chúa tể các thụ tạo”. Chung cuộc, chính Thiên Chúa cho con người được vinh dự cộng tác vào công trình tạo dựng bằng tất cả năng lực của trí khôn mình”.

### **III. Khủng hoảng trong quan hệ giữa con người và môi trường**

Ít có xã hội nào ngày nay không bị ảnh hưởng bởi những vấn đề lớn về môi trường. Có nhiều vấn đề ảnh hưởng đến cả thế giới. Dân số thế giới gia tăng trong khi năng lượng ta sử dụng không phải là vô hạn. Việc gia tăng sản xuất của cải vật chất có thể dẫn đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên vô tội vạ, không suy nghĩ sâu xa về những hậu quả trong tương lai. Ngoài ra còn có các vấn đề như ô

niễm không khí, khói bụi, trái đất ấm dần lên, chất thải có hại, nạn phá rừng.

Giáo Hội chỉ ra rằng những vấn đề này sở dĩ đã xảy ra là do con người không tôn trọng quy luật Thiên Chúa đã tạo dựng nên trái đất nên duy chỉ có Người mới có quyền thống trị tối hậu đối với trái đất. Nguyên nhân sâu xa của những vấn đề đó có thể là tham vọng của con người muốn thống trị trên sự vật một cách vô điều kiện, không chú ý tới bất kỳ đòi hỏi nào về mặt luân lý; trái lại, chính những đòi hỏi này mới là yếu tố giúp phân biệt các hoạt động của con người.

Khuynh hướng khai thác “vô tội vạ” các tài nguyên thiên nhiên chính là hậu quả của một quá trình lịch sử và văn hoá lâu dài. “Kỷ nguyên hiện đại đã chứng kiến khả năng ngày càng cao của con người trong việc can thiệp mang tính biến đổi. Khía cạnh chinh phục và khai thác này đã trở nên nổi trội và ngày càng lấn chiếm, thậm chí hiện nay đã đến mức đe dọa khía cạnh thân thiện của môi trường: vai trò làm ‘tài nguyên’ của môi trường đang đe dọa vai trò làm ‘nơi ăn chốn ở’ của môi trường. Chính vì các phương tiện làm biến đổi môi trường do nền văn minh công nghiệp đem lại ngày càng mạnh, nên đôi khi thế cân bằng giữa con người và môi trường dường như đã lên tới mức nguy kịch”.

Thiên nhiên xuất hiện như một công cụ trong tay con người, và như một thực tại con người phải liên tục vận dụng, nhất là qua các phương tiện kỹ thuật. Đó là quan niệm giản lược tối đa đang được phổ biến nhanh chóng ngày nay. Quan niệm ấy bắt đầu từ giả thiết – mà ai cũng thấy là sai lầm – rằng có sẵn một lượng năng lượng và tài nguyên vô hạn, có thể khôi phục nhanh chóng và có thể dễ dàng khắc phục các tác động tiêu cực của việc khai thác trật tự thiên nhiên. Quan niệm giản lược này nhìn thế giới tự nhiên một cách máy móc và nhìn sự phát triển theo lăng kính của chủ nghĩa tiêu thụ. Người ta dành ưu tiên cho hành động và sở hữu hơn là cho hiện hữu; và đây chính là nguyên nhân gây ra sự tha hoá con người dưới những hình thức nghiêm trọng.

## **Cần có cái nhìn đúng đắn về môi trường**

Việc hiểu đúng đắn về môi trường sẽ ngăn chặn sự giản lược mang tính thực dụng rằng thiên nhiên chỉ là một đồ vật không hơn không kém mà con người được quyền sử dụng và tùy tiện khai thác. Đồng thời, ta cũng không được tuyệt đối hoá thiên nhiên, nghĩa là đặt thiên nhiên lên trên cả phẩm giá con người.

Cách nhìn về con người và sự vật mà không tham chiếu chút nào tới sự siêu việt sẽ dẫn tới chỗ chối bỏ luôn khái niệm sáng tạo và dẫn tới việc gán cho con người và thiên nhiên một sự hiện hữu hoàn toàn độc lập.

Chính mối quan hệ của con người với Thiên Chúa xác định mối quan hệ của con người với đồng loại và môi trường.

Cần phải thực hiện việc bảo tồn một môi trường lành mạnh cho tất cả mọi người. “Nếu nhân loại hôm nay thành công trong việc kết hợp các khả năng khoa học mới mẻ với chiều hướng đạo đức lành mạnh, thì chắc chắn người ta sẽ có thể phát triển môi trường thành nơi cư ngụ và thành tài nguyên cho con người và cho hết mọi người, đồng thời sẽ có thể loại bỏ các nguyên nhân gây ô nhiễm, bảo đảm các điều kiện thích đáng để giữ gìn vệ sinh và sức khoẻ cho các nhóm nhỏ cũng như cho các vùng rộng lớn có con người định cư”.

## **IV. Một trách nhiệm chung**

### **a. Môi trường, một tài sản tập thể**

Chăm sóc môi trường là một thách thức đối với toàn thể nhân loại hôm nay. Đó là một vấn đề thuộc nghĩa vụ chung và phổ quát, nghĩa vụ tôn trọng một tài sản chung, được dành cho hết mọi người, bằng cách ngăn chặn không cho bất cứ ai sử dụng “một cách vô trách nhiệm các loại hữu thể khác nhau, bất kể là sinh vật hay loài vô tri vô giác – như thú vật, thảo mộc, các yếu tố thiên nhiên – hoàn toàn theo ý mình, theo nhu cầu kinh tế riêng của mình”

Viễn tượng này mang tầm quan trọng đặc biệt kể từ khi người ta xét đến giá trị của sự đa dạng sinh học trong môi trường trên cơ sở những mối quan hệ gần gũi đã ràng buộc các thành phần khác nhau trong hệ sinh thái. Rừng chính là yếu tố giúp duy trì sự cân bằng tự

nhiên rất cần cho cuộc sống. Phá hoại rừng qua những vụ làm cháy rừng do ác ý và thiếu suy xét càng làm tăng nhanh tiến trình sa mạc hoá, sẽ để lại những hậu quả rất nguy hiểm cho việc dự trữ nước và làm phương hại đến đời sống của nhiều dân bản địa, cũng như hạnh phúc của các thế hệ tương lai. Mọi người cũng mới tổ chức có bồn phận bảo vệ di sản rừng, và nếu cần, phải xúc tiến các chương trình tái tạo, trồng rừng.

“Trách nhiệm đối với môi trường – di sản chung của nhân loại – không chỉ liên quan tới các nhu cầu hiện tại mà còn mở rộng tới các nhu cầu tương lai. Ta đã thừa kế từ các thế hệ trước, và đã hưởng được lợi ích từ lao động của những người đương thời: vì thế, ta phải có bồn phận đối với hết mọi người, và không thể không quan tâm đến những người sẽ sống sau chúng ta, không thể từ chối mở rộng gia đình nhân loại”. Đây là một trách nhiệm mà các thế hệ hiện nay phải có đối với các thế hệ tương lai

Trách nhiệm đối với môi trường còn phải được thể hiện trên bình diện pháp lý. Cộng đồng quốc tế cần đặt ra những luật lệ thống nhất, cho phép các quốc gia kiểm soát hữu hiệu hơn các hoạt động có thể gây hậu quả tiêu cực trên môi trường và cho phép các quốc gia bảo vệ hệ sinh thái bằng cách ngăn chặn những tai họa có thể xảy ra.

Nội dung pháp lý của “quyền được có một môi trường tự nhiên an toàn và lành mạnh” đang từng bước hình thành. Song song với những chế tài pháp lý, cần phải tăng cường ý thức trách nhiệm cũng như phải thay đổi cách suy nghĩ và lối sống.

Các chính quyền, khi cần đưa ra những quyết định có liên quan tới sức khoẻ công chúng và những rủi ro của môi trường, đôi khi phải đối đầu với một tình huống là chỉ nhận được những dữ kiện khoa học mâu thuẫn nhau hoặc quá ít ỏi về mặt số lượng. Điều thích hợp là nên đưa ra những sự đánh giá dựa trên “nguyên tắc thận trọng”, tức là không áp dụng các luật lệ mà chỉ đưa ra những đường hướng nhằm giải quyết tình huống không chắc chắn ấy. Nói thế có nghĩa là ta cần đưa ra những quyết định tạm thời, có thể sửa đổi dựa trên những sự kiện mới mẻ mà cuối cùng ta mới biết được. Trong những hoàn cảnh thiếu chắc chắn mà cần phải đưa ra những giải pháp tạm thời, điều quan trọng là tiến trình ra quyết định cần phải hết sức minh bạch.

Một nền kinh tế biết tôn trọng môi trường sẽ không lấy việc gia tăng tối đa lợi nhuận làm mục tiêu duy nhất của mình, vì không thể bảo vệ môi trường nếu chỉ dựa trên những tính toán tài chính giữa phí tổn bỏ ra và lợi nhuận thu vào.

### **b. Sử dụng công nghệ sinh học**

Các công nghệ sinh học hiện đại đều có ảnh hưởng mạnh mẽ trên bình diện xã hội, kinh tế và chính trị, ở cấp quốc gia và cấp quốc tế. Cần phải đánh giá những công nghệ đó theo những tiêu chuẩn đạo đức. Những tiêu chuẩn này phải luôn hướng dẫn các hoạt động và các mối quan hệ của con người trong lĩnh vực xã hội, kinh tế và chính trị.

Trong tinh thần liên đới quốc tế, cần phải sử dụng các biện pháp khác nhau đối với việc ứng dụng các công nghệ sinh học mới. Trước hết, phải tạo điều kiện để có sự trao đổi thương mại một cách công bằng, không áp đặt những điều khoản bất công. Liên đới cũng có nghĩa là kêu gọi các nước đang phát triển phải gánh lấy trách nhiệm, đặc biệt các nhà lãnh đạo chính trị của các nước ấy, để tiến hành các chính sách thương mại có lợi cho người dân của họ và xúc tiến việc trao đổi công nghệ có thể giúp cải thiện các điều kiện cung cấp lương thực và sức khỏe.

Các nhà khoa học và kỹ thuật tham gia vào lĩnh vực công nghệ sinh học được mời gọi hãy làm việc một cách thông minh và kiên trì để tìm ra những giải pháp tốt nhất cho các vấn đề nghiêm trọng và khẩn cấp như vấn đề cung cấp lương thực và chăm sóc sức khỏe. Họ không được quên rằng hoạt động của họ có liên quan đến các tài nguyên – sống động cũng như vô tri vô giác – thuộc về di sản của nhân loại và cũng được dành cho các thế hệ tương lai. Đối với người tín hữu, đây còn là một vấn đề liên quan đến quà tặng đã được Tạo Hoá ban cho và phó thác cho trí khôn và tự do của con người, và chính trí khôn và tự do này cũng là những món quà từ trời cao ban tặng.

### **c. Môi trường và việc chia sẻ của cải**

Về vấn đề sinh thái, giáo huấn xã hội Công giáo nhắc lại rằng của cải trên trái đất do Thiên Chúa tạo dựng để mọi người sử dụng và phải được chia sẻ một cách công bằng, phù hợp với công lý và bác ái.

Khủng hoảng môi trường và nghèo đói là những vấn đề có liên quan đến cả một tổng thể các nguyên nhân phức tạp và bi đát, mà chúng ta có thể giải quyết được dựa trên nguyên tắc của cải dành cho tất cả mọi người.

Giữa sự phát triển của các nước nghèo nhất, sự thay đổi dân số và việc sử dụng bền vững môi trường có một mối quan hệ chặt chẽ, nhưng không được lấy đó làm chiêu bài để đưa ra những lựa chọn chính trị và kinh tế làm hại tới phẩm giá con người.

Nguyên tắc của cải là chung cho mọi người hưởng dụng cũng được áp dụng một cách đương nhiên trong vấn đề nước. Quyền có nước, cũng như các quyền khác của con người, được đặt trên nền tảng là phẩm giá con người, chứ không phải dựa trên bất cứ việc đánh giá đơn thuần theo định lượng nào vốn coi nước chỉ như một hàng hoá kinh tế không hơn không kém. Không có nước, sự sống bị đe dọa. Thế nên, quyền có nước uống an toàn là quyền của mọi người trên thế giới và là quyền không thể chuyển nhượng.

#### **d. Cung cách, lối sống mới**

Những vấn đề sinh thái nghiêm trọng đòi mọi người phải thực sự thay đổi cách suy nghĩ để đón nhận những cung cách, lối sống mới; “theo những lối sống này, việc tìm kiếm chân, thiện, mỹ và hiệp thông với người khác vì công ích sẽ là những nhân tố quyết định cho những việc lựa chọn để tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư”.

Những lối sống này sẽ được xây dựng dựa trên những đức tính thanh đạm, điều độ và tự chủ ở cấp độ cá nhân lẫn cấp độ xã hội. Cần phải dẹp bỏ cái logic chỉ biết có tiêu thụ, đồng thời phải xúc tiến các hình thức sản xuất nông nghiệp và công nghiệp biết tôn trọng trật tự sáng tạo và thoả mãn các nhu cầu căn bản của mọi người.



## Kết luận

### Thái độ biết ơn

Cần có thái độ biết ơn và đánh giá đúng về thiên nhiên. Thế giới mạc khải mầu nhiệm Thiên Chúa sáng tạo và duy trì thế giới. Thế giới xuất hiện như một bằng chứng về Thiên Chúa, là nơi bày tỏ quyền năng sáng tạo của Ngài. Việc tái khám phá ra ý nghĩa này của thiên nhiên không những khiến ta khám phá ra Thiên Chúa mà còn giúp ta biết hành động một cách có trách nhiệm trong vấn đề môi trường.

*Đan Quang Tâm.*

## PHÁ THAI VÀ GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

Giáo Hội Công Giáo hội đủ điều kiện để lên tiếng một cách có thẩm quyền về vấn đề phá thai. Điều này, như Đức Gioan Phaolô VI Đại đã dạy rõ, là ưu tiên số một của Tư Tưởng Xã Hội Công Giáo ngày nay — và tất yếu phải được diễn tả không phải chỉ như tư tưởng xã hội, mà còn bằng hành động xã hội nữa...

Khi lần đầu tiên cầm trên tay cuốn *Tóm Lược Học Thuyết Xã Hội của Giáo hội Công Giáo* nhiều tháng trước khi sách được phát hành rộng rãi năm 2004, tôi cảm thấy một sự ngạc nhiên thích thú khi đọc đoạn văn đề cập cụ thể và kết án thẳng thừng nạn phá thai trong ngữ cảnh bàn về các quyền con người và cả ở đề tài gia đình là cung thánh của Sự Sống. Sự kiện bất nhất là chủ đề phá thai thường được xem là nằm ngoài môn Học thuyết Xã hội Công Giáo được giảng dạy tại hầu hết các chủng viện và các đại học [Công Giáo].

Điều này phần lớn do các thông điệp xã hội, khởi đầu với thông điệp thời danh *Rerum Novarum* (Tân Sự) năm 1891 của Đức Giáo Hoàng Lêô XIII, tương đối ít đề cập đến vấn đề phá thai. Trong toàn bộ chín thông điệp xã hội, từ “*phá thai*” xuất hiện chỉ bốn lần, không lần nào vấn đề được đề cập rõ ràng.

Một phần, sự im lặng này là do chi tương đối gần đây thôi, phá thai mới xuất hiện như vấn đề luân lý trên diện rộng. Với sự phát triển khả năng giết người cũng như cứu người của y khoa, con số ca phá thai đã lên đến mức báo động trong bốn thập niên qua. Do đó, lần đầu tiên phá thai được đề cập đến trong một thông điệp xã hội là vào năm 1971 với Tông thư *Octogesima Adveniens* (Năm thứ tám mươi) của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI. Ở đây Đức Phaolô nhắc đến việc phá thai trong ngữ cảnh các giải pháp Malthus cho vấn đề thất nghiệp (số 18).

Một phần khác nữa, sự im lặng phản ánh sự hiểu biết phổ biến phá thai như vấn đề đạo đức y khoa hơn là vấn đề công bằng xã hội, lĩnh vực chính của tư tưởng xã hội Công Giáo. Chính Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II là người thực tế đã xoay chiều tình huống, mạnh mẽ đưa vấn đề phá thai vào trong Giáo Huấn Xã Hội Công Giáo.

Trong Thông Điệp *Evangelium Vitae* (Tin Mừng Sự Sống) năm 1995 ngài đề cập đến vấn đề một cách toàn diện, đặt vấn đề vào trong nội dung công bằng xã hội. Khi bắt đầu thảo luận về tính trầm trọng của những cuộc tấn công chống lại Sự Sống ngày nay, đặc biệt là việc phá thai, Đức Gioan Phaolô rõ ràng gọi ta nhớ đến thông điệp *Rerum Novarum* và ngài đã so sánh các vấn đề Sự Sống ngày nay với vấn đề công nhân thời Đức Lêô:

*Cách đây một thế kỷ chính các công nhân mới là giai cấp bị áp bức về các quyền cơ bản của mình, điều Hội Thánh bảo vệ họ một cách rất can đảm bằng cách tuyên bố các quyền thiêng liêng của công nhân với tư cách là một con người, cho nên bây giờ, khi một loại người khác đang bị áp bức về quyền cơ bản đối với Sự Sống, Hội Thánh cảm thấy có nhiệm vụ phải nói thẳng cùng với sự can đảm đó thay cho những ai không có tiếng nói. Tiếng kêu của Hội Thánh luôn luôn là tiếng kêu Phúc Âm bảo vệ những người nghèo trên thế giới, những người bị đe dọa và khinh miệt và bị vi phạm các quyền con người (số 5).*

Đoạn văn này, từ những trang đầu tiên của *Evangelium Vitae* đóng khung toàn bộ câu hỏi về phá thai theo Giáo Huấn của Hội Thánh. Nếu thông điệp năm 1891 của Đức Lêô XIII tập chú vào số

phận giai cấp công nhân là giai cấp xã hội cần nhất đến sự bảo vệ can trường vào lúc đó, thì sự chú ý của Huân Quyền xã hội ngày nay nên chuyển sang lớp mới những người bị áp bức này. Đức Gioan Phaolô II nói tiếp:

*“Ngày nay có muôn vàn con người yếu đuối, không phương tiện tự vệ, bị coi rẻ trong quyền căn bản được sống còn, đặc biệt là trường hợp các hài nhi sắp được sinh ra. Nếu vào cuối thế kỷ trước Giáo Hội không được im lặng trước những bất công ở thời đó, thì ngày nay Giáo Hội càng không thể im lặng, khi mà cùng với những bất công, lại tăng thêm, trên nhiều miền ở khắp thế giới, những bất công và những hiện tượng áp bức còn nặng nề hơn, đôi khi được trình bày như là những yếu tố của tiến bộ nhằm tổ chức trật tự thế giới mới”* (số 5).

### **Tại sao phá thai đáng chú ý một cách đặc biệt trong giáo huấn xã hội Công giáo?**

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô thấy rằng phá thai là một vấn đề đạo đức-xã hội mang tính tượng trưng và đặc thù, đáng được sự tập trung chú ý trong tư tưởng xã hội Công Giáo. Để diễn tả tính đặc thù của việc phá thai với tính cách một vấn đề về công bằng xã hội, đây là sáu đặc điểm phân biệt phá thai với các hiện tượng xã hội có liên quan:

#### **1. Phá thai liên quan cụ thể đến vấn đề hủy diệt Sự Sống vô tội:**

Điều này phân biệt việc bàn về phá thai với các đề tài có liên quan khác. Ta không bàn về việc giết kẻ địch, như trong chiến tranh, hoặc những kẻ sát nhân đã bị kết án, như trong trường hợp hình phạt tử hình, vị Hồng Y lúc đó là Joseph Ratzinger vào tháng 6 năm 2004 đã viết:

*“Có thể có một số sự khác biệt chính đáng về ý kiến ngay cả trong số những người Công Giáo về việc tiến hành chiến tranh và áp dụng hình phạt tử hình, nhưng tuy nhiên đối với vấn đề phá thai và an tử thì không”. Mặc dù mọi Sự Sống đều quý giá, thần học luân lý đã luôn luôn phân biệt việc hủy diệt “Sự Sống vô tội” là đặc biệt xấu và luôn luôn đáng phải lên án ở bất kỳ nơi đâu. Không ai có thể*

*“trong bất kỳ trường hợp nào, tự biện minh cho mình quyền hủy diệt trực tiếp một sinh mạng vô tội”* (Bộ Giáo lý Đức Tin, *Donum Vitae*, 76-77).

Không ai vô tội hơn và vô phương tự vệ cho bằng một trẻ em chưa sinh.

## **2. Một nhân tố khác phân biệt phá thai với tính cách một hiện tượng xã hội chính là biên độ của vấn đề:**

Hàng năm ước có khoảng 46 triệu ca phá thai được thực hiện trên thế giới, một con số tự bản thân nó đã khiến cho phá thai trở thành một vấn đề xã hội với những tỷ lệ làm ta thảng thốt. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô viết:

*“Nhân loại thời nay bày ra một cảnh tượng thật sự đáng báo động nếu chúng ta xem xét không những mức độ ác liệt của những cuộc tấn công tràn lan đối với Sự Sống mà còn ở quy mô chưa từng nghe thấy về số lượng những cuộc tấn công”* (*Evangelium Vitae*, số 17).

Một vụ giết người đơn độc có thể là một vấn đề xã hội, nhưng là một vấn đề xã hội có giới hạn. Một kẻ giết người hàng loạt thì gây ra một vấn đề xã hội nghiêm trọng hơn. Nhưng các vụ giết người mỗi năm lên đến hàng triệu người đòi hỏi phải có hành động ngay lập tức và quyết liệt. Số lượng các vụ phá thai nêu bật tính xã hội của vấn đề, và làm cho phá thai trở thành một trong những vấn đề công bằng xã hội nghiêm trọng nhất của mọi thời.

## **3. Một nhân tố thứ ba phân biệt phá thai với các vấn đề công bằng khác là tính pháp lý của nó.**

Không giống với các trường hợp giết Sự Sống con người hàng loạt khác, như khủng bố hoặc giết người hàng loạt, rõ ràng là bị liệt ra ngoài vòng pháp luật tại các nước tiên tiến, phá thai được hưởng sự miễn trừ pháp lý. Phá thai hủy diệt Sự Sống con người một cách có hệ thống, hợp vệ sinh, hợp pháp.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô đã viết về tính mới mẻ của *“những đe dọa được lập trình một cách khoa học và có hệ thống”*

(*Evangelium Vitae*, số 17). Sau này, ngài có nhận xét về tính đặc thù của phá thai là một quyền pháp lý.

Sau khi liệt kê hàng loạt các đe dọa khủng khiếp đối với Sự Sống con người, như nạn suy dinh dưỡng, chiến tranh và nạn buôn bán vũ khí, ngài tương phản các đe dọa này với một loại đe dọa mới đối với Sự Sống. Chẳng những các cuộc tấn công đối với Sự Sống không còn bị xem là tội ác, nhưng, ngài viết “chúng mắc lấy một cách nghịch lý tính chất “các quyền”, đến nỗi người ta đòi hỏi Nhà Nước cho họ được sự nhìn nhận hợp pháp và thực hiện các quyền đó thông qua các dịch vụ miễn phí do các nhân viên chăm sóc sức khỏe tiến hành” (*Evangelium Vitae*, số 11).

#### **4. Khía cạnh mang tính phân biệt thứ tư của phá thai là sự phân chia tùy tiện con người thành những người đáng sống và những người không đáng sống.**

Phá thai không phải giết bừa những cá nhân không có liên hệ mà là với sự khoan vùng cả một lớp mới những con người (chưa sinh) như những phi-nhân-vị (non-persons), bị loại trừ khỏi các quyền và sự bảo vệ cơ bản được dành cho tất cả các con người khác. Bằng cách này, phá thai bắt chước các đại thảm kịch lịch sử của mọi thời, luôn luôn bắt đầu bằng cách vu vạ cho cả một lớp người là không đáng sống hay đáng được tự do.

Về mặt lịch sử, các tội ác xã hội lớn nhất đối với nhân loại — nạn diệt chủng, tề phân biệt chủng tộc, phá thai, chủ nghĩa bài Do Thái, phân biệt giới tính, nạn nô lệ — đã luôn luôn vi phạm nguyên tắc bình đẳng, đưa toàn bộ một bộ phận của gia đình nhân loại xuống một vị trí thấp hơn với một phẩm giá nằm dưới những người còn lại. Vì nhân quyền xuất phát từ nhân phẩm, nên một khi phẩm giá bị đặt vấn đề thì các quyền bình đẳng cũng đành chịu chung một số phận.

Nếu nhân phẩm tùy thuộc vào một cái gì đó không phải là địa vị thành viên nhân loại — cho dù cái đó có là trí thông minh, khả năng thể thao, vị trí xã hội, chủng tộc, tuổi tác, hoặc sức khỏe — ta ngay lập tức thấy như thế là đã phân biệt ra hai hạng người: những người có thể giá và những người không. Như Đức Gioan Phaolô đã viết:

*“Làm sao còn nói được tới phẩm giá của nhân vị, khi người ta giết những kẻ yếu nhất và vô tội nhất? Nhân danh công lý nào mà người ta thực hiện sự kỳ thị đến mức bất công đối với những con người như thế, bằng cách tuyên bố rằng một số những người này đáng được bảo vệ, còn những người kia thì bị từ chối quyền sống?”* (Evangelium Vitae, số 20).

**5. Phá thai còn tự phân biệt khỏi các vấn đề khác về y đức, như an tử và giúp người khác tự tử, bởi sự thiếu vắng khả năng có sự đồng ý của đương sự.**

Tình trạng của người chưa sinh là người không có tiếng nói và hầu như vô phương tự vệ, như vậy đây là một chiều kích cần thêm vào các cuộc thảo luận về tính luân lý và sự nghiêm trọng của việc phá thai. Ở đây phạm trù đạo đức sinh học gọi là “*quyền tự chủ*” không thể áp dụng được, vì trẻ chưa sinh không có cách nào tự lên tiếng được.

**6. Cuối cùng, phá thai không giống các tệ nạn xã hội chủ yếu khác như thất nghiệp và ly dị bởi vì tính vô hình tương đối của nó.**

Không những chính các nạn nhân không có tiếng nói mà những ai có lợi ích từ việc phá thai không hề mấy may lên tiếng trước công chúng; nói chung, các bà mẹ và các gia đình là nạn nhân thứ hai của việc phá thai cũng không lên tiếng. Ngay cả các nhà lập pháp cũng thận trọng về những cuộc thảo luận thẳng thắn về hiện tượng phá thai, còn quảng cáo để bảo vệ Sự Sống thì bị cấm tại hầu hết hệ thống truyền hình.

Phá thai diễn ra đằng sau những cánh cửa đóng kín, và không được đưa ra trước công chúng. Như trong trường hợp nô lệ, việc chấm dứt tình trạng bất công xã hội của việc phá thai chủ yếu tùy thuộc vào lòng can đảm và sự sẵn lòng lên tiếng của những con người và các tổ chức không trực tiếp can dự vào việc phá thai.

**Sự đóng góp cụ thể của các tư tưởng xã hội công giáo trong vấn đề phá thai**

Tư tưởng Xã Hội Công Giáo đề ra hai yếu tố cần phân biệt trong cuộc tranh luận về phá thai.

Trước hết, nó đặt ra nhíp cầu giữa thần học luân lý và việc thảo luận công khai. Trong kinh nghiệm lâu dài xử lý các vấn đề xã hội, Hội Thánh không những đã tìm cách trình bày chân lý Kitô giáo trong tất cả sự phong phú của chân lý, nhưng còn tìm cách ảnh hưởng đến các Kitô hữu và mọi người thiện chí trong việc xây dựng một nền văn minh công lý và tình yêu.

Nhằm mục đích này, Giáo Huấn Xã Hội Công Giáo thường sử dụng từ vựng luật tự nhiên hướng đến tất cả những người thiện chí, và đưa ra những lập luận có sử dụng các khái niệm và cách cấu tạo để tiếp cận có thể đem ra thảo luận về luân lý trong một môi trường trong đó người ta không công khai tuyên xưng các xác tín chung (a non-confessional environment).

Thứ hai, có lẽ hơn bất kỳ định chế nào trên thế giới, Hội Thánh trong Giáo Huấn Xã Hội của mình đã phát triển một số các nguyên tắc nhằm giải đáp các vấn đề luân lý phức tạp trong xã hội.

Vì các tình huống mới phát sinh từ khung cảnh chính trị-xã hội đang thay đổi nhanh chóng, cho nên Hội Thánh đã cho thấy sự uyển chuyển đáng khâm phục trong việc thích ứng với các tình thế mới trong khi vẫn đang bảo vệ phẩm giá chính yếu của nhân vị và gia đình.

Một trường hợp điển hình là lập trường ưu tiên chọn lựa người nghèo của Hội Thánh, một nguyên tắc Phúc Âm, chủ ý nhấn mạnh vào và chú ý đến những người đang cần trợ giúp nhất. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II gọi đó là *“một hình thức đặc biệt của việc ưu tiên thực hiện bác ái Kitô Giáo”* ảnh hưởng trên cuộc sống mọi Kitô hữu (Sollicitudo Rei Socialis [Thông điệp Quan tâm đến các Vấn đề xã hội ], số 42).

Trong nhiều dịp, Huấn Quyền đã giải thích rõ là *“người nghèo”* muốn nói ở đây không phải là một giai cấp xã hội, hoặc chính là những người chịu sự thiếu thốn vật chất, nhưng bao gồm những người chịu mọi nỗi khổ cùng và túng quẫn. Ta đọc trong sách Giáo Lý: *“Sự khốn cùng này đã khiến Đức Kitô chạnh lòng thương xót và mang lấy thân phận khốn cùng của con người và tự đồng hóa với người bé nhỏ trong các anh em”* (số 2448).

Như một người mẹ tuy dành nhiều thời gian và sức khỏe cho một đứa con đang bị bệnh, nhưng không vì lý do đó mà yêu thương những đứa con khác ít đi, các Kitô hữu được kêu gọi tập trung các nỗ lực để ưu tiên dành cho những người túng thiếu và vô phương tự vệ nhất trong chúng ta. Áp dụng nguyên tắc này vào xã hội đương thời, thì bất công xã hội đang kêu gào lớn nhất đối với lương tâm Kitô hữu, vì các lý do đã nêu, lại là cuộc tấn công có chủ đích và trên diện rộng nhắm vào những thành viên yếu đuối nhất của xã hội, là những trẻ chưa sinh.

Trong truyền thống đáng kính đứng lên bảo vệ những thành viên vô phương tự vệ nhất của xã hội, Giáo Hội Công Giáo hội đủ điều kiện để lên tiếng một cách có thẩm quyền về vấn đề phá thai. Điều này, như Đức Gioan Phaolô Vĩ Đại đã dạy rõ, là ưu tiên số một của Tư Tưởng Xã Hội Công Giáo ngày nay — và tất yếu phải được diễn tả không phải chỉ như tư tưởng xã hội, mà còn bằng hành động xã hội nữa.

Lm. **Thomas d. Williams**, L.C.

*Khoa Trưởng Thần học và giáo sư môn Học Thuyết Xã Hội Công  
Giáo tại Đại học Nữ vương Các Thánh Tông Đồ Roma  
Đan Quang Tâm chuyên ngữ*



# NGÀY THÂN PHỤ

*Nếu có ngày tôn vinh Mẹ  
thì tại sao không có ngày tôn vinh Cha ?*

*Dù chúng ta tôn vinh người cha hay người mẹ thì cũng đừng bỏ  
người nào. Người cha hay người mẹ bị bỏ quên cũng đều cảm thấy  
buồn vậy.*

Hàng năm, chúng ta có Ngày Thân Mẫu (Mother's Day) để tôn vinh các người Mẹ, được kỷ niệm vào Chúa Nhật thứ nhì của tháng Năm, và chúng ta cũng có Ngày Thân Phụ (Father's Day) để tôn vinh các người Cha, được kỷ niệm vào Chúa Nhật thứ ba của tháng Sáu.

## **Lịch sử**

Nguồn gốc Ngày Thân Phụ không là một hiện tượng xảy ra trễ nhất, các học giả cho rằng Ngày Thân Phụ có từ thời Babylon bị tàn phá. Một thanh niên tên là Elmesu đã khắc Thông điệp Ngày Thân Phụ trên một tấm thiệp bằng đất sét gần 4.000 năm trước. Elmesu ước mong cha mình có sức khỏe tốt và sống lâu. Dù không có chứng cứ về Elmesu và người cha nhưng truyền thống kỷ niệm Ngày Thân Phụ vẫn lưu truyền ở nhiều quốc gia trên thế giới.

## **Ngày Thân Phụ tại Hoa Kỳ**

Cách nhìn ngày nay về việc kỷ niệm Ngày Thân Phụ có nguồn gốc từ Hoa Kỳ, sau đó truyền thống này lan truyền sang các nước trên thế giới. Thế giới mang ơn bà Sonora Louis Smart Dodd, một người con yêu thương ở Spokane (Washington) vì bà đã tranh đấu để có Ngày Thân Phụ như ngày nay. Bà cho rằng chúng ta tôn vinh những người Mẹ mà lại quên công khó của những người Cha trên cương vị “chống mũi chịu sào”.

Ý tưởng về Ngày Thân Phụ xuất hiện trong đầu bà Sonora khi bà tình cờ nghe bài giảng thuyết về Ngày Thân Mẫu năm 1909. Lúc đó bà 27 tuổi, bà nghĩ: “Nếu có ngày tôn vinh Mẹ thì tại sao không có ngày tôn vinh Cha?”. Bà cảm thấy thương những người cha vì tình thương bà nhận được từ người cha của bà là ông William Jackson

Smart, một cựu chiến binh. Mẹ bà qua đời do sinh con khi Sonora mới 16 tuổi. Ông Smart phải chịu cảnh “gà trống” nuôi 5 đứa con bằng tất cả lòng yêu thương và chăm sóc của người cha kiêm chức năng làm mẹ.

Được cảm hứng từ việc bà Anna Jarvis đấu tranh để có Ngày Thân Mẫu, bà Dodd bắt đầu khởi xướng tổ chức Ngày Thân Phụ tại Hoa Kỳ. Hiệp hội Chính quyền Spokane (Spokane Ministerial Association) và Hiệp hội Thanh niên Kitô giáo (Young Men's Christian Association – YMCA) tại địa phương ủng hộ ý nguyện của bà Sonora. Kết quả là Ngày Thân Phụ được tổ chức lần đầu tiên vào ngày 19-6-1910. Dù ban đầu có sự lưỡng lự, nhưng vẫn được nhiều người ủng hộ, và Ngày Thân Phụ được tổ chức tại các thành phố trong quốc gia Hoa Kỳ.

Thấy rất nhiều người tụ họp kỷ niệm Ngày Thân Phụ tại Hoa Kỳ, tổng thống Woodrow Wilson phê chuẩn việc này vào năm 1916. Tổng thống Calvin Coolidge cũng ủng hộ Ngày Thân Phụ mang tính quốc gia của Hoa Kỳ vào năm 1924: “Hãy thiết lập các mối quan hệ thân mật giữa cha con và nhấn mạnh vào trách nhiệm của họ”. Sau 40 năm đấu tranh, tổng thống Lyndon Johnson ký lệnh dùng Chúa Nhật thứ ba của tháng Sáu là Ngày Thân Phụ từ năm 1966. Năm 1972, tổng thống Richard Nixon ký quyết định vĩnh viễn kỷ niệm Ngày Thân Phụ vào Chúa Nhật thứ ba của tháng Sáu hằng năm. Bà Sonora Smart Dodd được tôn vinh vì bà đã góp phần vào Hội chợ Thế giới (World's Fair) ở Spokane năm 1974. Bà Dodd qua đời năm 1978, hưởng thọ 96 tuổi.

### **Các giả thuyết về lịch sử Ngày Thân Phụ**

Có vài giả thuyết về Ngày Thân Phụ. Một số người cho rằng Ngày Thân Phụ đầu tiên được tổ chức tại miền Tây Virginia năm 1908. Một số người khác cho rằng lễ này được tổ chức lần đầu tại Vancouver, Washington.

Chủ tịch câu lạc bộ Lions tại Chicago, ông Harry Meek, được coi là người tổ chức Ngày Thân Phụ đầu tiên vào năm 1915 để nhấn mạnh vào việc tôn vinh những người cha. Ông chọn Chúa Nhật thứ ba của tháng Sáu để kỷ niệm, đó là ngày gần sinh nhật của ông Meek. Để đánh giá công việc của ông Meek, Câu Lạc Bộ Lions của

Hoa Kỳ đã tặng ông chiếc đồng hồ bằng vàng, với lời đề tặng “Người khởi xướng Ngày Thân Phụ” (Originator of Father's Day) vào chính sinh nhật của ông, 20-6-1920. Một số sử gia tôn vinh bà Charles Clayton ở Tây Virginia là người khởi xướng Ngày Thân Phụ.

Năm 1957, thượng nghị sĩ Margaret Chase Smith viết thư gửi quốc hội: “Dù chúng ta tôn vinh người cha hay người mẹ thì cũng đừng bỏ người nào. Người cha hay người mẹ bị bỏ quên cũng đều cảm thấy buồn vậy”.

Ngày Thân Phụ được kỷ niệm vào những ngày khác nhau ở các nước khác nhau. Đa số các nước – kể cả Hoa Kỳ, Anh, Canada, Chilê, Pháp, Nhật Bản và Ấn Độ – đều kỷ niệm Ngày Thân Phụ vào Chúa Nhật thứ ba của tháng Sáu.

Mặc dù Ngày Thân Phụ không cố định giống nhau tại các nước và cách kỷ niệm cũng khác nhau, nhưng ở đâu cũng chung một tâm tình là tôn vinh công lao của những người cha và bày tỏ lòng yêu thương đáng sinh thành. Vào ngày này, con cái gửi thiệp mừng, hoa và quà cho cha mình để bày tỏ lòng yêu thương và kính trọng.

Tại nhiều quốc gia có đa số là người Công giáo thì Ngày Thân Phụ được mừng vào ngày lễ kính Đức Thánh Giuse, 19 tháng Ba.

Ngày Thân Phụ được coi là rất quan trọng vì ngày này giúp nhận thức về công lao của những người cha đối với gia đình và xã hội. Việc cử hành Ngày Thân Phụ không chỉ giúp những người con có cơ hội bày tỏ yêu thương và kính trọng đối với cha mình, mà còn giúp củng cố quan hệ phụ tử và phát triển tình cảm của người con dành cho cha mình.

### **Lời cầu nguyện cho Thân Phụ**

*Lạy Thiên Chúa là Cha nhân hậu, xin chúc lành cho những người cha trên thế giới, xin hướng dẫn những người cha biết yêu thương và làm gương lành cho con cái, xin biến đổi họ trở nên những người cha như chính Chúa là Cha, xin ban cho họ tràn đầy hồng ân và kiên nhẫn trong mọi hoàn cảnh với lòng yêu thương đích thực. Amen.*

*Thom. Aq. **Trâm Thiên Thu**  
(Chuyên ngữ từ FathersDayCelebration.com)*

## HẠT GIỐNG

Thưa mẹ, ngày con đi lễ giỗ đầu tiên của mẹ, chị Bác sĩ, nhóm công tác xã hội tại Giáo xứ Vinh Sơn, Quận 10, Thành phố Sài Gòn. Trong Thánh lễ con nghe cha giảng về Dụ ngôn người gieo giống, và con cảm nhận một ý tưởng thật độc đáo về người mẹ. Con nhớ về mẹ rất nhiều và con thấy mình còn quá thiếu sót đối với mẹ mình. Xin mẹ tha thứ cho con nghe mẹ.

Hạt giống gieo vào lòng đất trong Tin Mừng hôm đó nói về “*Người gieo giống đi ra gieo giống...*”

Nếu là hạt giống để gieo thì phải có sự chọn lựa thật kỹ, người ta chọn hạt tốt nhất, tròn trịa, đầy đặn. Không ai gieo giống mà chọn hạt lép, hoặc trấu bao giờ! Mà hạt giống được gieo vào lòng đất phải thối đi nó mới nảy mầm được, nó sẽ thành cây mạ non, rồi trở thành đòng đòng, và sau cùng thành bông lúa trĩu hạt. Nó lạ hơn những hạt giống khác là khi gieo hạt, hạt nảy mầm lớn lên thành cây, đơm bông, kết trái, sẽ cho ra ngay quả khi còn là bông, giống hạt lúa thuở ban đầu mà người ta chọn để gieo, có cây sậy hạt được một trăm.

Mẹ ơi, trong Thiên chức làm mẹ, không phải ai cũng làm được, mà do sự quan phòng của Thiên Chúa. Người lập gia đình, là một hạt giống tốt, Chúa đã chọn để truyền ban sự sống cho con cái qua cha mẹ. Nếu người làm cha mẹ hiểu được thiên chức ấy thì không ai nỡ nhẫn tâm giết con mình từ trong trứng nước, một sinh linh yếu đuối, không đủ sức chống đỡ, phải không mẹ?

Mẹ ơi! Mẹ phải chết đi chính mình để chăm lo cho con cái, với chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm, mẹ phải chịu bao nhiêu thay đổi tâm sinh lý ở thời kỳ thai nghén. Mẹ còn đau đớn hơn nữa, chịu banh da, xé thịt, trong trường hợp “*thập tử nhất sinh*” sự sống liền kề với cái chết, không ai có thể thay thế được cho mẹ lúc bấy giờ? Sự cô độc một mình khi phải sinh con:

*“Người ta đi biển có đôi, mẹ tôi đi biển mò cô một mình!”*

Thật vậy, lúc nhỏ con nghe mẹ kể về cái “đau” của mẹ, mẹ đau bụng dữ dội cả ngày đêm, đau không thể tưởng tượng được lúc gần sanh ra con, mẹ vừa khóc vừa nói với cô đỡ:

*“Cô ơi! mai một cô đừng đi lấy chồng nghe cô, đau bụng lắm cô ơi!!....”*

Vâng, đây quả là sự chết đi, thối đi của mẹ để sinh hoa kết trái. Và trái đó lại giống hệt người cha, người mẹ như hạt giống thườ ban đầu mà Thiên Chúa tuyển chọn.

Thật vậy, có người gặp con bảo con giống hệt ba, người khác thì nói con giống hệt mẹ. Như vậy là con giống hệt mẹ cha. Con cảm ơn Chúa rất nhiều.

Mẹ ơi, đây chỉ là bước đầu của sự chết đi, thối đi của mẹ. Mẹ còn phải chết theo từng giai đoạn thăng trầm của cuộc sống. Bao mất mát thương đau, ba con chết cho quê hương, đầu lia khỏi cổ, còn bị treo tòng teng trên ngọn cây cao...!! Mẹ đỡ sống, đỡ chết, đứa con thứ tư mới lên hai, mẹ vừa tròn ba mươi lăm tuổi. Mẹ phải bươn chầy ngược xuôi, làm đủ thứ nghề, để có tiền lo cho bốn đứa con ăn học. Con biết mẹ vất vả nhiều lắm, đáng lẽ chúng con phải đi làm thuê, làm mướn về nuôi mẹ như bao nhiêu trẻ mồ côi cha khác. Đàng này chúng con chỉ có ăn và học, vậy mà lúc nhỏ chúng con thấy tủi thân vì mồ côi cha, thua kém bạn bè đủ thứ....!!

Thưa mẹ, giờ nghĩ lại con thấy con có lỗi với mẹ biết chừng nào! Có ai gánh vác sự nặng nhọc ấy cho mẹ chẳng? Mẹ hay kể cho con nghe lúc mới theo đạo, nhà quá khó khăn, ba mẹ đem hai anh em con gửi cha ở nhà thờ Phú Thuận, Bến Tre để cho chúng con đi tu, cha thấy tụi con còn nhỏ, nên mới khuyên ba mẹ đem tụi con về nuôi, vì: *“Trời sanh voi, thì sanh cỏ”*, ý nói về sự quan phòng của Thiên Chúa.

Ba mẹ nghe lời đem chúng con về, và từ đó... Thiên Chúa hằng thấu suốt, Ngài luôn nâng đỡ mẹ qua những người thân. Mẹ tuy là bôn đạo mới, nhưng mẹ rất tin vào Chúa, mẹ cầu nguyện trong mọi việc mẹ làm, những điều mẹ nói. Có ai hỏi mẹ:

*“Làm sao dì sống tốt với mọi người, biết dạy con lễ phép, không tham lam, không nói tục, không chưởi thề, ngoan ngoãn vâng lời mẹ răm rắp vậy...?”*

Mẹ mạnh dạn trả lời rằng: “*Tui lấy mười điều răn Đức Chúa Trời, Sáu điều răn Hội Thánh dạy, mà áp dụng*”.

Mẹ đọc thuộc lòng một hơi và còn giải thích cho họ nghe, cả những cô bác làm cách mạng mẹ cũng trả lời như vậy.

Họ gật đầu, và thốt lên : “*Hèn chi ...!*”

Mẹ ơi, giờ đây, mẹ đã thật sự chết về thể xác, và thân xác của mẹ sẽ bị thối đi, còn hạt giống cứ tiếp tục đơm bông kết trái luôn mãi cho các thế hệ tương lai phải không mẹ? Con cảm ơn Chúa vì Chúa đã chọn cho chúng con được hạt giống tốt, để người ta xem quả mà biết cây, vì : “*Cây tốt sẽ sanh trái tốt*”.

Mẹ ơi, Thánh lễ hôm đó đặc biệt nói về mẹ, làm con nhớ mẹ không cầm được nước mắt!. Con thấy gia đình này rất hiếu thảo, được nhiều người tham dự cầu nguyện thật sốt sắng, có cha chủ tế riêng.

Còn con xin lễ cho mẹ, có mình con biết và cầu nguyện một mình, chắc Chúa thương và nhậm lời cầu xin của con rồi phải không mẹ? Mẹ vẫn đang ở bên Chúa chứ? Mẹ nhớ cầu xin cho gia đình mình, cho hai em và các cháu tin nhận vào Thiên Chúa là Đấng đã chọn hạt giống tốt mà các cháu là người thừa hưởng sự tốt lành ấy.

Trong Thánh lễ hằng ngày, con luôn hướng lòng lên với Chúa để cầu nguyện cho mẹ ba và tất cả gia đình chúng ta. Amen.

1-2-2011  
Con của mẹ  
**Elisabeth**

# TẢN MẠN VỀ GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO



*Tôi vẫn nghĩ rằng học thuyết xã hội của Giáo Hội phản ánh cả một quá trình tâm linh của những người đã sống đức tin của mình giữa những hoàn cảnh cam go, phức tạp và đa dạng của lịch sử loài người hơn hai thế kỷ vừa qua.*

*Nếu chúng ta có dịp đi sâu vào những tình huống, tâm tư, nỗ lực của những người đã góp phần hun đúc nên kho báu học thuyết ấy, sẽ thấy nó còn hay hơn bất kỳ cuốn tiểu thuyết lịch sử nào, bởi vì ở đây là kinh nghiệm sống thực, có sự đổi mới, sự ly kì, có nỗi đau của con người, có mặt sáng mặt tối của nhân thế, có những phần khởi của khám phá và tiến bước, có chất vàng ròng của cõi tâm, của nhân ái, của tin, cậy, mến.*

**Lm. Vũ Khởi Phụng, CSSR.**



# LÚC HỖN MANG KINH HOÀNG CHÚNG TA BẮM VÀO AI?

## 1. Nhìn vào chính mình

Mỗi khi dành chút thời gian để hồi tưởng về cuộc đời quá khứ của mình, có lẽ mỗi người thường cảm thấy cuộc đời của mình đã trải qua nhiều kinh nghiệm đau khổ hơn là hạnh phúc, thất bại hơn là thành công, buồn sầu hơn là vui mừng...

Phải chăng đó cũng là điều mà Nguyễn Du, một đại thi hào dân tộc, đã thốt lên rằng chỉ có "trăm năm trong cõi" đời thôi mà đã "trông thấy" biết bao điều "đau đớn lòng"!.

\*\*\*

Một người bạn cao niên đã tâm sự với chúng tôi rằng lúc còn trẻ ông đã có rất nhiều hoài bão, nhưng nay ông hay thở dài và đôi lúc bật khóc. Bởi vì mái tóc đen bóng hồi xưa của ông nay đã điểm "bạc", khớp chân đã "sung", đôi mắt đã "mờ", và cặp kính lão đã "mòn", vậy mà những "ước mơ thời trai trẻ có mấy khi thành sự".

Ông đã từng thích đi tu, nhưng ngặt nỗi đã "say đắm quá thể một bóng dáng yêu kiều". Hơn nữa, đã có lúc ông tưởng tượng mình sẽ "bình thiên hạ", nhưng nay chỉ cần "bình cái túi tiền chi tiêu trong nhà mà cũng thấy khó".

## 2. Một thoáng nhìn ra thế giới

Đầu năm 2011, Bắc Phi vẫn đứng hàng đầu trên các bản tin, các báo. Sau Tunisia là Ai Cập; sau Ai Cập có lẽ là Libya, các quân cờ theo nhau đổ gục theo kiểu *domino*. Các cuộc cách mạng tại những nước Châu Phi đang tạo ra một làn sóng hy vọng và hứng khởi cho người dân đang sống dưới các chế độ độc tài khác.

Đọc sách lịch sử thấy những thần tượng mà xưa kia khiến hàng triệu người yêu mến thì nay đã sụp đổ. Tượng đài của họ cũng đã bị kéo sập. Cho nên, sẽ có thêm nhiều người bị vỡ mộng vì sự thật hôm nay có thể sẽ trở thành sự đối trá trong nay mai.



Vậy đứng trước những cảnh tượng hỗn mang kinh hoàng ấy, những sự kiện hôm nay thế này ngày mai thế khác, chúng ta biết bám vào ai?

### 3. Chúng ta bám vào ai?

Vậy chúng ta nên, chúng ta cần, chúng ta phải bám vào ai? Người nào yêu chúng ta bền bỉ, dẻo dai không phai nhòa? Người nào “lãnh đạo” toàn diện cuộc đời chúng ta? Người nào tạo ra cái cửa chắc chắn ở cổng thành để chúng ta bước vào bên trong thành phố bình yên không ô nhiễm, không trộm cắp, không dễ chết vì tai nạn bất ung? Người nào chấp nhận làm con đường cho chúng ta bước đi? Và người nào cho chúng ta niềm tin và hy vọng để chúng ta vượt qua những hỗn mang kinh hoàng luôn xảy ra trong lộ trình cuộc đời chúng ta?

Chúng ta đi tìm sách và tìm ra quyển sách viết về những bản khoán của cuộc đời chúng ta. Sách bảo là chúng ta đang làm một cuộc "lữ hành" từ lúc sinh ra cho tới ngày chúng ta vượt qua cái chết. Trong lúc đi đi lại lại trên dương thế, chúng ta vẫn được một người dẫn đường, y như người ấy là kẻ chặn một bầy đàn mà ta gọi là "mục tử". Người ấy xây thành phố an lành hạnh phúc và người ấy xây cửa thành, đứng ngay tại đó chờ đợi chúng ta. Người ấy lại lấy thân mình biến thành con đường cho chúng ta bước đi. Đi cùng người ấy, chúng ta thấy hy vọng đã vươn lên, niềm tin dâng trào.

Sách bảo: *Người ấy là Đức Giêsu thành Nazaret.*

Sách bảo Đức Giêsu sẽ cứu chúng ta cách toàn diện chứ không lẻ mẻ vài khía cạnh. Đức Giêsu lại hỏi thúc những người có toàn tâm toàn ý xây dựng cho mau chóng một cuộc sống đừng có hỗn mang mà cần phải có trật tự ở thế trần, mà triết học gọi cuộc sống trật tự cho loài người là **NỀN NHÂN BẢN TOÀN DIỆN VÀ LIÊN ĐỐI**.

Bạn có muốn cuộc sống hài hòa trật tự ấy không? Bạn có muốn sống trong thành phố Giêsu không? Xin hãy cùng nhau tìm đọc quyển sách ấy: **GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO**, có người dịch là **HỌC THUYẾT XÃ HỘI** của **GIÁO HỘI CÔNG GIÁO**, bản tiếng Anh là *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, bản tiếng Pháp là *Compendium de la Doctrine Sociale de l'Église*.

Chúng tôi sẽ kể tiếp cho bạn: Ai viết quyền này, và sách này nói gì về quyền con người, về gia đình, lao động, kinh tế, chính trị, cộng đồng quốc tế, hệ thống dân chủ, bảo vệ môi trường, hòa bình và nhất là cách thức xây dựng một nền văn minh tinh yêu.

*Nguyễn Khang.*



## LUYỆN TẬP SUY TƯ

Sách *Tóm lược Học Thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo* (GHXHCG) chứa những suy tư của các Công đồng, của các Đức Giáo hoàng, các bộ của Tòa thánh Vatican về những vấn đề lớn lao. Tôi đọc sách này mà có khi chẳng hiểu cho mấy: Nào là về các vấn đề xã hội, về vận mệnh nhân loại, về việc "giải cứu nhân loại" mà các nhà thần học gọi là ơn cứu độ.

Theo tôi, để hiểu được các suy tư trên, nên tham gia một nhóm để cùng trao đổi và học hỏi. Nhóm này đòi hỏi những người tham gia phải chịu suy tư. Lý tưởng nhất là trong nhóm có những người hiểu biết về triết học, thần học, văn hóa, mục vụ học, luân lý học, kinh thánh, xã hội học, kinh tế học...

Sở dĩ cần phải tham gia vào một nhóm để cùng giúp nhau hiểu rõ vấn đề bởi vì sách GHXHCG không chỉ chứa đầy "những suy tư sâu sắc nhất về thần học, triết học, luân lý, văn hóa và mục vụ" mà còn "đổi thoại thân tình với mọi ngành kiến thức và mang chiều kích liên ngành" (số 8 và số 76).

Tôi ở Việt Nam và sống trong một môi trường ít có điều kiện tiếp xúc với những luồng tư tưởng lớn và mới. Vì thế khi đọc được cuốn sách chứa đựng các tư tưởng có hệ thống và bàn về nhiều lãnh vực với cái nhìn từ nhiều chuyên ngành, tôi cảm thấy mình hiểu biết về nhiều vấn đề, và sẽ bớt đi cảnh "làm thầy bói xem voi", hay nói như Trần Tế Xương "cứ nghĩ rằng ta giỏi" khi suy nghĩ về các vấn đề xã hội.

Các tác giả sách GHXHCG là những người có nhiều năm sống đời tu, các chuyên viên thuộc nhiều lãnh vực khác nhau đang đảm nhiệm các chức vụ tại tòa thánh Vatican. Sách trưng dẫn 1232 suy tư lấy từ Thánh Kinh, các công đồng, giáo lý Hội thánh Công giáo, các tài liệu của các giáo hoàng, Bộ Giáo sĩ, Bộ Giáo dục, Bộ Giáo luật, các Hội đồng Giáo hoàng, các nhà thần học, các văn sĩ Hội Thánh, và luật pháp quốc tế...

Tuy vậy, cũng như tư tưởng của nhân loại luôn thay đổi theo thời gian, các tác giả sách cũng lưu ý rằng: "Không được quên rằng thời gian trôi qua và các hoàn cảnh đổi thay buộc chúng ta phải cập nhật liên tục các suy tư... để chúng ta có thể giải thích đúng đắn các dấu chỉ mới của thời đại" (GHXHCG số 9).

Vì tài liệu này chỉ bàn về những vấn đề căn bản cho nên việc việc áp dụng tại các địa phương cần phải được hướng dẫn và nghiên cứu cẩn thận: "Tập tài liệu này chỉ muốn đưa ra các yếu tố căn bản của GHXHCG, và để các Hội đồng Giám mục tùy theo tình hình địa phương mà đưa ra những áp dụng thích hợp"( Giáo lý Giáo hội CG số 24; Đức GH Gioan Phaolô II: Ecclesia in America, 54, 1999)

Tôi đọc sách GHXHCG để thấy rằng Hội Thánh của chúng ta có những suy tư rất thận trọng, rất hệ thống về các vấn đề của con người và xã hội. Một Hội Thánh luôn "đau đầu" cái kiếp người này chứ không phải một Hội Thánh "hững hờ" đâu.

Giờ đây việc học hỏi, giảng dạy và phổ biến GHXHCG đã có thể áp dụng tại Việt Nam vì sách đã có bản dịch ra tiếng Việt. Tuy nhiên, để việc phổ biến được nhanh chóng và rộng rãi, cần phải có sự quan tâm của các giám mục tại các giáo phận ở Việt Nam.

Có người than thở đòi hôn nhân: "Vợ tôi ra sao tôi chịu vậy". Nhưng tôi, một Kitô hữu trưởng thành thì "không chịu vậy"! Không ai dạy tôi GHXHCG, tôi cứ tầm sư học đạo, cứ xin hoà, xin mãi, rồi một ngày Hội đồng Giám mục Việt Nam sẽ sớm coi việc học hỏi GHXHCG là một công việc mục vụ ưu tiên để phúc âm hóa các trật tự trần thế ( GHXH CG số 7).

*Nguyễn Khang.*

## THỰC HÀNH GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

Nói đến nguyên tắc là nói đến những gì trừu tượng. Các nguyên tắc của GHXHCG cũng không phải là ngoại lệ. Ấy vậy mà các đức giáo hoàng, như Chân phước Gioan 23 chẳng hạn, cứ khuyến khích chúng ta học hỏi, nghiên cứu GHXHCG. Phải chăng đức Gioan 23 đã dự liệu được phương pháp thích hợp để làm việc đó?

Trong Thông điệp *Mater et Magistra* (Mẹ và Thầy), ngài viết:

“Học thuyết xã hội Công giáo là một thành phần thiết yếu của toàn bộ giáo lý mà Giáo hội luôn rao giảng về đời sống con người. Nên ta ước mong học thuyết xã hội này được toàn thể giáo dân học hiểu ngày càng sâu rộng hơn. Ta lại yêu cầu toàn thể các trường Công giáo mọi cấp, nhất là các chủng viện hãy đưa học thuyết xã hội Công giáo vào chương trình học tập bắt buộc” (222-223).

Có lẽ vì biết rằng áp dụng các nguyên tắc trừu tượng luôn luôn là một việc khó khăn nên vị chân phước giáo hoàng trong Thông điệp nói trên đã vạch ra một quy trình ba bước đã được áp dụng nhiều trong thực tế:

- a. Quan sát, nhìn xem tình huống cụ thể (Xem);
- b. Đánh giá tình huống bằng cách đối chiếu với các nguyên tắc (Xét);
- c. Quyết định cần phải làm gì trong trường hợp đó (Làm).

Phương pháp này thường gọi là phương pháp Xem-Xét-Làm.

Dưới đây là nguyên văn lời ngài:

“Những ai quyết thực hành học thuyết xã hội Công giáo thường phải trải qua ba giai đoạn: điều tra cho biết tình hình một cách tỉ mỉ, nhận xét hiện tượng dưới ánh sáng GHXHCG; rồi quy định đường lối áp dụng vào thời thế hoàn cảnh những nguyên tắc vĩnh cửu của Giáo hội. Ba giai đoạn ấy thường gọi là quan sát, phán đoán và hành động (xem, xét, làm). Đó là phương pháp hành động” (236-237).

Mục đích cuối cùng của việc học là thực hành, là hành động. Hành động là giai đoạn cuối, là bước phải đi sau khi đã phân tích, xem xét, phán đoán.

Sau khi một luật sĩ đã trả lời đúng câu hỏi Người đặt ra, Đức Giêsu bảo ông: “Ông trả lời đúng lắm. Cứ **làm** như vậy là sẽ được sống” (Lc 10,28).

*Đan Quang Tâm.*

## SÓNG BA ĐIỀU ƯỚC

### Yêu thì không hối tiếc



*Chuyện tình của Oliver và Jennifer*

Bộ phim *Love Story* (Một Chuyện Tình) có một lời thoại diễn tả ý nghĩa thật đặc biệt trong tình yêu: "Love means never having to say you're sorry" (yêu thì không bao giờ nói tiếc cả).

Câu nói này, nếu đặt trong ngữ cảnh của bộ phim, thì có lẽ nên hiểu thêm một cách dịch khác của một tác giả trên internet: “Chúng ta yêu nhau, đã khổ với nhau nhiều, nhưng không có gì phải nói hối tiếc!”. Nhưng

khi viết thành sách, tác giả Erich Segal đã nhấn mạnh nhằm làm nổi bật thông điệp mà ông muốn gửi đến độc giả: “*Love is NOT EVER having to say you're sorry!* - Yêu là **TUYỆT ĐỐI KHÔNG BAO GIỜ phải nói lời hối tiếc/xin lỗi!**”.

*Love Story* kể về cuộc tình của chàng trai trẻ Oliver và cô gái xinh đẹp Jennifer. Cuộc tình này đã vấp phải sự phản đối của người bố của Oliver, nhưng Oliver đã nghe theo tiếng gọi của trái tim, và cả hai đã trải qua biết bao thử thách để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng định mệnh đã không cứu họ, kết thúc câu chuyện, Jennifer bị mắc một căn bệnh hiểm nghèo và qua đời, để lại bao đau thương tiếc nuối cho người chồng mới cưới của mình.

Sau khi cô con dâu qua đời, bố của Oliver tới thăm anh bên một bờ biển, và anh đã nói với ông những lời sau: “*Cha là người luôn luôn yêu thương con và theo dõi để lo lắng cho con; và giờ đây cha là người duy nhất con có thể tuôn đổ nỗi lòng. Con biết rằng con đã không nghe lời cha, con biết rằng làm như thế là cha đau lòng lắm, và con không muốn tí nào. Đúng ra là con phải hối hận và xin lỗi cha. Nhưng thưa cha, con không xin lỗi cha đâu, và cũng không hối hận: vì con đã yêu! Nếu phải bắt đầu lại, thì con cũng sẽ làm đau lòng cha mà đi theo tiếng gọi của lòng con. Nếu có một người có lỗi thì người ấy là con chứ không phải cha!*” (theo một tác giả trên internet).

Dù sao tình yêu của Oliver dành cho Jennifer cũng làm phật lòng người bố của anh, và kết thúc của mối tình ấy, có lẽ, đã không mang lại cho Oliver niềm hạnh phúc trọn vẹn, mặc dù anh đã dấn thân và yêu Jennifer thật nhiều.

Tư tưởng của người bố của Oliver có thể đại diện cho một cơ chế, và cái cơ chế ấy cản ngăn Oliver được tự do lựa chọn và quyết định cho tình yêu của anh. Nhưng có lẽ chính sự không đồng tình với những đề nghị của ông bố, Oliver đã phải trả giá, phải sống nghèo khổ, phải làm lụng vất vả để có tiền chi tiêu, và nhất là để có được tình yêu, mặc dù bố của anh là giáo sư đại học.

Ai đọc xong tác phẩm này cũng thấy buồn, và có lẽ câu chuyện chỉ dạy chúng ta về một nghệ thuật yêu thương, nghệ thuật bước theo tiếng gọi của con tim, chứ không hẳn đã giúp cho cuộc sống của chúng ta có được niềm hy vọng.

### **Chết vì yêu**

Nhưng có một mối tình thâm sâu, vượt không gian và thời gian, đó chính là mối tình của Chúa Giê-su dành cho nhân loại. Mối tình này cũng không dừng lại sau cái chết của Ngài, nhưng nhờ cái chết và phục sinh của Ngài, nhân loại được bước sang một cuộc sống mới, đó là cuộc sống của niềm hy vọng về sự sống đời sau. Hy vọng đó đã và đang trở thành nguồn khởi hứng cho bao nhiêu con người dám từ bỏ tất cả để lên tiếng đề nghị, sống dấn thân và đi đến tố cáo những bất công và phi luân lý trong xã hội.

Có người xung tưng cái chết của Chúa Giê-su bằng câu: "chết vì yêu". Thật vậy, vì yêu chúng ta, Chúa Giê-su cũng đã công khai lên án những thói hư, tật xấu của những kẻ có chức có quyền vì đời sống của họ đi ngược lại những giới răn của Thiên Chúa. Ngài còn lên án cả những cơ cấu và cơ chế gây đau khổ cho con người, tạo thêm bất công trong xã hội, và cản ngăn sự tiến bộ. Kết cục, cái giá phải trả để cho tình yêu ấy được trọn vẹn chính là sự chết nhục nhã của Ngài trên thập giá.

### **Sống ba điều ước: Tố cáo, đề nghị và dấn thân**

Noi theo tình yêu tuyệt đối của Chúa Giê-su, giáo huấn xã hội của Giáo hội cũng mời gọi chúng ta can đảm sống như Đức Giê-su. Có nghĩa rằng một khi chúng ta đã yêu Chúa, yêu Hội Thánh, yêu nhân quần xã hội thì chúng ta phải sống dấn thân, dám đề nghị và mạnh dạn tố cáo những bất công xã hội, những cơ chế làm tha hóa con người và những cung cách sống trái với giới răn của Thiên Chúa.

Đề nghị thì ít bị người khác giết hại hoặc bắt bỏ tù. Đề nghị có thể còn được khen tặng hay ghi vào sổ sách mặc dù không được thực thi, như trường hợp của trí thức Nguyễn Trường Tộ, khi ông dâng sớ yêu cầu triều đình Nhà Nguyễn canh tân đất nước. Thông thường những đề nghị mang lại lợi ích cho xã hội, nhưng không được đem ra thực hành vì làm nguy hại đến lợi ích riêng tư của người hay nhóm người cầm quyền, thì lúc đó chúng ta thường tỏ ra an phận, buồn bã rồi tự nhủ: mình đã nói hết rồi, họ không nghe thì lỗi tại họ, lương tâm mình yên ổn rồi.

Dấn thân thì chưa bị hiểm nguy lắm: dấn thân vào một công việc mà không được cho phép thì ta rút lui. Làm việc công ích mà bị hiểu



lầm, hồ nghi, xua đuổi thì ta đi tìm chỗ khác để tiếp tục dần thân, nếu lúc đó vẫn còn yêu và còn ý chí.

Trái lại **tố cáo thì coi chừng đấy**: những ông độc tài chỉ thích nghe những lời khen. Ông ghét người tố cáo. Ông bị vạch áo, bị lột mặt nạ, bị lật tẩy, bị mất miếng ăn, bị dư luận nhận ra là ông giả hình, ông xấu xa... thế là ông ra tay hạ sát, bịt miệng, bắt bớ người tố cáo.

Ta hãy cùng nhau cầu nguyện và liên đới với những ai dám sống công chính, dám tố cáo. Người tố cáo là ai vậy? Người tố cáo được giáo huấn xã hội khắc họa như sau:

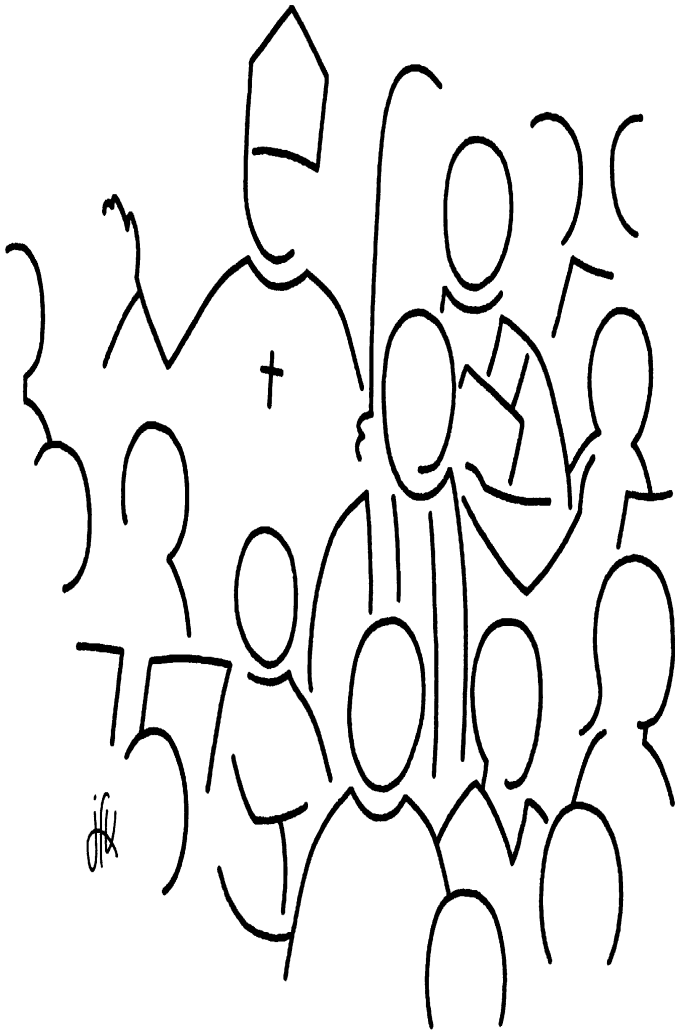
1. Người ấy có tình yêu mãnh liệt thì mới dám tố cáo.
2. Người ấy được thúc đẩy phải góp phần xây dựng nền nhân bản toàn diện và liên đới chứ không ngã về phe độc tài.
3. Người ấy có cảm nhận sâu sắc rằng nhân loại tuy khác nhau nhưng lại có chung một vận mệnh duy nhất.
4. Người ấy dám gánh trách nhiệm.
5. Người ấy "cùng hội cùng thuyền" với nhân loại, trên thuyền nhân loại, người ấy luôn quan tâm đến mọi chuyện: Kinh tế, công nghệ, chính trị, luân lý...
6. Người ấy cùng chèo thuyền sao cho tới đích là "ích lợi thật" của nhân loại, bây giờ và mai sau.

Vậy hãy luyện cho mau, cho sớm "ra lò" những người có tình yêu. Sách GHXHCG đòi phải là tình yêu Kitô giáo.

Xin Chúa biến đổi chúng con, từ những người chỉ có tình yêu nhân loại, được thặng hoa để có cả tình yêu Kitô giáo, để chúng con dám sống ba điều ước của sách GHXHCG:

"Tình yêu Kitô giáo sẽ đưa chúng ta tới chỗ tố cáo, đề nghị, dần thân vào những dự án văn hóa và xã hội" (số 6, Một nền nhân bản toàn diện và liên đới-Sách GHXHCG).

*Nguyễn Khang.*



# PHỤ TRƯỞNG



*Thuật ngữ “học thuyết xã hội” đến từ Đức Giáo hoàng Piô XI và chỉ “tập hợp” giáo lý liên quan đến các vấn đề xã hội; giáo huấn này khởi sự với Thông điệp Rerum Novarum (Các sự việc mới) của Đức Giáo hoàng Lêô XIII, được triển khai trong Giáo Hội thông qua Huấn Quyền của các Đức Giáo hoàng và các Giám mục hiệp thông với các ngài. Chắc hẳn Giáo Hội quan tâm tới các vấn đề xã hội không phải chỉ với văn kiện ấy, vì Giáo Hội không ngừng quan tâm tới xã hội. Nhưng Thông điệp Rerum Novarum đã đánh dấu sự khởi đầu của một lộ trình mới. Dù gắn kết với một truyền thống hàng mấy trăm năm, Thông điệp ấy vẫn báo hiệu một sự khởi đầu mới và một sự triển khai đặc biệt giáo huấn Giáo Hội trong lĩnh vực xã hội. (Sách Tóm lược... số 87).*



# LỊCH SỬ HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI

*Để giúp độc giả có cái nhìn sơ lược về lịch sử giáo huấn xã hội của Giáo hội Công giáo, chúng tôi in lại bài viết Lịch sử học thuyết xã hội của Giáo hội của linh mục Giuse Phan Tấn Thành, Dòng Đa Minh, nguyên Khoa Trưởng Phân Khoa Thần Học đại học Angelicum, Rôma.*

Thu tịch : AA.VV. *Manual de doctrina social de la Iglesia, obra coordinada por Alfonso A. Cuadron, BAC, Madrid 1993, pp.814.*

Sau khi nghiên cứu thần học về con người. Chúng ta nhận thấy rằng có ít là hai đường hướng nghiên cứu: 1/ Một đường thì bàn tới con người theo lịch sử cứu rỗi, với bộ môn “anthropologia theologica” (tại Việt nam, có nơi dịch là “nhân học đối thần”); 2/ Đường khác thì chú trọng tới việc bảo vệ phẩm giá con người trong những điều kiện xã hội hiện tại, đưa đến học thuyết xã hội của Giáo hội. Trong tháng này, mục thời sự thần học sẽ dành cho đường hướng thứ hai, tức là **học thuyết xã hội của Giáo hội**. Chúng ta sẽ lần lượt theo dõi lịch sử của môn này, những đặc trưng của nó, cũng như một vài vấn đề cụ thể liên can đến lãnh vực kinh tế, chính trị. Bài hôm nay giới hạn vào lịch sử của sự thành hình học thuyết xã hội của Giáo hội.

Theo một nghĩa rộng, thì có thể nói rằng học thuyết xã hội của Giáo hội ra đời cùng một lúc với Kitô giáo. Thực vậy, Kitô giáo không phải chỉ gồm những chân lý về mầu nhiệm Thiên Chúa nhưng còn kèm theo rất nhiều đạo lý về mối tương quan của con người với tha nhân, với gia đình và xã hội. Dọc theo dòng lịch sử, đã có bao nhiêu vị chủ chăn và thần học gia đã suy tư, nhắc nhở các tín hữu về những chiều kích của nghĩa vụ công bằng bác ái. Tuy nhiên, theo nghĩa chặt, thì học thuyết xã hội được thành hình từ một thế kỷ nay, và có thể lấy thông điệp “*Rerum Novarum*” của đức

Lêo XIII (1891) làm khởi điểm. Bối cảnh lịch sử của nó là cuộc cách mạng kỹ nghệ tại Âu châu, lôi kéo theo rất nhiều cuộc thay đổi về những công cụ sản xuất, cũng như những mối tương quan xã hội.

Thực ra, xã hội tại Âu châu đã bị lay động từ nhiều thế kỷ trước, do nhiều nhân tố khác nhau. Trước tiên là các cuộc cách mạng chính trị, lật đổ các chế độ chuyên chế, đòi hỏi các quyền **tự do bình đẳng** cho hết mọi công dân (*điển hình là cách mạng Pháp 1789*). Tiếp theo cuộc cách mạng chính trị đòi hỏi các quyền tự do cho công dân, là thuyết tự do kinh tế, theo đó trong lãnh vực kinh tế, chính quyền phải để cho sáng kiến tư nhân hoạt động (*laissez faire, laissez passer*) chứ không được can thiệp vào guồng máy sản xuất (*từ việc thiết lập cơ xưởng, cho tới khế ước thuê mướn nhân công, lẫn giá cả*). (*Vài học giả tiêu biểu : Adam Smith 1723-1790; David Ricardo 1772-1823*).

Chủ thuyết tự do cũng đề cao tư sản như là cái gì thánh-thiêng ngang hàng với tôn giáo và gia đình. Những tiền đề của chủ thuyết tự do, khi được áp dụng vào cuộc cách mạng kỹ nghệ, không những đã làm thay đổi các điều kiện làm việc (*từ nông nghiệp sang kỹ nghệ, từ đồng quê lên thành thị*), nhưng còn tạo ra những giai cấp mới trong xã hội: một bên là lớp tư bản và một bên là lớp vô sản. Từ khi mà mức sống giữa đôi bên càng lúc càng chênh lệch, thì hai bên càng ngày càng trở nên đối thủ.

Đứng trước tình trạng bất công mà đa số dân nghèo phải chịu đựng, nhiều học giả tựa như Robert Owen (1771-1858), Saint Simon (1760-1825), Proudhon (1809-1865) và nhất là Karl Marx (1818-1883), cho rằng nguồn gốc của các bất công xã hội là chủ nghĩa tự do kinh tế. Vì vậy muốn dẹp đi những bất công, thì chính quyền cần phải nắm giữ các bộ máy sản xuất. Không những Marx chỉ đề ra một lý thuyết nhưng ông còn khơi lên một hiệp hội quốc tế các công nhân, từ năm 1866 mang tên là Đệ nhất Quốc tế, nhằm chuẩn bị cho giới lao động nắm chính quyền, dẹp tan chế độ tư sản.

Học thuyết xã hội của Giáo hội đã ra đời trong hoàn cảnh đó. Tuy nhiên, cũng cần phải thêm rằng, Giáo hội không những chỉ phải đương đầu với những lý thuyết tự do trong lãnh vực kinh tế. Thực

vậy, từ thời cách mạng chính trị bên Pháp, giữa Giáo hội với chủ nghĩa tự do còn có những cuộc đụng độ trên những phạm vi khác nữa thí dụ như : về nguồn gốc quyền bính trong xã hội (*từ trời, hay là từ nhân dân?*), về tự do lương tâm (*ai muốn theo đạo nào thì theo, hay là phải theo đạo chân thật?*). Các Giáo hoàng Grêgôriô XVI (*thông điệp "Mirari vos" 15-8-1832, "Singulari nos" 25-7-1834*) và Piô IX (*"Syllabus", danh mục những sai lầm của thời đại, 8-12-1864*) đã lên án những tiền đề của chủ thuyết tự do trong lãnh vực chính trị; nhưng thái độ lên án mang tính cách tiêu cực.

Đức Lêô XIII (1878-1903) bắt đầu tạo ra một học thuyết có tính cách tích cực và vững chắc về luân lý xã hội, để đáp lại những học thuyết tự do lẫn học thuyết cộng sản về nguồn gốc quyền bính trong xã hội, về ý nghĩa của tự do, về mối quan hệ giữa Giáo hội và Nhà nước. Cách riêng, với thông điệp *Rerum Novarum* (15-5-1891), đức Lêô XIII giải quyết vấn đề mà sự kỹ nghệ hóa đã đặt ra, đó là: một thiểu số người giàu đã áp đặt ách nô lệ lên đại đa số người vô sản. Có thể coi đây như là khởi điểm của học thuyết xã hội của Giáo hội, tuy phải nhìn nhận rằng các văn kiện chính thức của Giáo hội đã được chuẩn bị trước đó nhờ những nhà thần học hoặc các giáo dân đi tiên phong.

Từ thông điệp *Rerum Novarum* trở đi, học thuyết xã hội của Giáo hội được bổ túc dần dần, do những vấn đề được gọi lên tùy thời thế và cũng do những cuộc tìm hiểu và suy tư càng ngày càng chín chắn hơn. Xét về những biến chuyển của thời thế, chúng ta có thể chia thành 6 giai đoạn như sau:

1. Thời phác họa những vấn đề (1891-1931).
2. Thời khủng hoảng của các chế độ kinh tế (1931-1939).
3. Thời thế chiến và chiến tranh lạnh (1939-1958).
4. Thời lạc quan của thập niên 60 (1958-1969).
5. Thời khủng hoảng trong Giáo hội và xã hội (1969-1989).
6. Từ 1989, với sự sụp đổ của bức tường Bá linh.

Chúng ta hãy lược qua những nét chính của mỗi giai đoạn.

## **I. Thời phác họa vấn đề (1891-1931)**

Không phải tất cả mọi giới công giáo đều hoan hỉ đón nhận thông điệp “*Rerum Novarum*”. Một nhóm trưởng giả đã trách đức Lêo XIII là đã vượt quá thẩm quyền của mình khi can thiệp vào những vấn đề xã hội thay vì chú trọng đến chuyện cứu rỗi các linh hồn. Dù sao, thông điệp ấy đã thức tỉnh lương tâm của nhiều tín hữu về vai trò của mình trong xã hội. Trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ XX, người ta nhận thấy rất nhiều sáng kiến đã được xúc tiến về phía các chủ nhân cũng như các công nhân Kitô giáo, muốn đem ra áp dụng đạo lý của Hội thánh. Chính trong khi thực hành, người ta mới thấy nảy ra những vấn đề mới mà thông điệp chưa nghĩ tới, nhưng cũng nhờ vậy mà học thuyết xã hội dần dần được bổ túc và hoàn chỉnh. Vài thí dụ : người công giáo có nên thành lập một đảng chính trị để tranh đấu cho một chính sách hòa hợp với luân lý hay không ? Các công nhân công giáo nên lập ra nghiệp đoàn riêng hay là nên gia nhập những nghiệp đoàn khác tuy không đồng tín ngưỡng ? Riêng về quyền lợi của các công nhân, các nhà thần học còn tranh luận xem vấn đề phụ cấp dành cho gia đình thuộc về công bằng hay thuộc đức bác ái?

## **II. Thời khủng hoảng của các chế độ (1931-1939)**

Thập niên 30 của thế kỷ XX được đánh dấu bằng nhiều khủng hoảng. Chế độ tư bản tự do gặp phải cơn khủng hoảng, điển hình với sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Nữ ớc (24-10-1929). Chế độ xã hội, sau cuộc cách mạng 1917 bên Nga, cũng bị rạn nứt giữa khuynh hướng đệ nhị và đệ tam quốc tế. Đang khi đó tại Đức và Ý nảy ra chủ nghĩa quốc xã và phát xít.

Thông điệp *Quadragesimo anno* của đức Pio XI (15-5-1931), kỷ niệm 40 năm thông điệp *Rerum Novarum*, đã vạch ra những sai lầm của ba chủ nghĩa nói trên: 1) Chủ nghĩa tư bản bị lên án là bất công bởi vì hoàn toàn dựa trên định luật cung cầu ; mặc dù đề cao tự do nhưng trên thực tế nó áp đặt sự thống trị của thiểu số có tiền lực. 2) Chủ nghĩa cộng sản bị kết án vì quan niệm đấu tranh giai cấp, gây ra căm thù trong xã hội. 3) Chủ nghĩa độc tài phát xít bị công kích vì dành cho Nhà nước quá nhiều can thiệp vào đời sống xã hội đến nỗi bóp nghẹt những sáng kiến tư nhân. Nên biết là đức Pio XI đã dành

ba thông điệp cho ba chế độ độc tài: “*Non abbiamo bisogno*” (29-6-1931) dành cho phát xít Ý; “*Mit brennender Sorge*” (14-3-1937) hướng tới quốc xã Đức; bốn ngày sau đó, thông điệp “*Divini Redemptoris*” (19-3-1937) ra đời bàn về chế độ cộng sản. Đức Piô XI đã mạnh dạn tố cáo tất cả những chủ nghĩa nào, - dù hữu phái hay tả phái, dù thuộc khuynh hướng tự do hay xã hội-, khi chúng đe dọa sự tự do đích thực của con người.

### **III. Thời chiến tranh thế giới và chiến tranh lạnh (1939-58)**

Triều đại của Đức Pio XII trùng với thời chiến tranh nóng và chiến tranh lạnh của thế giới. Chiến tranh nóng khởi sự với thế chiến thứ hai ngày 1-9-1939. Khi thế chiến vừa kết liễu thì cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu giữa hai khối Nga Mỹ. Thêm vào đó, ngay tại nước Nga, người ta cũng đã chứng kiến việc hạ bệ Staline năm 1956 đưa tới sự lên án vào năm 1961, dưới thời Kruschov, tuy ông này cũng làm thế giới đứng tim với cuộc khủng hoảng Cuba năm 1962, sau khi đã xây bức tường Bá linh năm 1961.

Đức Piô XII không xuất bản một thông điệp nào về vấn đề xã hội, nhưng Ngài đã viết hoặc tuyên bố trên đài phát thanh biết bao nhiêu bài diễn văn bàn về hòa bình trên thế giới. Không những ĐTC lên án chiến tranh, nhưng còn vạch ra những nguyên nhân của nó, cũng như đề nghị những nguyên tắc xây dựng một trật tự hòa bình trên thế giới. Ngoài ra, Ngài cũng đề cập tới những vấn đề như quyền tư hữu, việc quốc hữu hóa xí nghiệp...

### **IV. Thời lạc quan của thập niên 60 (1958-1969)**

Thập niên 60 được đánh dấu với những nét lạc quan về chính trị, kinh tế xã hội. Mặc dù chiến tranh lạnh giữa hai khối Nga Mỹ còn tiếp diễn, nhưng lãnh tụ của hai phe đã có dịp gặp gỡ nhau để thảo luận về chính trị quốc tế. Mức sống của dân chúng tại Âu Mỹ đã được nâng cao nhờ sự phát triển kinh tế. Các công nhân và nghiệp đoàn đã có tiếng nói trong sinh hoạt chính trị và xã hội. Thập niên 60 cũng còn được đánh dấu với sự dành độc lập của các nước Á-Phi, làm thay đổi mỗi bang giao giữa các quốc gia, dần dần đưa tới những khối trong cộng đồng chính trị thế giới.



Về phía Giáo hội, giai đoạn này trùng hợp với triều đại của đức Gioan XXIII. Ngài đã để lại hai thông điệp xã hội : *Mater et Magistra* (15-5-1961) và *Pacem in terris* (14-4-1963). Thông điệp thứ nhất kỷ niệm 70 năm thông điệp “*Rerum Novarum*”, đặt lại những vấn đề quyền tư hữu, lương bổng, các cơ cấu kinh tế trong viễn tượng mới của thế giới. Thông điệp thứ hai phát biểu quan điểm của Giáo hội trước các vấn đề chính trị quốc gia và quốc tế. Thông điệp này gửi tới “*hết mọi người thiện chí*”, chứ không chỉ giới hạn vào các phần tử của Giáo hội. ĐTC đề cao các quyền lợi của con người (*nhân quyền*), cũng như đặt nền móng xây dựng hòa bình dựa trên bốn cột trụ của: chân lý, công bằng, yêu thương và tự do.

Như chúng ta đã biết, đức Gioan XXIII đã triệu tập công đồng Vaticano II. Công đồng này đã bàn tới các vấn đề xã hội, đặc biệt là trong hiến chế *Vui mừng và Hy vọng* (*Gaudium et Spes*, 7-12-1965), với những chương nói về gia đình, văn hóa, kinh tế, chính trị, hòa bình.

Trong công tác thực thi công đồng, Đức Phaolô VI đã để lại một văn kiện quan trọng cho HTXH, đó là thông điệp *Populorum Progressio* (26-3-1966) bàn về sự phát triển các dân tộc. Sự phát triển không thể chỉ giới hạn vào lãnh vực kinh tế, nhưng cần được mở rộng tới sự phát triển toàn diện con người. Mặt khác, sự phát triển cũng đòi hỏi tình liên đới; vì thế vấn đề quyền tư hữu cần được lồng trong bối cảnh nhằm phục vụ lợi ích của toàn thể nhân loại.

## **V. Thời khủng hoảng trong xã hội và Giáo hội (1969-1989)**

Vào năm 1969, con người đã đặt chân lên cung trăng. Nhưng thay vì mở màn cho những hy vọng vô bờ bến của nhân loại, thì nó lại đánh dấu một giai đoạn khủng hoảng. Trước đó một năm, những cuộc biểu tình của sinh viên tại Paris và các thủ đô lớn ở Âu Mỹ đã cho thấy rằng thế hệ trẻ không hài lòng với những cơ cấu xã hội cổ truyền, và họ muốn phá đổ tất cả. Sự phát triển kinh tế bị đình trệ lại với cuộc khủng hoảng dầu lửa năm 1973. Hòa bình thế giới bị thương tổn không những do những cuộc chiến tranh sôi bỏng tại Việt nam, nhưng còn có những cuộc chiến tranh du kích tại Nam mỹ nhằm đòi hỏi một trật tự xã hội công bình hơn.

Trong nội bộ Giáo hội, luồng gió mới của công đồng Vaticano II đôi khi cũng gây ra những bão tố, điển hình là phản ứng tiếp theo thông điệp “*Humanae vitae*” của đức Phaolo VI (25-7-1968).

Trong giai đoạn này, đừng kể những văn kiện liên quan tới việc canh tân Giáo hội sau công đồng, chúng ta có thể ghi nhận rất nhiều văn kiện về học thuyết xã hội của Giáo hội.

Đức Phaolo VI, với tông thư *Octogesima Adveniens* (15-5-1971), kỷ niệm 80 năm thông điệp *Rerum Novarum*, đã trình bày lập trường của Giáo hội trước những vấn đề mới, đặc biệt là sự tham gia của các tín hữu vào các ý thức hệ. Ngài đã phân tích hai ý thức hệ (*tự do và mác xít*), khác với ba phong trào lịch sử (*chủ nghĩa xã hội, cộng sản, tư bản*).

Thượng hội đồng các Giám mục năm 1971 đã dành một văn kiện bàn về *Sự Công bằng trên thế giới*. Thượng hội đồng khóa 1974, được đức Phaolo VI đúc kết trong tông huấn *Rao truyền Phúc âm* (*Evangelii Nuntiandi* 8-12-1975), đã dành nhiều khoản (số 29-39) để nói về mối liên hệ giữa việc rao truyền Phúc âm với sự thăng tiến con người.

Đức Gioan Phaolô II khai trương giáo huấn xã hội của triều đại với thông điệp *Laborem exercens* (14-9-1981) bàn về lao động, vào dịp kỷ niệm 90 năm thông điệp *Rerum Novarum*. Tiếp theo đó là thông điệp *Sollicitudo rei socialis* (30-12-1987) kỷ niệm 20 năm thông điệp *Populorum Progressio*. Những dịp kỷ niệm như vậy không phải chỉ để lặp lại chuyện cũ nhưng là để bàn đến những vấn đề mà thời đại đặt ra. Thí dụ vào thời đại hôm nay, vấn đề lao động lôi kéo theo vấn đề nghiệp đoàn, lãng công, thất nghiệp, di dân, phụ nữ. Sự phát triển các dân tộc bị đình trệ vì nợ của các nước nghèo: thế giới không phải chỉ chia thành hai khối tư bản và xã hội, nhưng còn thêm những nước thuộc thế giới thứ ba và thứ bốn.

Bên cạnh giáo huấn của ĐTC, còn phải kể thêm hai huấn thị của Bộ Giáo Lý đức tin về thần học giải phóng (6-8-1984 và 22-3-1986), một huấn thị của Bộ Giáo dục công giáo về việc dạy học thuyết xã hội trong các chủng viện (30-12-1988), đó là chưa kể đến các văn kiện của Hội đồng Tòa thánh về “*Công lý Hòa bình*” và của các Hội đồng Giám mục.

## VI. Từ khi bức tường Bá linh sụp đổ (1989) .

Với sự sụp đổ của bức tường Bá linh ngày 9-11-1989, một trang sử được lật qua với những ảnh hưởng không riêng gì cho chính trị tại Âu châu mà còn cho trật tự của toàn thế giới. Bản đồ của nhiều quốc gia đã được vẽ lại. Người ta không còn lo sợ sự đụng độ giữa hai siêu cường Nga-Mỹ nữa, (*điển hình là hồi chiến tranh vùng vịnh Batur*). Tuy nhiên, những cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội vẫn còn trở trở ở đó: nạn thất nghiệp, nợ quốc tế, vv; đó là chưa nói tới cuộc khủng hoảng của các giá trị luân lý tinh thần.

Thông điệp *Centesimus Annus* (1-5-1991) không nhằm kỷ niệm 100 năm thông điệp *Rerum Novarum* cho bằng phác họa hướng đi cho tương lai. Thông điệp ôn lại thái độ của Giáo hội đối với hai chế độ mácxít và tư bản, cho thấy những khuyết điểm của mỗi chế độ, chung quy ở chỗ quan điểm lệch lạc về phẩm giá của con người. Khuyết điểm chính của thuyết mácxít là cắt đứt con người khỏi chiều kích siêu việt, cũng như chủ trương đấu tranh giai cấp. Khuyết điểm của chủ nghĩa tư bản là đề cao tự do cá nhân mà không đếm xỉa đến tình liên đới xã hội, hoặc đề cao một thứ tự do quá khích tách rời khỏi mọi giá trị luân lý.

Tóm lại, trong vòng 100 năm qua, học thuyết xã hội của Giáo hội đã có sự tiến triển, do những vấn đề được đặt ra tùy theo tình thế mới. Mặt khác, với dòng thời gian, những suy tư càng ngày càng chín mùi hơn, từ những giải pháp lẻ tẻ nhất thời cho tới những nguyên tắc có tính cách bao quát. Chúng tôi sẽ trở lại với vấn đề bản chất của học thuyết xã hội trong bài tới. Lần này, để kết thúc mục lịch sử, chúng tôi muốn ghi nhận vài nguyên tắc coi như bền vững trải qua những biến chuyển của thời gian. Những nguyên tắc căn bản có thể tóm lại như sau :

1) **Tôn trọng phẩm giá của con người.** Con người là chủ thể và trung tâm của mọi cơ cấu và hoạt động xã hội. Nói khác đi, tất cả sinh hoạt chính trị, kinh tế xã hội phải nhằm giúp con người phát triển phẩm giá của mình, chứ không phải để khuynh đảo, bóc lột con người. Việc tôn trọng phẩm giá của con người được thể hiện qua việc tôn trọng nhân quyền. Sách Giáo Lý Hội thánh công giáo nói tới phẩm giá con người tại các số 355-379 và 1700-1709.

2) **Con người cần có xã hội để phát triển**; hậu nhiên những cơ cấu xã hội thực là cần thiết cho con người. Tuy nhiên, những cơ cấu cần được luôn luôn cải tiến để khỏi rơi vào nguy cơ là đè bẹp, chèn ép những sáng kiến cá nhân. Chúng ta có thể xem sách Giáo lý Công giáo các số 1878-1889.

3) **Trật tự xã hội chính trị cần đặt trên nền tảng là công ích.** Công ích bao gồm toàn thể những điều kiện xã hội nhằm giúp đỡ sự phát triển toàn diện của con người và của hết mọi người. Khái niệm công ích được Sách Giáo Lý nói ở số 1905-1912.

4) **Đời sống xã hội cần được điều khiển bởi sự liên đới và hỗ trợ.** Ý nghĩa của liên đới và hỗ trợ được Sách GL giải thích ở số 1883-1884; 1939-1942; 2437-2440.

5) **Xã hội là một khái niệm hữu cơ, gồm có nhiều cấp độ:** gia đình, làng mạc, hiệp hội, quốc gia, cơ quan quốc tế. Con người có quyền được thiết lập, bảo vệ, cũng như bổn phận phải tham gia vào sinh hoạt của các cấp độ ấy. Sự tham gia vào sinh hoạt xã hội được sách GL nói đến ở các số 1913-1917.

6) **Cần phải nhìn nhận cho con người được quyền tư hữu.** Lao động là một nguồn gốc của quyền tư hữu. Nên biết rằng quyền tư hữu không chỉ giới hạn vào đất đai hay tài sản vật chất, nhưng còn bao hàm kiến thức, kỹ thuật. Mặt khác, quyền tư hữu không phải là quyền lợi cá nhân tuyệt đối, nhưng phải lệ thuộc một nguyên tắc cao cấp hơn, đó là: nhằm tới ích lợi của toàn thể nhân loại. Vì thế, đôi khi ích chung có thể đòi hỏi sự trút hữu hay cải cách quyền tư hữu, ngõ hầu hết mọi người có thể hưởng dụng những phương tiện tối cần để sinh sống.

Như quý vị có thể nhận thấy, một điểm mới của Sách Giáo lý Hội thánh công giáo (*xuất bản năm 1992*) là đã dành ra những mục riêng cho học thuyết xã hội của Giáo hội, đặc biệt ở các số 2419-2425, đó là chưa kể những bổn phận xã hội trong phần luân lý tổng quát (thí dụ 1878-1888) hay chuyên biệt (thí dụ 2443-2449).

**Tác giả Phan Tấn Thành, op**  
[www.giaodanvietnam.net](http://www.giaodanvietnam.net)

## LỜI TRI ÂN



*Chúng tôi thành kính tri ân những người đã có tâm nhìn vượt thời gian khi biên soạn và dịch các tài liệu về GHXHCG sang Việt ngữ. Chúng tôi cũng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc những người đang tha thiết tìm kiếm những lời giải trong kho tàng GHXHCG cho các vấn đề của Quê hương và Giáo hội Việt Nam. Và sau hết, chúng tôi hết lòng tri ân những người đang âm thầm nâng đỡ cho việc nghiên cứu và phổ biến giáo huấn xã hội Công giáo để cùng nhau bồi đắp nền văn minh tình thương và nền văn hóa sự sống cho nước Việt Nam dấu yêu.*

Đức cố Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (1928-2002) “đã thực hiện phân chuẩn bị phức tạp” cho quyển *Compendium of the Social Doctrine of the Church (Tóm Lược Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo)*.

Đức Hồng y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn, Tổng giáo phận Sài Gòn, đã có công phổ biến HTXHCG tại Việt Nam.

Linh mục Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo, OFM, đã dịch cuốn “*Giáo Huấn Xã Hội của Giáo Hội, Một hợp tuyển những văn kiện của huấn quyền*”, Lưu hành nội bộ, 2011, tài liệu của Hội Đồng Tòa Thánh Công Lý Và Hòa Bình.

Linh mục Anton Nguyễn Ngọc Sơn và Nhóm dịch thuật: “*Tóm Lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*”, NXB Tôn Giáo 2007. Nguyên tác: *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, tài liệu của Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý Và Hòa Bình.

Giáo sư Nguyễn Đăng Trúc đã dịch cuốn “*Một Cái Nhìn Mới Về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo*” của tác giả Hervé Carrier, S.J., tài liệu này được lưu hành trên mạng *Internet*.

Đức cha Phaolô Nguyễn Thái Hợp, O.P., Chủ tịch Ủy Ban Công Lý và Hòa Bình, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, “*Một cái nhìn về Giáo Huấn Xã Hội Công Giáo*”, NXB Phương Đông 2010.

Linh mục Mát-thêu Vũ Khởi Phụng, CSsR, đã thổi hồn cho phong trào học HTXHCG tại Việt Nam.

Linh mục Giuse Phạm Trung Thành, CSsR, Giám tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế, đã nâng đỡ các nhóm học hỏi HTXHCG.

Linh mục Giuse Lê Quang Uy, CSsR, đã đồng hành với các nhóm học hỏi HTXHCG.

Linh mục Antôn Lê Ngọc Thanh, CSsR, đã cố vấn cho công cuộc truyền thông GHXHCG.

Linh mục Anbertô Nguyễn Lộc Thọ, O.P., đã giảng chương “Đời sống kinh tế” theo tinh thần HTXHCG.

Linh mục Ernestô Nguyễn Văn Hưởng, Giáo sư các Đại chủng viện, đã hướng dẫn chương “Cộng đồng chính trị” theo tinh thần HTXHCG và đã giúp giải đáp thắc mắc về HTXHCG mỗi tháng một lần.

Linh mục Pascal Nguyễn Ngọc Tĩnh, OFM, Nhóm phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, đã chia sẻ nhiều tâm tình yêu nước, yêu Giáo hội cho nhóm.

Linh mục Laurence Bùi Công Huy, O.P., đã giảng dạy “Tổng quan HTXHCG” tại Tu viện Mai Khôi.

Nữ tu Elizabeth Trần Thị Quỳnh Giao, FMM, đã chia sẻ về tình hình xã hội tại Việt Nam cho nhóm.

***Ban Biên tập***

## MỤC LỤC

1. Lời Ngỏ, <b>Ban Biên tập</b> .....	3
2. Giới thiệu một trang <i>web</i> mới, Lm. <b>Vũ Khởi Phụng</b> , CSsR .....	5
3. Tóm lược chương nhập đề quyền Tóm lược HTXHCG: Một nền nhân bản toàn diện và liên đới, <b>Đan Quang Tâm</b> chuyển ngữ .....	8
4. Bó cục Quyền Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo, <b>Đan Quang Tâm</b> .....	12
5. Nền móng học thuyết xã hội của Giáo hội, Lm. <b>Thomas Williams</b> , <b>Đan Quang Tâm</b> chuyển ngữ .....	14
6. Giáo huấn xã hội Công giáo là gì? <b>Đan Quang Tâm</b> .....	21
7. Nguyên tắc nhân phẩm, <b>Đan Quang Tâm</b> .....	23
8. Bí mật giữ kín của Giáo hội, <b>Đan Quang Tâm</b> .....	26
9. Chân phúc Gioan Phaolô II bình luận Thông điệp Rerum Novarum, <b>Đan Quang Tâm</b> .....	29
10. Caritas in Veritate, Đức giáo hoàng nói về kinh doanh <b>Đan Quang Tâm</b> chuyển ngữ .....	34
11. Phục Âm mới cho Phố Wall, <b>Đan Quang Tâm</b> chuyển ngữ .....	41
12. Kinh tế đoàn sủng, <b>Đan Quang Tâm</b> .....	44
13. Doanh nhân và Lời Chúa, <b>Đan Quang Tâm</b> .....	51
14. Bảo vệ môi trường, <b>Đan Quang Tâm</b> .....	57
15. Phá thai và giáo huấn xã hội Công giáo <b>Đan Quang Tâm</b> chuyển ngữ .....	65
16. Ngày thân phụ, <b>Trần Thiên Thu</b> chuyển ngữ .....	73

17. Hạt giống, <i>Elizabeth</i> .....	76
18. Lúc hõn mang kinh hoàng, chúng ta bám vào ai? <i>Nguyễn Khang</i> .....	77
19. Luyện tập suy tư, <i>Nguyễn Khang</i> .....	83
20. Thực hành giáo huấn xã hội Công giáo, <i>Đan Quang Tâm</i> .....	85
21. Sống ba điều ước, <i>Nhóm Tác giả</i> .....	86
22. Lịch sử học thuyết xã hội của Giáo hội, Lm. <i>Phan Tấn Thành</i> , O.P. ....	92
23. Lời tri ân .....	101
24. Mục lục .....	103